

Những Bài Hay Nên Đọc # 04

SỰ MÀU NHIỆM CỦA THIÊN CHÚA.

Bằng Phong Đặng Văn Âu.

Năm 2015, tỷ phú Donald J. Trump tuyên bố ra tranh cử Tổng thống để cứu nước Mỹ. Lúc bấy giờ, tôi cho rằng ông ấy muốn nổi tiếng để quảng cáo dịch vụ bất động sản và các thương hiệu khác của ông. Bởi vì ông là một thương gia, mặc dầu nổi tiếng với show diễn “Apprentice”, tên ông được khắc vào “walk of fame” của Hollywood, nhưng vẫn chưa đủ để quần chúng đánh giá ông có tài lãnh đạo đất nước. Không ngờ ông đã đánh bại 16 ứng viên sừng sỏ trong đảng Cộng Hòa, rồi hạ luôn bà Hillary Clinton, một người đàn bà đầy tham vọng, thủ đoạn và tàn ác.

Bốn năm cầm quyền, mặc dầu bị phe Dân chủ, bọn truyền thông cánh tả (hay truyền thông thỏ tả) và bọn RINO phản phúc đánh phá tui bụi, nhưng Tổng thống Donald Trump vẫn đạt những thành quả về Kinh tế, An ninh lãnh thổ và Ngoại giao còn hơn các vị Tổng thống tiền nhiệm. Không một người lính Mỹ nào chết bởi khủng bố Hồi giáo. Ai cũng nghĩ nhiệm kỳ II (2020-2024) chắc chắn Tổng thống Donald Trump sẽ tái đắc cử dễ dàng, vì đối thủ của ông – Joe Biden – là một chính trị gia vô tài bất tương, chẳng có thành tích gì đáng kể, già nua lắm cảm nói trước quên sau. Thế mà Tổng thống Donald Trump bị thất cử và còn bị đánh phá ghê gớm hơn, vì sợ ông sẽ ra tranh cử Tổng thống vào năm 2024.

Sự đắc cử năm 2016 và sự thất cử năm 2020 của Tổng thống Donald Trump, tôi tin rằng đó là ý Trời muốn cho nhân dân Mỹ thấy bộ mặt thật của nền chính trị của nước Mỹ về sự suy đồi đạo đức gậy ra bởi Nhà Nước Ngầm (Deep State).

Nhờ sự xuất trận của tỷ phú Donald Trump, nhân dân Hoa Kỳ mới thấy trong cái đầm lầy ở Washington DC có những những con quái vật cực kỳ khủng khiếp:

1/ Đó là một bọn Truyền thông thỏ tả của dòng chính, vì đồng tiền mà đánh mất lương tri. Đạo đức của ngành truyền thông của Mỹ trước kia là “Fair – Balance – Accuracy”. Nhưng hiện nay truyền thông dòng chính của Mỹ là cơ quan tuyên truyền đảng Dân chủ cộng sản, chuyên môn bịa ra những tin tức dối trá để đánh lừa dư luận.

2/ Đó là bọn RINO (Republican in the name only) như gia đình Bush Cha và Bush Con, hai ứng cử viên đại diện đảng Cộng Hòa ra tranh cử Tổng thống là người hùng (!) John McCain và Thống đốc Mitt Romney. Cơ quan FBI và CIA là công cụ của đảng Dân Chủ..

Nếu bà Hillary Clinton đắc cử Tổng thống, nhân dân Hoa Kỳ sẽ giống như những con ếch bị đun trong nồi nước lạnh cho đến khi nước sôi lên thì chết không kịp ngáp.

Donald Trump xuất hiện là sự báo động của Thiên Chúa để cho dân Mỹ biết Sự Thật. Từ khi Việt Nam Cộng Hòa chưa mất vào tay Việt Cộng, tôi đã có những thắc mắc:

1/ Tại sao “Người Mỹ” cần phải giết anh em Tổng thống Ngô Đình Diệm?

2/ Tại sao “Người Mỹ” cần phải thua trong nhục nhã trước một kẻ thù yếu ớt, man rợ?

3/ Tại sao “Người Mỹ” bắt tay Trung Cộng, một giống người có hơn 1 tỷ 4 dân số, vô thần, được trang bị bởi cái Đạo của quỷ sứ ma vương (đạo cộng sản), mà quên đi mối Họa Da Vàng?

Sau khi Tổng thống Donald Trump thất cử năm 2020, tôi mới lưu tâm tìm hiểu, thì thấy:

1/ Đứng đầu các Viện Nghiên Cứu Chiến Lược như Brookings, Hoover, Rand Corporation là “Người Mỹ” gốc Do Thái.

2/ Đứng đầu Big Tech, Big Media, Big Pharma, các ngân hàng, các định chế tài chính như World Bank, IMF (International Money Fund), kể cả Bank of Federal Reserve đều là “Người Mỹ” gốc Do Thái.

3/ “Người Mỹ” gốc Do Thái thuộc đảng Dân Chủ ở Hạ Viện và Thượng Viện như Dân biểu Adam Schiff, Jerry Nadler, Thượng Nghị sĩ Chuck Schumer, Dianne Feinstein, Jon Ossoff, Richard Blumenthal, Ben Cardin, Bernie Sanders, Michael Bennet, Brian Schatz, Jacky Rosen ... đều chống Tổng thống Donald Trump một cách kịch liệt. Một Dân biểu thuộc đảng Cộng Hòa – Elizabeth Cheney, con gái Phó Tổng thống Dick Cheney, người Mỹ gốc Do Thái thuộc cánh bảo thủ – là người hợp lực với Nancy Pelosi chống Tổng thống Donald Trump rất mạnh mẽ.

Người Mỹ gốc Do Thái đứng đầu các Viện Nghiên cứu Chiến Lược Hoạch Định Chính Sách, các định chế Tài Chính, Big Tech, Big Media, Big Pharma và đứng đầu các Ủy ban Luồng Viện Quốc Hội, đương nhiên họ trở thành “Bộ Óc” của cơ thể Mỹ. “Bộ Óc” trên mặt hình thức không lãnh đạo nước Mỹ, nhưng nhờ cực kỳ giàu và thông minh, nên họ chỉ đạo nước Mỹ từ đằng sau, thông qua các Tổng thống. Chính Barack Hussein Obama đã tiết lộ nước Mỹ lãnh đạo thế giới từ đằng sau. Tức là Nhà Nước Ngâm mới là chủ nhân ông thực sự của nước Mỹ.

Tại sao Nhà Nước Ngâm muốn hạ bệ địa vị bá chủ hoàn cầu của Mỹ? Để trả lời câu hỏi này, tôi xin được phép nói khái quát đến lịch sử tôn giáo:

Theo Tân Ước, hai ngàn năm trước, Thượng Đế phái xuống trần gian người con độc nhất của Ngài để cứu độ dân Do Thái, con cháu riêng được Ngài lựa chọn. Thế nhưng, Do Thái không tin Jesus Christ là Đấng Cứu Thế. Các trưởng lão Do Thái họp nhau và làm áp lực, đòi quan Tổng trấn Phi-la-tô phải đóng đinh Chúa trên cây Thánh giá, mặc dầu Chúa Jesus Christ chẳng có tội gì.

Kết quả, dân Do Thái bị Chúa đày suốt 2 ngàn năm. Trong khi đó Kitô giáo do Đức Jesus lập lên sau đạo Do Thái, nhưng phát triển về mặt tư tưởng, triết học, kinh tế khắp hoàn cầu, đóng góp lớn lao vào nền văn minh nhân loại. Vào thế kỷ thứ 7 sau Công Nguyên, một người Ả Rập có cùng Tổ phụ Abraham với dân Do Thái, tên là Muhammad tự xưng là đấng tiên tri lập ra Đạo Hồi (Islam).

Đạo Do Thái, đạo Kitô, đạo Hồi đều tin tưởng có đấng toàn năng là Thiên Chúa (God, Allah) tạo ra vũ trụ. Nhưng khác nhau ở chỗ Do Thái giáo không nhìn nhận Đức Jesus là đấng Cứu Thế, nên các ngày lễ Giáng sinh, lễ Phục hưng, Lễ Lá chẳng liên quan đến họ. Hồi giáo tin Muhammad mới đích thực là đấng Cứu Thế, tất nhiên Đạo Hồi cũng chống Kitô giáo. Cho nên, các cuộc chiến Thập Tự Chinh đẫm máu đã xảy ra vào thế kỷ thứ 11.

Hai ông người Đức gốc Do Thái – Karl Marx và Friedrich Engels – và một ông người Nga gốc Do Thái – Vladimir Lenin – dựa vào thuyết Tiên Hóa của một ông người Anh gốc Do Thái khác – Charles Darwin – lập ra Đạo Cộng sản phủ nhận Thiên Chúa. Tôi gọi Chủ nghĩa Cộng sản là tôn giáo, vì nó cũng có giáo điều, nhưng vì nó là vô thần dùng bạo lực để diệt hữu thần, thì Cộng sản là cái Đạo của Quỷ sứ Satan, không chấp nhận nền văn minh Thiên Chúa giáo. Do đó, nếu bọn vô thần chiến

thắng toàn diện (tức là diệt trọn phe hữu thần để thống trị thế giới), thì đó là thời điểm tận thế (Armageddon) như trong Kinh Thánh đề cập tới.

Cuộc chiến tranh giữa Tự Do và Cộng Sản, giữa hữu thần và vô thần ở Việt Nam là cuộc chiến tranh tôn giáo. Nhưng Hồ Chí Minh điều ngoa hô hào đấu tranh chống Thực dân Pháp giành độc lập, là chiêu bài lừa bịp nhân dân Việt Nam yêu nước.

Đạo Phật ở Việt Nam coi như đã đầu hàng cộng sản, vì tượng của tội đồ Hồ Chí Minh được mang vào Chùa ngồi ngang với Đức Chí Tôn Thích Ca Mâu Ni, mà không một vị cao tăng nào dám cất lên tiếng nói phản đối. Nếu cộng sản toàn trị thế giới, thì Tòa Thánh Vatican sẽ không còn. Điều đó làm thỏa mãn những người Do Thái không chấp Chúa Jesus Christ là Đấng Cứu Thế!

Sau Đệ nhị Thế chiến, Tướng George Patton đề nghị sử dụng quân đội Đức đánh sang Nga để tiêu diệt Hồng quân cộng sản, nhưng Tổng thống Truman không chấp thuận. Sau trận chiến tranh Triều Tiên, Tướng Douglas MacArthur đề nghị dùng bom nguyên tử chiến thuật đánh tan Quân Giải Phóng Nhân Dân của Mao Trạch Đông để triệt tiêu họa Da Vàng, đưa Tướng Tưởng Giới Thạch từ Đài Loan về lục địa lãnh đạo nước Trung Hoa. Nhưng Tổng thống Truman cũng không chấp thuận.

Năm 1954, Thủ tướng Pháp Mendès France, gốc Do Thái, chia đôi nước Việt Nam. Năm 1975, Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger, gốc Do Thái, bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa cho Việt Cộng năm 1975. Như thế, ta có thể nói số phận dân tộc Việt Nam nằm trong tay Do Thái.

Hoa Kỳ với sức mạnh vũ khí, với đạo binh tinh nhuệ, thừa sức diệt quân xâm lăng Việt Cộng một cách nhanh chóng. Tại sao “Bộ Óc” không cho Quân Đội Hoa Kỳ chiến thắng? Tại vì “Bộ Óc” muốn dùng chiến trường Việt Nam để Cộng sản hóa nước Mỹ.

Kéo dài chiến tranh là có mục đích gây cho nước Mỹ thiệt mạng 58 ngàn quân nhân và hàng trăm tỷ đô-la hoang phí, thì mới có thể dựng lên Phong trào Phản chiến với khẩu hiệu “Make Love, Not War” để làm cho thanh niên Mỹ mất lý tưởng, coi nếp sống sa đọa với ma túy, trụy lạc với làm tình thả giàn là tốt hơn hy sinh mạng sống một cách vô ích ở Việt Nam .

Thêm vào đó, báo chí Mỹ (cầm đầu bởi Do Thái) chê Quân đội Việt Nam Cộng Hòa là “Thỏ Đẻ” và khen Quân Đội Việt Cộng oai hùng như “Sư Tử”. Có lẽ vài người còn nhớ trên trang bìa tờ tuần báo Times hay Newsweek (?) thời bấy giờ có bức biếm họa với lời chú thích: “Their Lion, Our Rabbit”. Nhân dân Mỹ nhận thấy con em mình chết trong cuộc chiến tranh phi nghĩa, đâm ra chống Chính quyền.

Đó là cách thức “Bộ Óc” dẫn dắt Hoa Kỳ vào con đường Xã hội Chủ nghĩa bằng tuyên truyền và giáo dục. Những thanh niên sinh viên thời phản chiến lúc bấy giờ thì ngày nay phần lớn đang là những nhà lãnh đạo trong Hành Pháp, Lập Pháp và Tư Pháp của nước Mỹ ngày nay.

Tại sao “Bộ Óc” muốn cộng sản hóa nước Mỹ. Như trên đã viết, Do Thái giáo không nhìn nhận Chúa Jesus là đấng cứu thế. Vậy cách hay nhất để triệt hạ cái Chính quyền tôn thờ Chúa Jesus Christ là sử dụng đạo quỷ cộng sản. Khi thời gian đủ chín muồi,

ông tỷ phú Do Thái – George Soros – dựng lên một ông Da Đen Barack Hussein Obama, một người có tín ngưỡng Hồi giáo và có tư tưởng cộng sản lên làm Tổng thống. Nếu không có tiền của tỷ phú George Soros, gốc Do Thái đổ ra, thì một người có quá khứ mơ hồ như Barack Obama không thể nào làm Tổng thống.

Trong 8 năm cầm quyền, Tổng thống Obama đủ thời gian cài người vào các cơ quan FBI, CIA và bổ nhiệm các Chánh Án Liên Bang và tổ chức “Black Lives Matter” cũng như “AntiFa” để từng bước thể hiện tiến trình cộng sản hóa nước Mỹ. Năm 2016, vì chủ quan tin tưởng thế nào cũng đưa bà Hillary Clinton lên được chức Tổng thống được. Không ngờ, tỷ phú Donald Trump giành chiến thắng. Năm 2020, đảng Dân Chủ phải dùng sự gian lận để cướp Chính quyền.

Tổng thống Bill Clinton, George W. Bush, Barack Hussein Obama hứa sẽ dời Tòa Đại sứ Mỹ đến Jerusalem. Nhưng cả ba vị không thực hiện, vì sợ Khối Ả Rập ở Trung Đông có cơ để gia tăng khủng bố. Tổng thống Donald Trump khi tranh cử, hứa hẹn rằng nếu đắc cử, ông sẽ đưa Tòa Đại sứ về Jerusalem như mơ ước của nhân dân Do Thái. Và ông đã thực hiện đúng lời hứa. Ngoài ra, con rể của ông – Jared Kushner – đã giúp ông đưa tới việc Khối Ả Rập và Do Thái ký Hiệp ước Hòa Bình. Từ đó không có nạn khủng bố Hồi giáo.

Với công lao và thành quả giúp Do Thái to lớn đến như thế, tại sao các Big Tech, Big Media, Big Pharma không ủng hộ Donald Trump để trả ơn, lại chống ông kịch liệt như vậy? Có phải tại vì họ không nhìn nhận Chúa Jesus là đấng Cứu thế, nên mới bắt tay với Trung Cộng để triệt hạ nền văn minh Cơ đốc giáo cho kỳ được?

Ai nấy đều thấy đảng Dân Chủ hoạt động giống như Việt Cộng: Tuyên truyền láo khoét, chụp mũ, vu khống, bạo hành, khủng bố, tham nhũng, thối nát, phá hoại kinh tế, an ninh Quốc gia. Nếu tình hình này không được cải thiện, Trung Cộng vượt lên địa vị bá chủ hoàn cầu, chắc chắn nền văn minh nhân loại sẽ không còn. Cho nên, nếu ai tin “một sợi tóc rơi cũng là ý Chúa”, thì sự xuất hiện của Elon Musk sau Donald Trump đúng là ý Chúa.

Tỷ phú Donald Trump từ bỏ cuộc sống vương giả để lội xuống đầm lầy làm sạch Quốc gia là ý Chúa chống lại bọn quỷ sứ ma vương cộng sản. Tỷ phú Elon Musk bỏ ra 44 tỷ đô-la để mua Twitter trị giá chỉ đáng 10 tỷ đô-la cũng phải do sự sai bảo của Chúa để vạch mặt bọn làm truyền thông bắt lương. Nếu không phải là ý Chúa thì làm gì có được một tài năng xuất chúng hy sinh tài sản lớn lao để chống lại một bọn tay sai của ma quỷ?

Elon Musk cho biết: “Nếu ông chết thành linh, mọi người đừng nghĩ ông tự tử”, chúng tôi 3 vị Thẩm phán Tối cao Pháp viện do Tổng thống Donald Trump đề cử cũng đã bị khủng bố, nên mới không dám cứu xét 18 Tiểu bang đệ đơn tố cáo gian lận bầu cử. Cuộc chiến chống lại sự Dối trá này chỉ mới bắt đầu với Twitter, những Facebook, Youtube, Google chưa ai dám đụng tới, hứa hẹn còn nhiều cam go trước mặt.

Nên nhớ rằng khi Liên Xô và Trung Cộng khi đang cùng thờ chủ nghĩa cộng sản, nhưng hai bên từng đưa ra biên giới 20 Sư Đoàn để thanh toán lẫn nhau. Nay Liên Xô đã tan rã, nếu Chính quyền Mỹ do Nhà Nước Ngâm lãnh đạo từ đảng sau có ý đồ giật sập địa vị bá chủ hoàn cầu của Mỹ, thì nước Nga không thể chống nổi tham vọng của Trung Cộng đã được “Người Mỹ” (tức là Do Thái chống Chúa) giúp giàu lên nhanh chóng và hiện đại hóa vũ khí. Các cựu lãnh đạo CIA thuộc phe Dân Chủ báo

cáo Nga là kẻ thù số #1 của Mỹ là cố đánh lạc hướng nỗi lo âu của dân chúng. Chính Trung Cộng với dân số 1 tỷ 400 triệu mới là mối họa cho nhân loại. Năm 2012, Tướng Trì Hạo Điền – Cựu Bộ trưởng Quốc phòng của Trung Cộng – trong cuộc thuyết trình cho các nhà quân sự Tàu hiểu phải đánh nước Mỹ bằng vũ khí sinh học thì các dinh thự, cao ốc mới tồn tại để đưa dân Tàu sang ở được.

Cuốn sách “Death By China” của Tiến sĩ Peter Navarro cũng cảnh báo mối nguy từ Trung Cộng cùng thời điểm với Trì Hạo Điền tuyên bố đường lối xâm lăng nước Mỹ. Thực tình tôi không hiểu những thứ như Big Tech, Big Media, Big Pharma dùng đảng Dân Chủ để đánh bại nước Mỹ và đưa Trung Cộng lên ngôi cường quốc số #1 thế giới thì số phận sẽ ra sao? Chẳng lẽ vì chống Chúa Jesus Christ, mà họ đành nằm dưới sự thống trị của Quỷ sứ Ma vương cộng sản?

Năm 2019, dịch Covid phát sinh từ Vũ Hán làm cho cả thế giới điêu đứng. Trung Cộng đã thi hành chính sách cách ly rất khắt khe, nhưng phương pháp chữa trị và thuốc men rất tồi, khiến cho quần chúng căm tức nổi dậy. Trung Cộng phải cấp tốc ban hành biện pháp “Zero Covid” để giảm áp lực quần chúng, thì tốc độ lây nhiễm bùng phát dữ dội. Chính quyền Trung Cộng bối rối không biết giải quyết bằng cách nào. Rõ ràng gậy ông đập lưng ông đang xảy ra ở Trung Cộng. Hy vọng những con quái vật trong đầm lầy ở Hoa Thịnh Đốn cũng sẽ bị Chúa trừng phạt giống như Trung Cộng đang bị trừng phạt, thì may ra nền văn minh của nhân loại mới tồn tại.

Thiên Chúa đã ban cho nước Mỹ hai Thiên sứ: Donald J. Trump và Elon Musk. Nhân dân Hoa Kỳ phải tỉnh ngộ để chiến thắng con quỷ cộng sản.

*Bằng Phong Đặng văn Âu, Westminster CA.92683. Ngày 31 tháng 12 năm 2022.
Địa chỉ Email mới: dangvanau053@gmail.com Telephone: 714 – 276 - 5600*

Lời giới thiệu của bạn Nguyễn Thượng Vũ

Thưa các anh chị

Xin chuyển lại các anh chị bài viết “Nước Mắt Của Rượu” của nhà văn Trần Mộng Tú, do BS Nguyễn Như Thanh gửi cho tôi.

Tôi rất thích thú đọc bài “Nước Mắt Của Rượu” này của Trần Mộng Tú, mà tôi chỉ khám phá ra tên tác giả khi đọc hết bài.

Trần Mộng Tú kể là bà ít uống rượu, ghê lắm là chỉ uống nửa ly rượu khi ăn cơm, nhưng khẩu khí, lời văn của bài “Nước Mắt Của Rượu” thì đúng là khẩu khí của 1 người từng trải, sành sỏi, thích thú uống rượu trong nhiều năm trời.

Một người thường, một tay mơ không thể nào viết được bài này.

Viết về rượu phải có nhiều năm sống với rượu, nhắm nháp rượu một mình hay với bạn hữu.

Uống rượu khác với uống trà, vì giọt rượu làm hâm nóng tâm hồn ta, làm tâm hồn ta mất đi cái căng thẳng, cái stress của đời sống hàng ngày.

Uống rượu có tính cách quảng đại , bao dung của nó, nó không đòi hỏi mình là một nhà trí thức am hiểu Trà Đạo, nó không đòi hỏi mình là một nhà thiền sư đưa tâm hồn tìm hiểu các công án kinh điển của Phật Học.

Uống rượu thì thường phải nhấm nháp 1 chút đồ ăn để ngăn cản mình bị quá say với đồ rượu, còn Trà có một thế giới riêng của nó, nếu có vài viên kẹo lạc, kẹo vừng thì càng hay , mà không có cũng không sao.

Tôi ít khi đi các tiệm Wine Tasting vì ít khi hợp với những rượu họ mang ra để mình uống, và mình cũng không dám lê la nhấm nháp quá lâu vì sợ say, không lái xe được hay bị Cảnh Sát bắt vì say rượu thì khổ.

Trong thập niên 50, có 1 phim chiếu tại Saigon rất ăn khách tên là “Le Repos du Guerrier”, kể chuyện một chiến binh về nhà, gặp lại người bạn gái thời xa xưa, ngủ với cô ta và tìm lại sự thư thái của tâm hồn.

Tôi rất thích phim này hồi tôi còn trẻ, nhưng sau khi đã sống mười năm làm 1 người Thầy Thuốc nhà binh, tôi cảm thấy rượu là liều thuốc làm cho tâm hồn hiệu quả nhất, trong vòng 15 phút là có lại ngay sự thư thái của tâm hồn, cái căng thẳng, cái stress , tan biến đi nhanh chóng.

Tôi có cái tật là không bao giờ ăn các crackers khi uống rượu vang như Trần Mộng Tú kể lại.

Tôi thích ăn các fromage/cheese/ ngon khi uống rượu, nhưng không nhai cheese với táo hay bánh mì vì sợ làm mất mùi vị của cheese và của rượu.

Chọn lựa cheese thì tùy thuộc theo rượu.

Tôi không quá dogmatic là uống rượu đồ phải dùng cheese loại gì ?

Như nhiều người hể mà ăn cá thì phải uống rượu vang trắng và ăn thịt bò phải uống rượu vang đỏ.

Làm như vậy thì giáo điều/dogmatic/ quá.

Nó làm tôi nhớ tới các người Cộng Sản cố chấp suốt đời sống theo giáo điều Marxist. You don't have to toe the line of the Party.

Là người đam mê những cảm xúc nặng, tôi thích các fromage/cheese/ của Dê hay cừu hơn là những fromage bò nhiều , vì nó quá nhạt nhẽo đối với tôi.

Tôi không quá khó khăn khi chọn rượu để uống, khác các bạn tôi có sưu tầm nhiều rượu quý, trong nhà có mấy chục ngàn tiền rượu.

Một chai rượu trung bình mua tại Costco là tốt lắm đối với tôi, chỉ tiếc Costco chỉ bán những loại cheese phổ thông, đại chúng nhiều người ăn mà thôi.

Rất cảm ơn BS Nguyễn Như Thanh và nhà văn Trần Mộng Tú đã kéo tôi lại, sống lại những thời gian xa xưa, với những kỷ niệm rất đẹp

Nguyễn Thượng Vũ

NƯỚC MÁT CỦA RƯỢU

Trần Mộng Tú



Mỗi dịp có bạn ở xa đến hay vào những lúc xuân về vợ chồng tôi hay rủ bạn đi nếm rượu nho. Khu nếm rượu ở thành phố Woodinville, khoảng hai mươi phút lái xe từ Seattle về phía đông bắc và cách nhà chúng tôi ba mươi phút.

Trong thành phố này, những ngôi nhà nếm rượu nằm san sát nhau, mình phải chọn một nơi nào nổi tiếng đẹp, lịch sự tiếp đãi nhất, có nhiều rượu khác nhau về nhất, để cho bồ công giới thiệu.

Thời tiết và khung cảnh của mỗi mùa làm cho rượu có mùi vị khác nhau dù cũng chỉ là chai rượu đó. Cuối năm trời se lạnh nếm rượu nho với gió đông, khăn len quàng cổ khác với cái thú nếm rượu nho với áo lụa mỏng và nắng của mùa hè.

Tôi hay tưởng tượng ra, rượu nếm trong mùa đông như gặp lại một người bạn cũ (dù chai rượu rất mới) nó cho ta cái ấm áp thân thiện, nhớ về một quá khứ xa lắc xa lơ, đẹp mà buồn buồn. Trong khi mùa hè, với cái nắng rực rỡ, cái gió chướng nồng, nó làm mình trẻ lại, mình sôi nổi, dỗi hờn về những cánh đồng nho mình chưa hề một lần đặt chân đến. Ngụm rượu trôi xuống cuống họng khó mà đoán tuổi.

Hai người em họ của chồng tôi từ xa tới, họ du lịch mùa đông và ghé thăm chúng tôi. Tôi đề nghị mời họ đi nếm rượu. Đã lâu lắm chúng tôi không đi nếm rượu vào mùa đông nên thấy nhớ.

Nơi chúng tôi tới kỳ này là DeLille Cellars/Grand Estate Wine Club. Mặc dù chúng tôi không phải là hội viên. Nơi đây họ luôn đón khách mới, thỉnh thoảng có tuần cho nếm rượu miễn phí để có dịp mời khách vào hội. Dân Seattle đánh giá nơi nếm rượu này thuộc có hạng trên trung bình về cả khung cảnh, cách tiếp đón và dĩ nhiên là về RƯỢU.

Ngoài ba gian trong nhà chính, tiệm còn nới thêm ra ngoài những gian phụ thuộc bằng những bức tường plastic trắng đục căng lên, có để máy sưởi để tiếp khách. Cả tiệm không có ghế cho khách ngồi, chỉ có những cái bàn đứng làm bằng những phuy rượu đã cạn, úp ngược lại, trên mỗi mặt phuy là mặt kính tròn, đặt trên đó một bình hoa rất nhỏ, một cái đèn thấp nền, một tờ giấy kê tên những chai rượu sẽ được nếm trong ngày, thường là từ bốn đến năm chai. Người nếm rượu sẽ đứng chung quanh thùng, nhân viên sẽ ra giới thiệu và rót từng thứ một cho khách nếm. Khung cảnh ấm áp và sang trọng nhưng vẫn thân mật, nên thơ.

Hôm nay chúng tôi sẽ được nếm tới năm thứ rượu khác nhau.

Uống rượu nho không thể giữa cổ uống ực một ngụm như rượu mạnh, hay uống một hơi hết nửa chai như uống bia. Rượu nho vào miệng, nó cần ở lại một chút, để người uống nghe ngóng cái vị rượu tan trên lưỡi, lan ra chung quanh miệng trước khi đi xuống cổ họng. Khi xuống đến cổ họng, người hiểu biết về rượu có thể đoán được tuổi của ngụm rượu mình mới nhấp.

Dòng rượu đầu tiên rót xuống ly là của DeLille Cellars 2012 Chaleur Estate Blanc, giá \$35 một chai. Đã cho ra 1400 két. (65% Sauvignon Blanc, 35% Semillon)

Tuy tuổi rượu mới gần lên hai, nhưng khi rượu tan trong miệng hương vị nồng đượm phong phú, rượu được giới thiệu là có hương vị của khế, dưa hấu và lá bạc hà. Lúc rượu trôi xuống cuống họng không thấy khô và nóng, nó cho một vị hơi ngọt của trái cây nhiệt đới. Cả bốn chúng tôi cùng đồng ý là chai rượu trắng này trên trung bình.

Chai thứ hai của Doyenne 2011 Signature Syrah, giá \$40 một chai. Đã cho ra 656 két. (98% Syrah, 2% Viognier, 100% Red Mountain AVA)

Ngụm rượu này khô và hương rượu không đượm, nó có mùi dâu dại (blackberries và raspberries). Khi xuống đến cuống họng thấy vị rượu mạnh hẫ lên, hơi khô. Chúng tôi không thích lắm.

Ném xong ly thứ hai thì nhân viên ra nói chuyện, mang bánh lát crackers và nước lạnh ra. Chúng tôi mỗi người chiêu một ngụm nhỏ nước lạnh như tráng miệng và thông cuống họng cho hết mùi rượu cũ để tiếp tục nếm rượu mới.

Tôi nghĩ đến những lần vào khu bán mỹ phẩm bị các cô bán hàng xịt một chút nước hoa vào cườm tay cho mình ngửi, ngửi đến mùi thứ ba thì mũi mình hoàn toàn không phân biệt được mùi hương nào mình thích nữa. Choáng váng cả đầu và đôi khi còn bị dị ứng, hắt hơi.

Ném rượu đôi khi cũng bị rơi vào hoàn cảnh tương tự nhất là những người không sành rượu lắm như tôi.

Nhưng chai rượu thứ ba thì thật tuyệt vời. Tôi lắc khế phân rượu trong ly, chiếc ly thủy tinh mỏng, trong suốt và rộng miệng, nhìn màu đỏ bám vào thành ly rồi trôi nhẹ xuống đáy ly, ngẫm nghĩ: những người có tâm hồn tài tử đã văn chương hóa, gọi là: “Nước mắt của rượu” (wine tears). Những giọt nước mắt hồng, thật là đẹp! Tôi nhớ một câu thơ trong bài Chào Nguyên Xuân của Bùi Giáng:

Xin chào nhau giữa làn môi
Có hồng tàn lệ khóc đời chứa cam...”

mang ra đọc lúc này là đúng nhất.

Thật ra, người sành rượu chỉ nhìn sự đậm đặc của những giọt lệ rượu này có thể đoán được độ cồn của nó.

Ném khế khàng một ngụm nhỏ, để rượu tan trên lưỡi, mùi thơm của nó thấy nồng nàn nhưng mềm mại, như một phụ nữ vừa có sắc vừa có nhân dáng lại biết yêu thơ. Đó là rượu của Doyenne 2011 Aix, giá \$38 một chai. Đã cho ra 1220 két. (71% Syrah, 29% Cabernet Sauvignon)

Đến đây thì tôi ngừng lại không nếm nữa vì cái miệng tôi đã bắt đầu bối rối với hương vị. Tôi để ba người còn lại nếm tiếp hai chai nữa. Tôi nói: Rượu giống như phụ nữ, nếu anh yêu người đó, cô ta là người đẹp trong mắt anh. Anh thích vị của chai

rượu này, thì đó là một chai rượu ngon cho anh. Tôi sẽ mua chai rượu thứ ba có tên “Aix” này. Bây giờ các bạn tiếp tục ném, tôi đi lang thang.

Tôi đi ngắm nghĩa chỗ này chỗ kia trong tiệm rượu, vừa đi vừa nghĩ đến rượu. Người Việt Nam mình không quen uống rượu nho, nhưng thời xa xưa ông cha mình ai mà không uống rượu gạo (rượu đế hay nếp than) rồi sau này lớp trẻ uống bia và rượu mạnh.

Rượu không thể thiếu khi có khách quý đến, bắt buộc phải có lúc xuân về. Tiễn nhau nước mắt cũng rơi trong tiệc rượu, cưới hỏi cũng phải có rượu. Tạ ơn cũng biếu rượu.

Tôi không phải người giỏi về rượu nho, cũng không nghiện, chỉ trung bình một nửa ly nhỏ cho bữa ăn chiều, hay khi có bạn đến nhà thì rót đầy hơn một chút (để lấy cớ cho rượu vào lời ra).

Nhưng tôi thích hương thơm và màu sắc của rượu nho. Màu đỏ của rượu nho đẹp và thơ mộng. Rượu nho gây cảm hứng cho thơ hay nói một cách khác: thơ ở trong rượu nho.

Tôi nhớ một thi sĩ Nhật nào đó đã nói: “Thơ là rượu bốc hơi”. Và thi sĩ người Tô Cách Lan, Robert Louis Stevenson cũng cùng một ý tương tự: “Rượu là thơ đóng chai (Wine is bottled poetry.)

Thấy chưa! Hai thứ đó phải đi với nhau.

Tôi không muốn giới thiệu cho bạn sự hiểu biết của mình về rượu; như xuất xứ của từng loại rượu, hoặc ăn món này thì phải uống rượu kia, hay nói tên về những cánh đồng nho tận chốn xa xăm nào đó, hoặc dẫn chứng một vài tên tuổi của văn nhân hay các đại lưu linh nói về rượu. Vì tôi biết sau khi đọc, người không thường uống rượu nhiều sẽ quên ngay.

Đối với tôi, hai cái quý nhất của rượu nho là hương thơm và màu sắc, nó đẹp như những vần thơ. Một câu thơ hay khi đọc lên ta có cảm tưởng ngửi được hương thơm của thơ và nhìn thấy màu của câu thơ ứng hiện. Rượu nho không phải toàn một màu đỏ đậm mà người Việt mình hay gọi là “Màu đỏ Bordeaux” chỉ nơi xuất xứ rượu nho của Pháp. Rượu nho đỏ có nhiều gam màu khác nhau: đỏ nhạt, đỏ đậm, cam nhạt, cam đậm, nâu nhạt, nâu đậm hay ngả màu tím tro, v. v.

Khi cất rượu, người ta cất riêng từng loại nho, khi đóng chai mới là lúc người ta pha vào nhau, nên khi uống, người sành rượu tìm thấy ở trong ngụm rượu có những vị khác nhau như: mùi vị của các loại dâu chín, các loại bạc hà, mùi trái cây nhiệt đới hay vị ngọt của mocha, của vanilla, v.v.

Thỉnh thoảng uống được ngụm rượu có được cái mùi gỗ của thùng phuy, tôi cũng thích lắm.

Tôi không sành rượu và cầu kỳ như nhiều người. Không đòi hỏi phải chia rượu ra nhiều loại khác nhau để ăn với những thức ăn khác nhau. Tôi để những người khác làm việc đó, và khi ly rượu được đưa đến tay, tôi thông thả nhấp ngụm rượu (đã được nghe tiểu sử) như thông thả đọc một câu thơ. Cái lâng lâng mềm mại của rượu nho, chỉ cần một ly cũng đủ làm tôi say đắm rồi. Thấy cả mặt trời, mặt trăng và những ngôi sao vây quanh mình.

*Em vừa uống xong ly rượu
mặt em đỏ như mặt trời
tim em mặt trăng óa vỡ
bàn tay em như cành hoa
nở những bông hoa sao nhỏ*

*Thi sĩ, văn sĩ Việt cũng mang rượu vào văn chương nhiều lắm. Và họ đã cho ta thấy từ ngày trước thi sĩ đã đặt phụ nữ ngang hàng với rượu hay cũng vì phụ nữ mà rượu thêm say. Nhờ đó ta thấy đúng là: Rượu, thơ, tình yêu và phụ nữ đã đi chung với nhau trong nhiều chặng đường của đời sống. Hay nói một cách khác những thứ này cùng có một sức quyến rũ như nhau và làm cho đàn ông hệ lụy.
Những câu thơ được nhắc đi nhắc lại một thời:*

*Một trà một rượu một đàn bà
Ba cái lãnh nhãng nó quấy ta. (Tú Xương)
Em thà coi như hơi rượu cay (Thâm Tâm)
Em ơi lửa tắt bình khô rượu
Đời vắng em rồi vui với ai. (Vũ Hoàng Chương)
Bốn câu thơ bất hủ để đời của thi sĩ Trung Hoa Vương Hàn, còn cho thấy rượu đi vào trận mạc cùng vó ngựa.*

*Bò Đào mỹ tửu dạ quang bôi
Giục âm tỳ bà mã thượng thôi
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.
Bò đào rót chén dạ quang
Muốn say trên ngựa tiếng đàn giục đi
Xưa nay chinh chiến ai về
Nằm say bãi cát ai ché mặc người
(tmt-dịch)*

Rồi từ trận mạc trở về, rượu cũng được mang ra đón người xuống ngựa.

*Xin vì chàng cất bào cỡi giáp
Xin vì chàng giữ lớp phong sương
Vì chàng tay chuốc chén vàng
(Chinh Phụ Ngâm)*

Nói về thơ và rượu thì vô cùng tận. Có thể viết đến cả trăm trang giấy cũng không đủ, tôi nhớ câu nói chơi chữ của ông Thi sĩ lừng lẫy người Pháp, Charles Baudelaire: “Người yêu là một chai rượu, vợ là một cái chai đựng rượu” (Sweetheart is a bottle of wine, a wife is a wine bottle).

Nó khác nhau ở chỗ chai rượu chắc chắn là có rượu trong đó, uống nó cho ta ngây ngất. Còn chai đựng rượu chưa chắc đã đựng rượu, nó có thể dùng để đựng một thứ khác như nước lạnh, dấm, ... hoặc chai không.

Mặc dù câu ví von này nghe hay nhưng hơi bất công, bạc bẽo với vợ. Cái chai rượu thành chai không cũng do chàng uống hết chứ ai.

*Đẹp nhất vẫn là hình ảnh của “Những giọt nước mắt hồng” ai đó đã hình dung ra khi nhìn những giọt rượu lãnh nhè nhẹ từ thành ly xuống đáy.
Như cả một câu thơ đang từ từ trôi xuống, như những giọt lệ của một mối tình.*

*Nhớ không em những giọt rượu trên môi
đã để lại trong anh những giọt nước mắt hồng
em có về xin cúi nhặt những mảnh thủy tinh
trái tim anh, chiếc ly đã vỡ.*

Trần Mộng Tú

Hoa Kỳ dẫm lên vết xe đổ của Đế chế La Mã cổ đại

Tác giả : Stu Cvrk

Biên dịch : Khánh Ngọc

*Sự sụp đổ của Đế chế La Mã đã để lại những bài giáo huấn cho Mỹ quốc
Thành ngữ “chẳng có điều gì mới ở dưới mặt trời” xuất phát từ sách Truyền Đạo 1:9.
Điều đó đã được chứng minh là đúng đối với các cá nhân, các nhóm người, và cả các
quốc gia trong nhiều thế kỷ. Kỹ nghệ có thể thay đổi, nhưng nhân tính căn bản của
nhân loại và tác động của Thất Đại Tội đối với mỗi thế hệ thì không hề thay đổi.*

*Hãy suy xét những yếu tố dẫn đến sự sụp đổ của Đế chế La Mã so với những gì đã và
đang xảy ra tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ trong những thập niên vừa qua. Hoa Kỳ
đang đi theo kịch bản diệt vong của người La Mã gần như thể đó là một phần của
những gì đã được định sẵn.*

Chúng ta hãy cùng xem qua một số điểm tương đồng.

Sự lãnh đạo yếu nhược

*Nhiều vị Caesar của La Mã (tức là những vị “hoàng đế”) trong những năm cuối của
Đế chế này yếu nhược, thiếu quyết đoán và bị các cuộc tranh đấu chính trị bẻ phái
trong tầng lớp thượng lưu La Mã thôi thúc. Mười ba hoàng đế đã bị chính các cận vệ
Praetorian của riêng họ ám sát. Những lần thay đổi lãnh đạo thường xuyên đã dẫn
đến việc các chính sách dài hạn thiếu nhất quán, một sự lãng phí tài nguyên, và tình
trạng bẻ phái chính trị ngày càng gay gắt hơn. Tình trạng bẻ phái đã dẫn đến các chế
độ độc tài quân sự phải lập lại trật tự từ sự hỗn loạn do thiếu sự thỏa hiệp. Người La
Mã đã để lại bài học cho thế giới rằng sự lãnh đạo yếu nhược sẽ làm cho các đối thủ
bạo gan hơn và trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của các đế chế.*

*Hoa Kỳ đang trên cùng một con dốc dẫn đến sự diệt vong. Ngoại trừ những năm
trong nhiệm kỳ của cựu Tổng thống Trump, trong suốt thế kỷ 21, Hoa Kỳ đã nằm dưới
sự lãnh đạo yếu nhược của các tổng thống. Người Bắc Hàn đã trở nên bạo gan hơn
để phóng hỏa tiễn mà không bị trừng phạt, và người Trung Quốc cộng sản cũng táo
bạo không kém mà đe dọa Ấn Độ và Đài Loan.*

*Thảm họa rút quân khỏi Afghanistan của chính phủ ông Biden đã được cả thân hữu
lẫn những kẻ đối địch theo dõi và có lẽ đã góp phần vào mưu tính của Tổng thống (TT)
Nga Vladimir Putin nhằm leo thang cuộc chiến Nga-Ukraine kéo dài nhiều năm kể từ
tháng 02/2022. Và những sự phân tranh về chính trị ở Hoa Kỳ vốn xuất phát trực tiếp
từ sự yếu nhược của TT Joe Biden đang góp phần trực tiếp vào sự phân tranh và chủ*

ngĩa bè phái chính trị đang gia tăng ở Mỹ. Điều này giống với những gì đã xảy ra ở Rome một cách kỳ lạ.

Sự tập trung quyền lực

Một yếu tố then chốt góp phần vào sự sụp đổ của Đế chế La Mã là sự tập trung quyền lực ở thành La Mã, đặc biệt là trong những năm về sau. Sự phân quyền cho các thống đốc La Mã ở các tỉnh là điều đã cho phép người La Mã mở rộng cương thổ và hơn nữa còn kiểm soát nhiều vùng lãnh thổ và dân tộc hơn bao giờ hết trong thời kỳ đó, bởi vì điều đó mang đến những sự kìm hãm và đối trọng trước tham vọng chính trị thông qua chính phủ bị hạn chế và quyền lực chính trị được phân cấp.

Mises Wire mô tả rằng quá trình tập quyền của La Mã bắt đầu dưới thời Hoàng đế Julius Caesar, người đã hành động quyết đoán để chuyển đổi nền cộng hòa La Mã “từ một loạt các tỉnh bị chia cắt thành một quốc gia nhất thể.” Những hành động của ông bao gồm chỉ định những thân hữu tham những nắm quyền theo chỉ thị của ông, bổ nhiệm tất cả các quan tòa, đặt các phường hội ngành nghề của Rome ra ngoài vòng pháp luật, ban hành một bộ luật hạn chế chi tiêu để kiểm soát việc mua bán hàng hóa, và thành lập một lực lượng cảnh sát quốc gia.

Các Tổ phụ Mỹ quốc đã tỏ ra thông thái khi thông qua Tu chính án thứ Mười nhằm dành cho các tiểu bang và người dân Hoa Kỳ tất cả quyền lực nào không được ủy quyền cụ thể cho chính phủ liên bang. Cũng giống như La Mã, một chính phủ phân quyền đã phụng sự một cách hiệu quả cho người dân Mỹ khi đất nước này phát triển thành siêu cường lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, cánh tả Mỹ, dưới ảnh hưởng của hệ tư tưởng Marx, đã tiến hành củng cố quyền lực liên bang trong nhiều thập niên.

Một ví dụ là việc thông qua những dự luật chi tiêu tổng hợp hết sức đồ sộ với “các ràng buộc” khiến những tiểu bang này phải thực hiện các cách thức hoặc hành động được yêu cầu như một điều kiện để được trao ngân quỹ liên bang. Một ví dụ khác là sự mở rộng liên tục của chính phủ hành chính liên bang, vốn là nơi đã tích tụ quyền lực theo thời gian nhằm tạo ra, phân xử, và thực thi các quy định của riêng họ, bất chấp sự giám sát của người dân hoặc các dân biểu được bầu chọn của họ.

Chủ nghĩa đa văn hóa

Giống như Đảng Dân Chủ hiện đại, người La Mã đã thực hành chủ nghĩa đa văn hóa như một phương pháp để điều hành đế chế của họ (biến thể của Đảng Dân Chủ được gọi là “sự đa dạng”). Người La Mã đã cố gắng tiếp nhận thêm các quốc gia mà họ đã chinh phục vào Đế chế của họ mà không thay đổi nền văn hóa và triết học căn bản của những quốc gia đó. Chiến lược của họ bao gồm việc cho phép các nước chư hầu duy trì di sản văn hóa của riêng họ miễn là những nước này thừa nhận sự cai trị của La Mã và nộp thuế đúng hạn.

Họ đã không thúc đẩy sự đồng hóa, vốn đã để lại những sự chia rẽ về văn hóa, sự oán hận, và tình trạng xung đột chính trị, rốt cuộc cũng là những điều đã làm suy yếu và rạn nứt Đế chế này. Điều này cũng dẫn đến sự suy thoái và dần xói mòn các giá trị truyền thống của nền cộng hòa La Mã gồm sự đơn giản, kỷ luật, nhân phẩm, và đức hạnh. Theo thời gian, điều này đã làm băng hoại xã hội và chính quyền La Mã.

Tại Hoa Kỳ, những giá trị Cơ Đốc Giáo về đức kiên nhẫn, khiêm nhường, tử tế, và tiết kiệm đã bị cánh tả Mỹ cố tình loại bỏ. Cánh tả Mỹ đã thực sự biến Hoa Kỳ thành một

quốc gia thế tục trong hơn 80 năm qua. Chúng ta đang chứng kiến sự trỗi dậy của chủ nghĩa đa văn hóa và quá trình đồng hóa ở Hoa Kỳ bị thoái trào nhằm ủng hộ các nguyên tắc của chủ nghĩa Marx về sự đa dạng, công bằng, và hòa nhập, cũng như các chính sách liên bang dựa trên chủng tộc vốn cố tình gây chia rẽ, ngờ vực, và hoài nghi giữa những người Mỹ.

Chính sách biên giới mở

Đồng hành với chủ nghĩa đa văn hóa và sự đa dạng là chính sách biên giới mở. Ngay từ thời kỳ đầu của Đế chế, người La Mã đã tiếp nhận những người nhập cư chỉ khi họ có thể kiểm soát tiến trình này bằng quân sự, với các lực lượng đầy đủ nhằm áp đảo những người được phép đến đây. Theo ghi nhận của Viện Wynnewood, bắt đầu từ thế kỷ thứ 5 sau Công Nguyên, “người La Mã đã mất quyền kiểm soát tiến trình nhập cư,” đặc biệt là ở phần phía tây của Đế chế này.

“[Những người mới đến] vẫn giữ nguyên những bản sắc văn hóa và chính trị của họ và cuối cùng họ kết hợp lại để tạo ra những nhóm người bên trong địa phận của Đế chế này mà người La Mã không còn có thể kiểm soát được nữa.”

Đảng Dân Chủ ở Hoa Kỳ đang lặp lại các sai lầm của người La Mã bằng cách thúc đẩy một biên giới mở giữa Hoa Kỳ và Mexico. Cũng giống như người La Mã, chính phủ của Tổng thống Biden đã thật sự đánh mất quyền kiểm soát tiến trình nhập cư — một cách có chủ đích bằng cách từ chối thực thi các chính sách nhập cư hiện hành của Hoa Kỳ. Chỉ trong hai năm qua, gần 6 triệu người nhập cư bất hợp pháp đã tiến vào Hoa Kỳ cùng với sự tràn ngập fentanyl cũng như nạn buôn người và ma túy không được kiểm soát đang phá hoại Hoa Kỳ từ bên trong. Những gánh nặng tài chính đặt lên các cơ quan phúc lợi xã hội, giáo dục công lập, y tế, và các cơ quan chấp pháp do việc những người di cư bất hợp pháp này phân tán trên khắp Hoa Kỳ đang đẩy các chính phủ địa phương và tiểu bang vào tình trạng bất lực.

Nạn tham nhũng

Các chính trị gia La Mã dường như gặp khó khăn trong việc phân tách trách nhiệm chính phủ và tư nhân cũng như các nguồn lực liên quan đến mỗi trách nhiệm. Các nguồn lực công được tái phân bổ vào túi tiền những chính trị gia, và theo đó các dịch vụ công bị xuống cấp, theo thời gian dẫn đến bất mãn trong số những thường dân La Mã và những kẻ bạo loạn. Từ thời đại Julius Caesar trở đi, nạn tham nhũng của các quan chức La Mã đã tăng nhanh nhằm mang lại lợi ích cho giới cầm quyền. Bản thân các hoàng đế thường “mua” ngôi vị của mình thông qua tham nhũng, góp phần khiến công chúng hoài nghi và mất lòng tin vào những người trị vì khác.

Vài năm gần đây, Hoa Kỳ đã chứng kiến một sự gia tăng rõ rệt về tình trạng tham nhũng chính trị tương tự như ở La Mã cổ đại. Việc thiếu trách nhiệm giải trình đối với bất kỳ điều gì trong số đó đã tạo ra sự hoài nghi rộng rãi đồng thời gây chia rẽ đất nước hơn nữa.

Sự sụp đổ của giai tầng trung lưu

Giai tầng trung lưu La Mã đã bị lấn át bởi lao động nô lệ giá rẻ ở ngoại quốc được đưa đến từ tất cả các quốc gia bị chinh phục khi Đế chế mở rộng biên giới của mình trong nhiều thế kỷ. Việc sở hữu và sử dụng nô lệ để làm việc thì ít tốn kém hơn so với việc trả lương cho người dân La Mã thuộc giai tầng trung lưu.

Tại Hoa Kỳ, hai chính sách do giai tầng chính trị cường ép lên đất nước đã có một tác động tương tự trong việc làm suy yếu giai tầng trung lưu Mỹ. Đầu tiên là các ưu

đãi “thương mại tự do” dành cho ngành sản xuất ở ngoại quốc của Hoa Kỳ, đặc biệt là dành cho Trung Quốc cộng sản. Điều này đã giúp tạo ra vành đai công nghiệp Rust Belt ở Thượng Trung Tây và lấy đi hàng ngàn công việc của giai tầng trung lưu.

Chính sách thứ hai là biên giới mở, dẫn đến một làn sóng người nhập cư bất hợp pháp cạnh tranh với người dân Mỹ về các công việc được trả lương thấp và nói chung là hạ thấp mức lương. Thêm vào đó là khoản chi tiêu đồ sộ do Đảng Dân Chủ xúi giục trong hai năm qua đã dẫn đến lạm phát trường kỳ hơn 7%, và giai tầng trung lưu và giai tầng thấp ở Hoa Kỳ đang gặp khó khăn về kinh tế khi họ phải chặt vật để trả tiền mua thực phẩm, xăng, tiền thuê/thế chấp, và các chi phí sinh hoạt căn bản khác.

Từ quân tình nguyện viên đến quân đội chuyên nghiệp được trả lương Người La Mã đã tiến hành các cuộc chiến tranh bành trướng và chinh phục dường như bất tận trong nhiều thế kỷ. Kể từ thời của Hoàng đế Romulus và Remus, người La Mã hoặc là đang lâm chiến, đang phục hồi sau một cuộc chiến, hoặc là đang chuẩn bị cho một cuộc chiến. Vì họ luôn có xu hướng tham gia các cuộc chiến tranh bành trướng và chinh phục không ngừng, người La Mã không thể tự cung cấp đủ người, nên để tuyển mộ binh sĩ, các quân đoàn La Mã đã thu hút tân binh từ các quốc gia bị chinh phục.

Cuối cùng, họ đã mạnh tay chi trả cho người ngoại quốc để cung cấp người cho các quân đoàn. Điều này đã chính trị hóa các binh sĩ của họ và biến các tướng lĩnh chỉ huy các quân đoàn đó thành những chính trị gia. Trong số các tướng lĩnh đó, có một số người đã xáo trộn trật tự chính trị và trở thành những kẻ độc tài. Trong mọi trường hợp, những quân đội này và các nhà lãnh đạo của họ đã đánh mất mối liên hệ với những thường dân La Mã.

Ở Hoa Kỳ, quỹ đạo quân sự là khác biệt nhưng lại tương đồng ở một số phương diện. Với những cuộc chiến dường như bất tận sẽ diễn ra, người ngoại quốc đã được mời tham gia phụng sự trong quân đội Hoa Kỳ để đổi lấy quyền công dân. Việc chính phủ Tổng thống Biden thực thi các chính sách thức tỉnh trong quân đội đã dẫn đến tuyển binh không đủ số lượng, điều này đã dẫn đến các tiêu chuẩn sụp đổ về mọi mặt. Do thuyết chủng tộc trọng yếu/sự đa dạng, công bằng, hòa nhập/sự thối nát của văn hóa LGBTQI vốn đã và đang phá hủy chế độ quân dịch từ bên trong, nên con em từ các gia đình truyền thống của Mỹ đã từng phụng sự trong quân đội qua nhiều thế hệ không muốn nhập ngũ, khiến số lượng chiêu binh bị thiếu hụt. Vì các tiêu chuẩn đã được hạ thấp để cho phép chiêu mộ những ai lẽ ra đã bị giải ngũ ngay tức thì vì hành vi tương tự trước đây, nên khả năng sẵn sàng và hiệu quả chiến đấu của quân đội đã giảm xuống mức thấp đáng kinh ngạc.

Kết luận

Theo tất cả các ước tính, Hoa Kỳ đang trong chiều hướng đi xuống tương tự như những gì đã xảy ra đối với Đế chế La Mã. Những điểm tương đồng này là khá dễ thấy mặt dù người La Mã cổ đại cách biệt với nước Mỹ ở thế kỷ 21 gần hai thiên niên kỷ. Chủ nghĩa đa văn hóa, biên giới mở, lạm phát tràn lan, tham nhũng phổ biến, tình trạng băng hoại đạo đức, và giới lãnh đạo yếu kém. Những điều này chính là những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của các nền văn minh cổ đại cũng như hiện đại. Liệu có đủ số lượng người Mỹ rút cuộc sẽ nhận ra những vấn nạn này và hành động để đảo ngược tình thế này hay không, hay họ sẽ ngoan ngoãn nối gót người La Mã đi vào sự lãng quên của lịch sử?

BÀI HỌC “LÁNG GIỀNG”

Trần Trung Đạo

Các nhà lãnh đạo quốc gia phân tích tương lai của một quốc gia dựa trên các điều kiện kinh tế chính trị quân sự đang diễn ra. Tuy nhiên, như lịch sử đã chứng minh, khi quyết định, phần lớn các lãnh đạo đều nhìn về quá khứ. Lý do, quá khứ đã được chứng nghiệm giúp cho họ yên tâm và xem đó như là nguồn bảo đảm cho quyết định của mình.

Lịch sử nhân loại để lại những bài học trong quá khứ không thể bỏ qua. Ba Lan là bài học xương máu nhất. Các diễn biến chính trị, quân sự đang diễn ra tại Á Châu cho thấy Tập Cận Bình “yêu” láng giềng Việt Nam cũng giống như Hitler từng “yêu” láng giềng Ba Lan.

Trong diễn văn đọc trước Quốc Hội Đức ngày 21 tháng Năm, 1935, Hitler ca ngợi tình láng giềng giữa Đức và Ba Lan: “Chúng tôi công nhận, với sự hiểu biết và tình hữu nghị thấm thía của những người Quốc Xã dành cho Ba Lan, quê hương của một dân tộc ý thức quốc gia. Quốc Xã Đức, và đặc biệt chính phủ Đức hiện nay, không có mong muốn nào hơn là sống trong điều kiện hòa bình, hữu nghị với tất cả các nước láng giềng.”

Nội dung tương tự, Tập Cận Bình ca ngợi tình láng giềng giữa Trung Cộng và Việt Nam khi phát biểu trước cái gọi là “Quốc Hội Việt Nam” ngày 6 tháng 11, 2015: “Cổ nhân có câu “ngàn vàng chỉ để mua tình láng giềng” ...Nhân dân hai nước Trung Quốc Việt Nam từ lâu đã là láng giềng, từ xưa tới nay đã có quan hệ qua lại mật thiết, gần đây còn có giao tình cùng chống giặc ngoại xâm, ngày nay có cùng chung sự nghiệp chấn hưng phồn vinh.”

Ngay cả trong lúc nói những câu ân cần dành cho láng giềng Ba Lan, Hitler đã có ý định xóa bỏ quốc gia này trong bản đồ thế giới.

Lúc 4:45 phút sáng thứ Sáu ngày 1 tháng 9, 1939, Hitler tung một đạo quân lên đến 1.5 triệu người thuộc nhiều binh chủng và áp dụng chiến thuật tấn công chớp nhoáng để tấn công Ba Lan từ cả hai hướng Bắc và Nam. Chỉ riêng lục quân đã lên đến 54 sư đoàn. Quân đội Ba Lan cũng lên đến một triệu nhưng chống cự chưa được bốn tuần lễ. Thủ đô Warsaw đầu hàng ngày 27 tháng 9, 1939. Hơn năm triệu, trong tổng số ba mươi một triệu dân Ba Lan bị giết trong Thế Chiến Thứ Hai.

Tại sao Hitler đánh Ba Lan trước?

Các sử gia đưa ra nhiều lý do nhưng nếu chọn một lý do, phần lớn đồng ý lý do hàng đầu là không gian sinh tồn của một Hitler đang ôm mộng đế quốc. Ba Lan, ngoài ra còn giữ vị trí chiến lược như một vùng đệm (buffer state) ở phía Đông, và để tấn công Liên Xô, Đức phải tấn công Ba Lan trước.

Theo sử gia Tadeusz Piotrowski, tại Obersalzberg ngày 22 tháng 8, tức chỉ một tuần lễ trước khi tấn công Ba Lan, Hitler chỉ thị cho các tư lệnh mặt trận: “Mục đích của chiến tranh là tiêu diệt khả năng vật chất của kẻ thù. Đó là lý do tôi đã chuẩn bị, hiện nay mới chỉ từ phía Đông, các đơn vị SS với các mệnh lệnh giết không thương xót hay khoan dung tất cả đàn ông, đàn bà, và trẻ em con cháu dòng dõi Ba Lan hay nói tiếng

Ba Lan. Với cách duy nhất này chúng ta mới có thể có được một không gian sinh tồn mà chúng ta cần.”

Ba Lan là quốc gia duy nhất Hitler không cần lập một chế độ bù nhìn, thay vào đó bị cai trị trực tiếp và vô cùng hà khắc dưới bàn tay của Hans Frank, một luật sư riêng của Hitler được cử sang cai trị Ba Lan.

Tội phạm chiến tranh này bị treo cổ tại Nuremberg ngày 16 tháng 10, 1946. Hitler còn chủ trương đồng hóa dân tộc Ba Lan trong đó có cả việc thay đổi họ tên, ngôn ngữ, lễ nghi nhà thờ và gần như mọi phương tiện thông tin.

Tại sao Ba Lan đầu hàng chỉ trong vòng bốn tuần lễ?

Các sử gia đưa ra nhiều lý do, nhưng nếu phải chọn một, có lẽ nên chọn lý do Ba Lan không chuẩn bị chiến tranh về mọi mặt ở một mức độ như Đức Quốc Xã.

Vũ khí quá lạc hậu, trông cậy các đồng minh ở xa, quân đội trên danh nghĩa có cả triệu quân nhưng động viên chỉ mỗi một ngày trước khi các chiến xa Đức vượt biên giới dù Hitler đã nuốt sống Tiệp từ tháng Giêng, 1939.

Không cần phải phân tích dài dòng, chỉ thay Việt Nam vào Ba Lan trong bài viết sẽ thấy hiểm họa Trung Cộng đang đè nặng trên đầu dân tộc Việt.

Những kẻ độc tài thời đại nào cũng giống nhau vì đều là những con người có lòng tham quyền lực không đáy. Dưới mắt họ không có con người mà chỉ có đất đai và của cải.

Nếu Hitler chỉ muốn dừng lại ở Áo và Tiệp, có lẽ bản đồ thế giới ngày nay đã khác. Trung Cộng sau 40 năm bán sức lao động của bảy trăm triệu người Trung Hoa để tạo một lượng thặng dư tài sản khổng lồ khắp nơi trên thế giới nhưng không dừng lại. Tập Cận Bình nuôi mộng bá chủ thế giới và sẽ xua đàn kiến đỏ Tàu Cộng tàn phá Việt Nam trong một ngày nào đó.

Những gì xảy ra ở Ba Lan sẽ xảy ra ở Việt Nam với một mức độ thảm khốc hơn nhiều trong tương lai.

Vậy câu hỏi đặt ra là phải làm gì?

Về mặt lý luận, người viết đã phân tích trong bài “Để thắng được Trung Cộng”, xin tóm tắt dưới đây:

1. Việt Nam phải có dân chủ. Việt Nam phải có dân chủ mới bảo vệ được đất nước. Điều đó đúng nhưng cần phải nói thêm, dân chủ không chỉ giúp bảo vệ đất nước mà còn để thắng được Trung Cộng. Ngoài ra, dân chủ phải đến sớm, đừng đợi đến khi chiến tranh Á Châu bùng nổ, máu đổ, thây phơi mới đến.

2. Vượt qua mọi bất đồng để tạo thế đoàn kết dân tộc. Một dân tộc chia rẽ không thắng được ai. Đây là thời điểm để xác định lại lòng yêu nước. Yêu nước ngày nay không phải là sản phẩm của chủ nghĩa dân tộc cực đoan hay bùa mê CS mà gắn liền với quyền lợi sống còn của đất nước và hướng đi dân chủ nhân bản của thời đại. Chỉ có một Việt Nam đoàn kết dưới ngọn cờ dân chủ mới thật sự tập trung được sức mạnh tổng hợp của dân tộc và là nền tảng cho một quốc gia dân chủ thịnh vượng lâu dài.

3. Chủ động chiến lược hóa vị trí quốc gia. Giống hệt vị trí của Ba Lan trước Thế chiến thứ Hai, Việt Nam hiện còn đang giữ vị trí chiến lược nhưng vì CSVN bám theo chân Tàu Cộng nên không chủ động chiến lược hóa vị trí quốc gia được. Mọi chính sách đối ngoại của CSVN đều phải được Bắc Kinh chấp thuận và không được tự tiện đi ra ngoài chính sách đối ngoại toàn cầu của Trung Cộng.

4. Ba Lan có liên minh quân sự với Anh và Pháp nhưng gần như không có sự hợp tác chiến lược cụ thể nào. Ngay cả sau khi tuyên chiến với Đức, các lãnh đạo Anh và Pháp vẫn còn tin vào một giải pháp chính trị hơn là một đường đầu trực tiếp bằng quân sự. Do dự là cha đẻ của mọi thất bại.

5.

Bốn điểm nêu trên, chọn lựa dân chủ là quan trọng nhất.

TT Harry Truman đã không mạnh dạn gửi Hàng không mẫu hạm USS Franklin D. Roosevelt và hạm đội tháp tùng hùng hậu vào Địa Trung Hải để bảo vệ Thổ Nhĩ Kỳ trong xung đột Eo Biển Thổ năm 1946 và nhất là không ủng hộ Thổ vào NATO nếu Thổ không cam kết một nền dân chủ.

Yêu nước ngày nay đồng nghĩa với yêu dân chủ và mọi người Việt dù ở đâu hãy nỗ lực cho mục đích tối cần thiết và quan trọng này.

Trần Trung Đạo

HÃY NÓI TRƯỚC NGÀY CHẾT

Trần Trung Đạo

Trong lịch sử nhân loại, không có một chủ nghĩa nào tàn bạo hơn chủ nghĩa Cộng Sản. Từ khi Tuyên ngôn đảng cộng sản ra đời năm 1848 cho đến khi bức tường Bá Linh bị đập đổ vào 1989, khoảng gần 100 triệu người từ nhiều quốc gia đã bị giết. Hơn hai mươi năm qua, mặc dù ngọn lửa vô thần đã tắt trên phần lớn quả địa cầu, một góc trời phương đông lửa vẫn còn đỏ rực, nhà tù vẫn còn giam giữ nhiều người bất đồng với chế độ độc tài toàn trị và tự do vẫn là một bóng mây xa.

Người đời có thói quen kết án Stalin đã gây ra tội ác tày trời đối với nhân dân Liên Xô, Mao Trạch Đông đã giết trên 30 triệu nhân dân Trung Cộng và Pol Pot tiêu diệt một phần tư dân tộc Khmer bằng súng và cả bằng dao phay, cán cuốc. Những chuyện đó ngày nay nhân loại đều biết và tội ác của chúng không còn là vấn đề tranh cãi nữa.

Tuy nhiên, làm thế nào một nông dân có gốc gác bình thường, nếu không muốn nói là hiền lành như Mao lại có thể trở thành sát nhân của mấy chục triệu dân Trung Quốc? Làm thế nào Pol Pot, con của một điền chủ giàu có, được gửi sang Pháp ăn học, được bạn bè nhớ lại như một người nhã nhặn, lịch sự và được gọi là trí thức trong xã hội Khmer còn chậm tiến lúc bấy giờ, nhưng sau khi nắm chính quyền đã giết hai triệu dân Khmer bằng búa, dao và những cách giết người tàn bạo hơn cả trong thời Trung Cổ?

Bởi vì chủ nghĩa Cộng Sản trang bị cho chúng một quyền lực tuyệt đối, một niềm tin cuối cùng, một lối thoát tinh thần, một chỗ dựa lý luận để giải thích cho hành động bất nhân của chúng. Nuon Chea, người đứng hàng thứ hai của chế độ Khmer Đỏ chỉ

sau Pol Pot, lạnh lùng trả lời báo chí, những kẻ bị giết chỉ vì “họ là kẻ thù của nhân dân”. Đơn giản vậy thôi. Chúng ăn rất ngon và ngủ rất yên dù sau một ngày ký hàng loạt bản án tử hình.

Giết một vài đối thủ thì không sao nhưng để loại bỏ hàng triệu người là chuyện khác. Stalin không thể lên tận các trại lao động khổ sai ở Siberia để bỏ đói những người chống đối y. Mao Trạch Đông không thể xuống từng trường học để tra tấn các thầy cô trong Cách Mạng Văn Hóa, Hồ Chí Minh không thể đích thân xử bắn bà Nguyễn Thị Năm trong Cải Cách Ruộng Đất. Nhưng họ có khả năng huấn luyện, đầu độc một thế hệ đao thủ phủ trẻ tuổi hăng say và cuồng tín để làm thay. Quyền lực đặt vào tay đám đao thủ phủ trẻ này chẳng khác gì con dao bén để chúng thanh toán những mối thù riêng và lập công dâng Đảng.

Tháng 10 năm 2002, nhà báo Mỹ Amanda Pike đến Campuchia để tìm hiểu nguyên nhân tội ác diệt chủng của Pol Pot đã không được làm sáng tỏ. Amanda Pike phỏng vấn bà Samrith Phum, người có chồng bị Khmer Đỏ giết. Theo lời kể của bà Samrith Phum, vào nửa đêm năm 1977 chồng bà bị một Khmer Đỏ địa phương bắt đi và giết chết vì bị cho là “gián điệp CIA”. Hung thủ chẳng ai xa lạ mà là người cùng làng với bà Samrith. Hiện nay, kẻ giết người vẫn còn sống nhởn nhơ chung một làng với bà cách thủ đô Nam Vang vài dặm nhưng không một tòa án nào truy tố hay kết án.

Với chủ trương “Dân tộc Khmer cần đào hố để chôn đi quá khứ” Hun Sen đã cản trở Liên Hiệp Quốc rất nhiều trong việc điều tra tội diệt chủng của chế độ Pol Pot. Hun Sen cản trở vì bản thân y cũng từng là một sĩ quan Khmer Đỏ. Hun Sen nhiệt tình với lý tưởng CS đến mức bỏ học theo Pol Pot khi còn trong tuổi thiếu niên. Nhiều chi tiết trong quãng thời gian từ 1975 đến 1979 của cuộc đời y vẫn còn trong vòng bí mật. Khi chôn quá khứ của Campuchia, Hun Sen muốn chôn đi quá khứ tội lỗi của mình.

Tình trạng kẻ sát nhân và gia đình những người bị sát hại vẫn còn sống chung làng, chung xóm, chung thành phố không chỉ phổ biến tại Campuchia nhưng cũng rất phổ biến tại Huế sau vụ Thảm sát Tết Mậu Thân 1968.

Số người bị giết trong vụ Thảm sát Tết Mậu Thân khác nhau tùy theo nguồn điều tra nhưng phần lớn công nhận số người bị giết lên đến nhiều ngàn người và “kẻ thù nhân dân” không chỉ là công chức chính quyền VNCH mà còn rất đông sinh viên, học sinh, phụ nữ, trẻ em và ngay cả một số giáo sư ngoại quốc.

Ông Võ Văn Bằng, Nghị viên tỉnh Thừa Thiên và cũng là Trưởng Ban Truy Tìm và Cải Táng Nạn Nhân Cộng Sản Tết Mậu Thân, kể lại: “Các hố cách khoảng nhau. Một hố vào khoảng 10 đến 20 người. Trong các hố, người thì đứng, nào là nằm, nào là ngồi, lộn xộn. Các thi hài khi đào lên, thịt xương đã rã ra. Trên thi hài còn thấy những dây lạt trói lại, cả dây điện thoại nữa, trói thành chùm với nhau. Có lẽ, họ bị xô vào hố thành từng chùm. Một số người đầu bị vỡ hoặc bị lủng. Lủng là do bắn, vỡ là do cuốc xẻng”.

Tài liệu liên quan đến Thảm sát Tết Mậu Thân rất nhiều, từ điều tra của các nhà nghiên cứu nước ngoài cho đến các nhân chứng sống Việt Nam. Đến nay, thành phần được nghĩ đã gây ra biến cố đầy tang thương cho dân tộc Việt Nam này là những người Huế “nhảy núi”. Họ là những người bỏ trường, bỏ làng xóm, bỏ cố đô lên rừng theo CS và Tết Mậu Thân đã trở lại tàn sát chính đồng bào ruột thịt của mình. Họ là

những kẻ vừa được giải thoát khỏi nhà giam Thừa Phủ đưa lên núi huấn luyện vài ngày rồi trở lại giết chết những kẻ bị nghi ngờ đã bỏ tù họ.

Không giống quân đội chính quy tấn công Huế, những du kích nằm vùng, những thanh niên, sinh viên, học sinh là những người sinh ra và lớn lên ở Huế, thuộc từng tên phố tên đường, biết tên biết tuổi từng người. Họ lập danh sách và đến từng nhà lừa gạt người dân bằng cách “mời đi trình diện” rồi sẽ trả về nhà ăn Tết. Những người nhẹ dạ đi theo. Mà cho dù không nhẹ dạ cũng chẳng ai nghĩ mình sắp bị chôn sống chỉ vì làm chức liên gia trưởng của năm bảy gia đình, áp trưởng một ngôi làng nhỏ, xã trưởng của vài trăm dân. Kết quả, từng nhóm, từng đoàn người lần lượt bị đem ra “tòa án nhân dân” và kết án tử hình.

Người “nhảy núi” nổi tiếng nhất là Hoàng Phủ Ngọc Tường.

Ngày 12 tháng 7 năm 1997, Hoàng Phủ Ngọc Tường trả lời câu hỏi của nhà văn Thụy Khuê về sự liên quan của ông đối với vụ Thảm sát Tết Mậu Thân : “Sự thực là tôi đã từ già Huế lên rừng tham gia kháng chiến vào mùa hè năm 1966, và chỉ trở lại Huế sau ngày 26 tháng 3 năm 1975. Như thế nghĩa là trong thời điểm Mậu Thân 1968, tôi không có mặt ở Huế” và ông cũng thừa nhận Thảm sát Tết Mậu Thân là có thật chứ chẳng phải “Mỹ Ngụy” nào dàn dựng “Điều quan trọng còn lại tôi xin ngỏ bày ở đây, với tư cách là một đứa con của Huế, đã ra đi và trở về, ấy là nỗi thống thiết tận đáy lòng mỗi khi tôi nghĩ về những tang tóc thê thảm mà nhiều gia đình người Huế đã phải gánh chịu, do hành động giết oan của quân nổi dậy trên mặt trận Huế năm Mậu Thân. Đó là một sai lầm không thể nào biện bác được, nhìn từ lương tâm dân tộc, và nhìn trên quan điểm chiến tranh cách mạng”.

Khi được hỏi ai là những người phải chịu trách nhiệm, Hoàng Phủ Ngọc Tường phát biểu “Nhưng tôi tin rằng đây là một sai lầm có tính cục bộ, từ phía những người lãnh đạo cuộc tấn công Mậu Thân ở Huế” và tiếp tục nêu thêm chi tiết chính Đại tá Lê Minh, tư lệnh chiến dịch Huế Mậu Thân thừa nhận trong tạp chí Sông Hương “Dù bởi lý do nào đi nữa, thì trách nhiệm vẫn thuộc về những người lãnh đạo mặt trận Mậu Thân, trước hết là trách nhiệm của tôi”.

Tóm lại, Hoàng Phủ Ngọc Tường trong buổi phỏng vấn dành cho nhà văn Thụy Khuê xác nhận ông ta không có mặt ở Huế trong suốt thời gian Huế bị CS chiếm đóng và những kẻ sát hại thường dân vô tội là do các “lãnh đạo cuộc tấn công Mậu Thân ở Huế” chủ trương.

Tuy nhiên 15 năm trước đó, ngày 29 tháng 2 năm 1982, trong buổi phỏng vấn truyền hình dài 15 phút dành cho hệ thống WGBH, Hoàng Phủ Ngọc Tường thừa nhận việc dư luận đang tố cáo ông là đúng, nghĩa là chính ông đã có mặt tại Huế: “Tôi đã đi trên những đường hẻm mà ban đêm tưởng là bùn, tôi mở ra bấm đèn lên thì toàn là máu ...Nhất là những ngày cuối cùng khi chúng tôi rút ra.” Và ông cho rằng một số người dân Huế chết thảm thương là do sự trả thù của chính người Huế với người Huế “chính nhân dân đã căm thù quá lâu, đó là những người đã bị chính nó tra tấn, chính nó đã làm cho tất cả gia đình phải bị đi ở tù ra ngoài đảo v.v. và đến khi cách mạng bùng lên họ được như là lấy lại cái thể của người mạnh thì họ đi tìm những kẻ đó để trừ như là trừ những con rắn độc mà từ lâu nay nếu còn sống thì nó sẽ tiếp tục nó gây tội ác trong chiến tranh”.

Nếu phân tích theo thời gian và diễn biến chính trị thế giới, đặc biệt sự sụp đổ của phong trào CS quốc tế, câu trả lời của Hoàng Phủ Ngọc Tường vào năm 1982 là thành thật và sát với thực tế Mậu Thân nhất.

Trong giai đoạn chuyên chính vô sản vài năm sau 1975, không chỉ ông ta mà cả các lãnh đạo CSVN vẫn nghĩ “con đường tắt yếu” là con đường “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”. Không có một thế lực nào cản trở sức chảy của “ba dòng thác cách mạng”. Vào thời điểm 1982, Hoàng Phủ Ngọc Tường chẳng những không sợ gì phải che giấu mà còn xem đó như một thành tích cần được nêu ra. Xem đoạn phim, khuôn mặt Hoàng Phủ Ngọc Tường đờ đờ sát khí khi diễn tả việc giết một viên chức VNCH: “chỉ lấy lại mạng sống của một người, giá đó rất nhẹ và công bằng”.

Thái độ đó hoàn toàn khác với giọng ôn tồn khi ông ta nhắc lại lời của Đại tá CS Lê Minh như thay cho chính mình 15 năm sau “bây giờ, là những người lãnh đạo kế nhiệm ở Huế, phải thi hành chính sách minh oan cho những gia đình nạn nhân Mậu Thân, trả lại công bằng trong sáng và những quyền công dân chính đáng cho thân nhân của họ”. Thời gian đổi thay, lịch sử đổi thay và con người cũng thay đổi. Không phải chỉ Hoàng Phủ Ngọc Tường mà cả những cựu lãnh đạo CS Đông Âu, một thời giết người không chút xót thương, sau 1990 cũng trả lời báo chí với giọng ngọt ngào như thế.

Nhiều bạn hữu của Hoàng Phủ Ngọc Tường như tác giả Ngô Minh viết trên talawas 2008, cho rằng Hoàng Phủ Ngọc Tường “trong suốt những năm lên “xanh” ở A Lưới, Hoàng Phủ Ngọc Tường không được phân công về thành phố hay đồng bằng một chuyên nào cả” mà không biết hay cố tình bỏ qua sự kiện 26 năm trước chính Hoàng Phủ Ngọc Tường đã xác nhận mình ở Huế với những tình tiết mắt thấy tai nghe của một người trong cuộc.

Hai buổi trả lời phỏng vấn hoàn toàn trái ngược chứng tỏ Hoàng Phủ Ngọc Tường phải có một khó khăn để giải thích sự liên hệ của mình đến vụ Thảm sát Mậu Thân. Lời phát biểu của ông cho thấy một điều, những người bị giết chắc chắn biết người giết mình là ai.

Không giống Hoàng Phủ Ngọc Tường mâu thuẫn, hai ông Nguyễn Đắc Xuân và Hoàng Phủ Ngọc Phan từ trên núi theo đoàn quân CS đánh vào Huế. Hai ông không từ chối điều này nhưng đều phủ nhận đã có liên hệ gì với Thảm sát Mậu Thân. Trong bài viết nhân đọc bài “trịnh công sơn – Những hoạt động nằm vùng” Hoàng Phủ Ngọc Phan khẳng định: “Còn tôi thì có theo chiến dịch về hoạt động ở Thành nội Huế nhưng tôi không hề giết ai cả, suốt gần 10 năm đi kháng chiến cũng không hề làm thiệt mạng một con thú trên rừng chứ đừng nói là con người”.

Nhà văn Nhã Ca kết án ông Nguyễn Đắc Xuân trong Giải Khăn Sô Cho Huế vì đã “địch tay đào một cái hố, bắt một bạn học cũ có xích mích từ trước ra đứng bên hố để xử tử” và ông Nguyễn Đắc Xuân đáp lại trong bài Hậu Quả Của “Cái Chết” của tôi: “Còn tôi, một sinh viên Phật tử mới thoát ly chưa đầy một năm rưỡi, không có quyền hành gì, nếu tôi muốn làm những việc như Nhã Ca viết thì cũng không thể làm được. Không ai cho tôi làm. Nếu tôi tự ý làm, làm sao tôi có thể thoát được sự phê phán của đồng chí đồng sự của tôi, đặc biệt là những người sau này không còn đứng trong hàng ngũ kháng chiến nữa...”

Chuyện “thoát ly chưa đầy một năm rưỡi” không chứng minh được ông ta không có quyền giết người, trái lại cũng có thể giải thích ngược, càng tham gia trẻ càng phải chứng tỏ nhiệt tình cách mạng cao độ, càng phải giết nhiều người, càng phải lập nhiều công. Nói thế không phải để đánh bồi thêm một người đã ngã nhưng cho thấy lời biện bạch của ông không thuyết phục.

Trong tinh thần “Lợi ích của sự ngờ” (Benefit of the doubt), tạm cho những lời người khác kể về các ông chưa đủ bằng chứng kết tội, tuy nhiên, các ông Hoàng Phủ Ngọc Phan và Nguyễn Đắc Xuân, những thành viên tích cực của phong trào đấu tranh đô thị, hoạt động 26 ngày trong lòng thành phố Huế bị rơi vào tay các ông với nhiều ngàn người dân vô tội bị giết bằng những cách dã man hơn cả bọn diệt chủng Pol Pot mà các ông nói rằng không biết gì, không thấy gì thì trẻ con ngây thơ cũng không tin được.

Và không chỉ ba ông Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Đắc Xuân, Hoàng Phủ Ngọc Phan mà cả thế hệ “nhảy núi” ở Huế trong đó rất nhiều nhà nghiên cứu văn hóa, nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ cho đến nay vẫn không biết gì, không thấy gì, không viết gì về Thảm sát Tết Mậu Thân thì quả là chuyện lạ. Hãy thử đặt mình trong vị trí của gia đình các nạn nhân vụ Thảm sát Huế, các ông có nghĩ rằng chính Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân hoặc đã giết hoặc biết chắc ai đã giết thân nhân các ông không? Chắc chắn là có, không thể có lời giải thích thứ ba.

Lẽ ra Thảm sát Tết Mậu Thân phải là nguồn thôi thúc cho nhiều tác phẩm văn học lớn nói lên sự đau khổ, sự chịu đựng tận cùng của đồng bào Huế nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung. Lẽ ra những người đang bị dư luận kết án, nếu thật sự không tham dự vào cuộc tàn sát, thay vì than mây khóc gió trong văn chương hay lao đầu vào cơm áo, nên dành phần còn lại của đời mình đi tìm cho ra cội nguồn gốc rễ để vừa giải oan cho đồng bào mà cũng minh oan cho chính mình.

Gia đình nạn nhân còn đó, nhân chứng còn đó, hãm hố còn đó, bạn bè còn đó, chứng tích còn đó, chế độ còn đó. Có thể người đọc vì sự công phần chưa nguôi, sẽ không tin hết các điều các ông các bà viết nhưng nếu đúng rồi lịch sử sẽ tin. Nếu không làm thế, cơ chế độc tài này chắc chắn sẽ tàn lụi nhưng tên tuổi Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân, Nguyễn Thị Đoan Trinh v.v.. mãi mãi vẫn là những dấu đen ngàn đời không phai.

Dư luận khắt khe nhưng không bắt công. Suốt 42 năm, các ông các bà có rất nhiều cơ hội để làm sáng tỏ một sự kiện lịch sử mà các ông các bà từng tham dự, nhưng ngoại trừ việc phải trả lời vài buổi phỏng vấn rải rác đó đây, các ông các bà im lặng. Kết án lại những người kết án không phải là cách trả lời mà nhân dân Việt Nam đang muốn biết. Ông Nguyễn Đắc Xuân được gọi là “nhà Huế học” nhưng Huế không chỉ có sông Hương, núi Ngự, lăng tẩm, đền đài mà còn có Bãi Dâu, Khe Đá Mài, khu Gia Hội và hàng chục ngôi mộ tập thể khác.

Đời sống của một dân tộc không chỉ gồm những thời đẹp đẽ, vinh quang mà còn cả những giai đoạn đau buồn, tủi nhục. Tại sao ông không viết? Phải chăng những người “nhảy núi” ở Huế cũng giống như Hun Sen hay tên Khmer Đỏ giết chồng bà Samrith Phum năm 1977, đang cố chôn đi quá khứ? Sự im lặng của các ông các bà không phải là một công án thiên mà là lời tự tố cáo lớn tiếng nhất.

Dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều thời kỳ suy vi và phân hóa nhưng sự kiện một số người đã tâm tàn sát nhiều ngàn người Việt khác trong chỉ vài tuần bằng các phương tiện phi nhân chưa từng có như ở Huế là lần đầu. Vết thương Mậu Thân sẽ không bao giờ lành một khi tội ác chưa được đưa ra ánh sáng. Nền tảng của hòa giải là công lý và sự thật chứ không phải che đậy và lãng quên.

Nhiều tác giả đã viết về Thảm sát Mậu Thân. Những dữ kiện trong bài viết này không có gì mới mà đã được nhắc đi nhắc lại. Dụng ý của kẻ viết bài này chỉ muốn nhấn mạnh một điều rằng, nhiều trong số những người “nhảy núi” còn sống ở Huế hay trong và cả ngoài nước, nhưng chắc không sống bao lâu nữa. Tuổi tác của các ông các bà đều trên dưới bảy mươi. Thời gian còn lại như tiếng chuông ngân đã quá dài. Tất cả sẽ là không. Các ông các bà ra đi không mang theo gì cả nhưng sẽ để lại rất nhiều. Vẫn biết con người khó tự kết án chính mình nhưng các ông, các bà vẫn còn nợ dân tộc Việt Nam, nhất là các thế hệ mai sau, câu trả lời cho cái chết của nhiều ngàn dân Huế vô tội.

Ngọn nến trước khi tắt thường bật sáng, vì tương lai dân tộc, các ông các bà hãy sáng lên sự thật một lần trước ngày chết.

Trần Trung Đạo

(Trích trong Chính Luận Trần Trung Đạo, viết 2010, xuất bản 2014)

Người mẹ tập kết

Vô Danh

Tôi không khó khăn nhận ra mẹ khi bà vừa bước ra khỏi trạm kiểm soát an ninh phi trường. Một tay kéo chiếc valy nhỏ, một vai mang chiếc xách tay, mẹ thong dong như trôi theo dòng người. Dáng mẹ trông mảnh mai, thanh nhã, linh hoạt dù rằng đã ở cái tuổi tám mươi. Tóc đã bạc phơ.

Chiếc áo sơ mi màu trắng như giúp khuôn mặt mẹ tươi tắn hơn ngày tôi gặp mười lăm năm trước. Mẹ đưa mắt tìm kiếm. Tôi giơ tay vẫy.

Bà mừng rỡ vẫy lại. Tôi cười khi mẹ đến gần:

“Chào mẹ!”

Mẹ buông rơi chiếc va ly, mở vòng tay ôm ghì lấy tôi. Tôi cũng ôm xiết mẹ mà sao không cảm nhận chút nồng ấm nào. Từ khi chưa đầy một tuổi, ba mẹ tôi đã đành đoạn bỏ rơi tôi. Thôi nôi, ngoại cúng kiến van vái. Lên ba, ông ngoại mất. Lên năm, bà ngoại lìa đời.

Cậu mợ tôi thừa hưởng gia sản nên... thừa hưởng luôn việc săn sóc dưỡng dục tôi. Vì vậy mà khi khôn lớn, tôi hầu như quên hẳn mình còn đủ cha đủ mẹ.

Tôi lái xe vào trung tâm thủ đô, chạy vòng vòng cho mẹ xem phố xá rồi quẹo sang đường Constitution. Tôi chỉ mẹ xem đài tưởng niệm Washington, tòa Bạch ốc và hứa một ngày khác sẽ đưa mẹ vào xem tận bên trong. Mẹ nói mẹ muốn ưu tiên gặp em của mẹ, còn việc tham quan chừng nào cũng được. Tôi cho mẹ biết cậu mợ đang chu du Âu châu, hai tuần nữa mới về. Sợ mẹ hiểu lầm, tôi giải bày:

“Cậu mơ ghi tên đi chơi trước ngày mẹ báo tin qua đây nên không hủy bỏ được. Con đã xin nghỉ một tháng. Trong tháng đó mình sẽ đi một vòng sơ khởi nước Mỹ. Mẹ sẽ gặp em trai mẹ vào tuần lễ thứ ba...”

Tôi ngưng nói khi thấy mẹ xoay mặt về khung cửa kính. Nhân lúc xe qua cầu, tôi cất cao giọng:

“Đây là sông Potomac. Đi xuôi dòng sẽ trông thấy một phần hình ảnh rất đẹp của thủ đô. Nhà của con phía thượng dòng cách đây độ nửa giờ.”

Mẹ vẫn nhìn quang cảnh thành phố, chỉ có tiếng “thế à” hồ hững vang lên. Tôi nhìn đồng hồ và mừng là đã tới giờ cơm chiều. Tôi nói nhỏ nhẹ:

“Suốt ngày đêm trên máy bay, chắc mẹ thèm cơm. Khu thương mại Eden của người Việt vùng này có một nhà hàng nấu món canh chua cá bông lau, cá kho tộ ngon lắm!”

Bà nói giọng mệt mỏi:

“Nói chung thì mẹ thèm một tô phở.”

Một cái gì nghẹn ngào đột ngột trào dâng trong tôi. Hai mươi năm tập kết ra Bắc mẹ đã bị đồng hóa. Không chỉ thay đổi cả giọng nói, ngôn từ mà lơ là luôn cả món ăn ưa thích của miền Nam. Tôi ngờ rằng bà không phải là người sinh ra tôi... Tôi đưa mẹ vào tiệm Phở Xe Lửa và gọi tô đặc biệt. Mẹ khen ngon hơn phở ở Sài Gòn. “Nhưng vẫn thua phở Hà Nội”, tôi nhanh nhẩu tiếp lời. Mắt mẹ thoáng chút ngạc nhiên rồi lặng lẽ quan sát xung quanh...

Tôi cũng quan sát bà. Tôi giống mẹ lạ lùng. Chắc chắn nhìn chúng tôi, không ai nghĩ khác hơn là mẹ và con. Mà giống mẹ để làm gì khi tâm hồn chúng tôi không có chút gì hòa điệu... Tôi nhấn một chiếc nút trên trần khi xe sắp quẹo vào driveway và lái thẳng vào garage.

Trong khi tôi mở cốp nhắc xuống các hành lý, mẹ đi ra phía trước đường. Tôi bước đến bên mẹ khi bà ngắm nghía ngôi nhà, trầm trồ:

“Nhà của con đây hả? To và đẹp quá, ngoài tưởng tượng của mẹ. Quang cảnh cũng thật sáng sủa tươi mát.”

Tôi cười buồn: “Chúng con mới mua năm ngoái và chắc cũng sắp bán...”

Giọng mẹ thẳng thốt: “Tại sao thế?”

Tôi nắm cánh tay mẹ dịu đi: “Mẹ vào nhà nghỉ ngơi. Từ từ rồi mẹ sẽ biết...”

Tôi bấm số liên hợp và mở toang cánh cửa. Mẹ bước vào, đứng sững người trên tấm thảm nhỏ mang chữ welcome. Dường như mẹ không tin những gì mẹ đang thấy. Mẹ ngập ngừng bước đi, mắt dừng lại từng vật trang trí ở phòng khách, phòng gia đình, miệng lầm bầm lời tán thưởng.

Khi mẹ hướng về khu bếp, tôi biết mẹ sẽ ở đây lâu hơn nên lặng lẽ trở ra ngoài mang hành lý vào nhà. Khóa cửa xong, tôi đảo mắt tìm mẹ. Bà đang ở trong phòng đọc sách, đứng lặng yên trước bàn thờ. Mẹ không nhìn các tượng Phật rất đẹp tôi thỉnh tận Thái Lan.

Mắt mẹ đang đăm đăm nhìn di ảnh của Huy. Anh mặc áo tiểu lễ hải quân với dây biểu chương, trên một nắp túi là chiếc huy hiệu hạm trưởng và bảng tên Lê Quang Huy. Bên kia là hai hàng huy chương nhiều sắc màu khác biệt. Và Huy đang tươi cười...

Mẹ nói bằng giọng ngạc nhiên mà bình thản:

“Sao con không nói gì với mẹ?”

Tôi lắc đầu: “Để làm gì? Mẹ có biết gì về ảnh đâu và chắc cũng không ưa ảnh!”

Mười lăm năm trước, khi về chịu tang ba tôi, tôi đã từ chối trả lời mọi câu hỏi của mẹ. Tôi muốn cho thấy khi bà đã có can đảm bỏ rơi tôi thì tôi cũng có can đảm coi như đời tôi không dính dáng gì tới bà. Mãi gần đây, khi mẹ ngỡ ý muốn qua thăm chúng tôi, Huy khuyên tôi nhận lời, dù gì bà cũng là người sinh thành ra mình. Tôi nghe lời khuyên nhưng chỉ một mình tiếp đón mẹ. Huy chết bất thình vì con đột quỵ. Mẹ nhìn khắp bàn thờ rồi quay phắt sang tôi:

“Sao không thấy con thờ ba con?” “Thờ ba? Tại sao con phải thờ ba?” Mặc dù đã tự nhủ, tôi vẫn không dằn được cơn bực tức bùng vỡ.

Mẹ quay đi, lặng lẽ thấp nén nhang cắm vào lư hương, nhìn Phật Bà, nhìn Huy rồi thờ dài lặng lẽ bước lên thang lầu. Tôi đã từng nghe nhiều tiếng thờ dài tương tự của mẹ trong suốt thời gian mười ngày về dự đám táng ba tôi. Tôi đã cho bà thấy tôi không chỉ đứng đưng với người chết mà còn lạnh lùng với cả người còn sống. Liệu có ai cư xử khác tôi khi suốt quãng đời dài gần bốn mươi năm mà chỉ vài lần được nghe nhắc đến mẹ cha mình bằng lối bông đùa.

Năm tôi lên mười bốn, sau trận Mậu Thân khói lửa khắp Chợ Lớn Sài Gòn, một bữa, lần đầu tôi nghe cậu nhắc tới ba mẹ.

Trong bộ đồ trận rằn ri mang lon trung tá, cậu ra vẻ trịnh trọng: “Nè, Phượng! Con có biết là suốt nữa con đã có dịp trùng phùng ba mẹ con không?”

Trong khi tôi tò mò lắng nghe, cậu tỉnh bơ tiếp: “Nhưng vì cậu thấy họ không xứng đáng làm bậc cha mẹ, cậu đã đuổi họ về mật khu rồi!”

Tôi thường cười với mỗi cợt đùa của cậu nhưng lần đó tôi mím môi muốn khóc. Năm hai mươi mốt tuổi, khi tôi đưa Huy về nhà giới thiệu nhân buổi tiệc mừng cậu thăng cấp tướng, cậu nói nhỏ vào tai tôi:

“Chà chà! Như vậy là kẹt cậu rồi! Con mà chọn tên hải quân đó làm chồng thì cậu khôn khổ với chị cậu. Tuy nhiên, nếu con... năn nỉ cậu, cậu cũng liều cho con làm... bà thiếu tá.”

Tôi vẫn cười thâm về chuyện này vì bốn tháng sau, sự thể đảo ngược. Chính cậu lại là người phải “năn nỉ” tôi để cả gia đình được lên tàu của Huy rời khỏi Việt Nam.

Chúng tôi thành hôn ở Mỹ. Huy trở lại đại học, tôi đi làm ngày đêm. Rồi lần lượt hai đứa con ra đời. Huy ra trường đi làm. Tôi vào đại học. Vất vả mà hạnh phúc. Tôi quá bận rộn để nhớ về quê cha đất tổ, cho tới mười năm sau tôi mới lại nghe tin tức ba mẹ. Lại vẫn do cậu đưa tin. Cậu tôi cho biết đã liên lạc được với chị của mình.

Không lâu sau đó tôi liên tiếp nhận được thư ba mẹ tôi bày tỏ lòng khao khát mong nhận được thơ tôi và hình ảnh gia đình. Và tiếp đến là những lá thư mong mỏi tôi về Việt Nam. Tôi nhận thư, tôi đọc, lòng ngơ ngẩn, bàng khuâng nhưng không có chút hứng thú trả lời. Thậm chí nhiều năm sau, cái tin ba tôi đau nặng cũng chỉ được đón nhận với lòng dửng dưng. Huy bảo tôi nên về. Cậu vợ gọi điện bảo tôi phải về. Tôi thưa với cậu vợ rằng tôi không có cha mẹ nào khác ngoài cậu vợ nhưng cậu vợ tiếp tục thúc bách và giảng đạo lý. Tôi rủ cậu vợ cùng về. Cậu bảo cậu không muốn giỡn mặt với chính quyền cộng sản.

Cuối cùng tôi khăn gói một mình lên đường. Thời điểm này chúng tôi còn nghèo nên Huy đành ở lại với hai con. Nhưng đoạn đường quá xa để ba tôi không thể chờ. Ông

vĩnh viễn ra đi vài giờ trước lúc tôi bước vào ngôi nhà xưa. Dù vậy tôi vẫn còn kịp nhìn mặt ba tôi. Nhìn chỉ một lần mà vẫn đủ để khuôn mặt già nua, khắc khổ, hoàn toàn xa lạ đó theo tôi về tận xứ Mỹ.

Thỉnh thoảng nhân một liên tưởng về dòng họ ai còn ai mất, khuôn mặt của ông lại hiện ra cùng với những tiếng thở dài của mẹ. Thế mà tuyệt nhiên, tôi không hề nghĩ đến việc thờ phượng ông...

Mẹ nằm trong buồng riêng suốt đêm ngày, mãi đến tối hôm sau mẹ mới tươi tỉnh hẳn. Tôi rủ mẹ đi ăn đồ biển. Mẹ ăn tự nhiên, ngon lành. Ném đủ tôm cua nghêu sò ốc hến. Luôn cả hào tươi. Lâu lắm mới có dịp ăn ngoài, tôi cũng tận lực nuốt. Trên đường về nhà, mẹ hỏi:

“Cậu bảo con có hai thằng con trai. Chúng nó đâu mà mẹ chưa gặp?”

“Tụi nó đều đã lập gia đình. Mỗi đứa ở mỗi tiểu bang khác nhau, khá xa. Đứa lớn ở Georgia, có hai con, đứa nhỏ ở Texas, đang chờ con đầu lòng. Con đã sắp xếp để mẹ đến chơi với chúng nó, mỗi đứa vài ngày, sau khi mẹ gặp cậu mợ.” Mẹ nhìn tôi, dò hỏi: “Con ở đây một mình sao?” Tôi gật đầu: “Vì vậy mà con có ý muốn bán nhà này về sống với mấy đứa nhỏ, luân phiên mỗi đứa một thời gian. Tụi nó đang năn nỉ con về ở chung.”

Giọng mẹ ngập ngừng: “Phải thú nhận rằng mẹ vừa trông thấy căn nhà này là mê ngay. Nếu con bán thì bán cho mẹ. Mẹ con ta sẽ ở đây, mãi mãi tới ngày mẹ chết...” Tôi dăm dăm nhìn mẹ. Tôi đã biết từ lâu là mẹ rất giàu, chỉ ngạc nhiên về ý cuối. Nó đến quá bất ngờ như là một nhánh gai quẹt vào người. Tôi nghe xót đau, khó chịu. Tôi không chuẩn bị việc này, cũng không muốn nó xảy ra. Đầu óc tôi đông cứng. Chợt hình ảnh Huy hiện ra, miệng cười cười. Ba tháng nay, từ ngày anh mất, khi tôi gặp điều gì khó xử là anh lại hiện về. Nụ cười của anh luôn luôn giúp tôi tìm giải pháp. Tôi thấy bao nhiêu phiền phức nếu cho mẹ ở chung.

Tôi đã quen với cuộc sống không có mẹ. Chỉ mới hai mươi bốn tiếng đồng hồ “có mẹ” mà tôi đã chịu đựng biết bao gương ép. Mẹ nhìn tôi dò hỏi.

Tôi nói: “Con mới mất anh Huy. Con cần một thời gian yên tĩnh.”

“Mẹ cũng cần có thời gian sắp xếp mọi việc ở Việt Nam. Năm tới mẹ trở qua sống hẳn với con. Con đồng ý chứ?”

Tôi không biết nói gì hơn. Tôi như nghe tiếng Huy văng vẳng: “Đừng làm mẹ buồn!” Tôi cố nhìn vào bóng đêm loang loáng tìm hình bóng Huy nhưng chỉ thấy ánh đèn đỏ vừa bật ở ngã tư...

Sau năm ngày dạo chơi phố xá và ngắm cảnh Nữ Ước, chúng tôi dành hai đêm thử thời vận ở sòng bạc Atlantic City. Thánh nhân đãi kẻ khù khờ, cả hai mẹ con thắng lớn. Chúng tôi về đến nhà, tẩy rửa xong lớp bụi đường thì trời tối hẳn. Tôi thấy mệt mỏi nhưng mẹ tỉnh bơ đề nghị để mẹ nấu ăn ở nhà. Tôi nói sẽ ăn ở nhà nhưng mẹ khỏi nấu. Mẹ không tỏ gì ngạc nhiên khi tôi gọi thức ăn bằng điện thoại. Bà ngồi thoải mái trong bộ ghế êm ái, xem truyền hình đưa tin thể vận hội. Tôi sắp đặt chén đĩa, khăn ăn và nước ngọt rồi ngồi xuống cạnh mẹ.

Chợt mẹ quay sang tôi, giọng ngập ngừng thiếu tự nhiên: “Mẹ phải nói với con chuyện này. Em trai con muốn nhờ mẹ hỏi con giúp nó một việc.”

Em trai tôi? Tôi từ từ hình dung đứa em trai của mình. Tôi đã nhớ ra một hình dáng hiền hòa thường quanh quẩn gần tôi.

Cũng như cậu và mẹ, em tôi nhỏ thua tôi năm tuổi. Nhưng nó khác với tất cả chúng tôi là đã không chào đời ở miền Nam.

Tôi nhìn mẹ chờ đợi. Giọng mẹ đều đều:

“Đứa con gái út của nó học rất giỏi. Năm tới lên đại học. Nó muốn nhờ con giúp cháu qua học bên này. Nó không muốn cho cháu ở nội trú. Nó xin cho cháu ở với con. Cơ bản là con không phải tốn kém gì hết. Mẹ sẽ lo đi chợ, nấu ăn cho cả nhà...”

Con giận chọt ú lên ngực làm tôi khó thở. Tôi hít vào một hơi thật sâu. Tôi biết là mở miệng lúc này tôi sẽ nói ra lời cay độc.

Tôi nhìn ra ngoài trời đang đổ mưa với những ánh chớp liên hồi. Tôi nhớ tới những cơn mưa đầy sấm sét trong căn nhà thênh thang thuở lên mười.

Thuở đó cậu tôi đi đơn vị xa và mợ theo cậu. Người giúp việc thì ngủ gần bếp, xa căn buồng riêng biệt của tôi. Tôi đã vô cùng sợ hãi và từng ước ao có được một đứa em.

Bây giờ tôi đâu còn cần. Tôi nói chậm chậm:

“Thì ra mẹ qua đây không phải vì con mà vì tương lai cháu nội của mẹ!”

Bà nhìn tôi tỏ vẻ ngạc nhiên: “Con nói gì lạ vậy. Tất nhiên mẹ qua đây là vì con, bởi vì mẹ muốn bù lại thời gian ba mẹ bỏ bê con. Mẹ không hề vì cháu nội. Nó chỉ ngỏ lời sau khi biết ý định của mẹ.”

Mẹ đưa tôi lá thư cầm sẵn: “Đây là thư nó gửi cho vợ chồng con.”

Tôi hững hờ nhận.

Mẹ tiếp: “Thật ra nó cũng đã hỏi các thủ tục xin ở nội trú. Không có con ở đây, con của nó vẫn qua đây học. Mẹ thấy điều quan trọng là có người ruột thịt cận kề, coi sóc, nhắc nhở.”

Tôi cười chua xót, không còn ngăn được lời mai mỉa: “Ruột thịt? Có là ruột dư với thịt thừa! Và mẹ đã từng cắt bỏ không thương tiếc!”

Mẹ nhìn tôi dăm dăm: “Con vẫn còn giận mẹ đến thế sao? Lần con về, mẹ đã hết lời giải thích...”

“Con vẫn nhớ các lời giải thích đó: Ba mẹ đâu có muốn xa con, chẳng qua chỉ vì muốn góp phần giành độc lập, thống nhất đất nước.

“Thì đất nước đã độc lập thống nhất, sao mẹ và cháu nội không ở Việt Nam mà hưởng.”

Mẹ buông tiếng thở dài. Tôi cũng chọt nhận ra mình vừa buông lời xía xói hỗn hào. Tôi trầm giọng: “Con xin lỗi. Hề nhớ đến những ngày con bị bỏ rơi là cứ muốn nổi xung thiên...”

“Mẹ phải làm gì để được con tha thứ, quên đi chuyện cũ. Con nghĩ lại đi. Ba mẹ đâu có gửi con cho ai xa lạ. Người đó chính là ba mẹ ruột của mẹ. Con lúc nào cũng nhận được trọn vẹn tình thương và chăm sóc...”

Tôi cố giữ giọng bình thường: “Ba mẹ ruột của mẹ chớ đâu phải ba mẹ ruột của con! Suốt tuổi thơ của con, con bị bạn bè cười nhạo là đứa trẻ mồ côi, là con không cha không mẹ!”

Nước mắt tôi tự dưng ứa ra, rơi dài xuống. Mẹ đứng lên, bước lại ôm choàng lấy tôi. Tôi khóc nức nở trên vai mẹ.

Khi muộn phiền đã dịu xuống, tôi nhìn thẳng vào mắt mẹ:

“Mẹ không thấy là mẹ không công bằng sao? Lúc con ở cái tuổi rất cần sự săn sóc của ba mẹ thì ba mẹ bỏ đi biệt. Còn bây giờ, khi mẹ muốn ở gần con thì mẹ đã bước vào cái tuổi gần đất xa trời, cái tuổi mẹ cần con chớ con không cần mẹ. Thật

lòng mà nói, cho tới giờ phút này, con không một mảy may cảm thấy chút gì thương yêu mẹ, thì nói chi thương yêu cháu.”

Mẹ ôm mặt, thân hình thả rơi lên ghế. Tôi nghe tiếng nấc của mẹ và nghe lòng chùng xuống. Tôi nói nhanh như sợ không còn nói được:

“Nhưng có điều chắc chắn là con cũng không thể chối bỏ mẹ không phải là mẹ của con. Chừng nào mẹ muốn ở với con, mẹ cứ ở. Chừng nào mẹ muốn đi, mẹ cứ đi. Điều em con muốn, cháu con muốn, con khó mà nói được lời từ chối!”

Mẹ vẫn ngồi yên, thút thít khóc.

Đúng lúc tôi muốn ngồi xuống ôm lấy mẹ thì tiếng chuông reo. Tôi thở hắt ra, bước về phía cửa nhận thức ăn mang tới...

....

Rời San Francisco trên chiếc xe chở khách chúng tôi ôn lại những địa điểm đã viếng thăm qua ba ngày ở vùng vịnh. Mẹ tỏ vẻ hài lòng đã được chính mắt chiêm ngưỡng chiếc cầu nổi danh Golden Gate. Mẹ cũng yêu thích cái công viên cùng tên với khung cảnh nên thơ thanh bình mà mẹ gọi là hồ Tịnh Tâm.

Hai ngày ở San Jose, ấn tượng nhất đối với mẹ là những hình ảnh sinh động, huy hoàng và lạ mắt của vô số loài sống dưới nước hiển hiện ngay trước mắt trong Monterey Bay Aquarium. Khi chúng tôi về tới quận Cam. Cậu và các con cháu đón chúng tôi ở bến xe, chỉ thiếu có mẹ.

Khi tôi thông báo mẹ sẽ sang thăm gia đình cậu, cậu nói sẵn sàng gặp mẹ nhưng từ chối cho chúng tôi tạm trú.

Nhà cậu vợ rất rộng, nhiều buồng ngủ. Vợ chồng con cái tôi mỗi khi qua Cali là ở nhà cậu vợ hà râm.

Cậu vợ hẳn phải đau lòng khi lần này để tôi ở khách sạn chỉ vì... có mẹ!. Mẹ không muốn chừa mẹ trong nhà.

Hai đứa em trai của mẹ đều bị tập trung, một bỏ xác trong rừng Yên Bái.

Mỗi ngày trong suốt một tuần, cậu lái xe đến khách sạn đón chúng tôi đi viếng thăm hết nơi này đến nơi khác.

Ngày đầu, cậu dành cho khu Little Saigon. Mẹ thú nhận là rất ngạc nhiên về mức phát triển quy mô và sự phồn vinh sang giàu của người Việt tỵ nạn.

Những ngày kế dành cho danh lam thắng cảnh. Có ngày chúng tôi bay khỏi thành phố đi đến Las Vegas về phía Bắc để chiêm ngưỡng Grand Canyon vô cùng kỳ vĩ ngoạn mục.

Cậu thường dùng khoảng thời gian di chuyển để hỏi mẹ về gia đình và dòng họ ở quê nhà. Cậu cũng kể về cuộc đời của cậu trong suốt nửa thế kỷ không gặp chị. Tôi vô cùng thú vị được nghe hai chị em nhắc lại những kỷ niệm thời họ sống bên nhau.

Thỉnh thoảng cậu và mẹ “đụng” nhau về đề tài chính trị thường là do cậu khởi xướng. Một lần đang lái xe, cậu bỗng nhái cái giọng bắc của mẹ: “Thật đáng tiếc! Nếu chị cả đừng... vợ phải cái ông trí ngu nằm vùng thì giờ chị em gặp lại dung dăng dung dẻ biết bao!”.

Mẹ nở ngay nụ cười đáp trả: “Thì cũng lỗi ở em. Phải chi em không làm tay sai cho Mỹ Ngụy”.

Cậu gật gù ra vẻ tán thưởng rồi bắt sang chuyện khác.

Hôm đứng trước trường đại học danh tiếng Stanford, cậu cười nói:

“Tham quan trường này chị có nhớ đến những năm chị dạy ở trường Đảng không?

Phải công nhận duy vật biện chứng pháp hay tuyệt.

Đảng Cộng sản chủ trương “không có người bóc lột người”. Thế mà ngày nay bản thân Đảng hóa thành “đảng bóc lột người”. Y chang... hủy thế của hủy thế!”

Mẹ bật cười giòn tan:

“Đúng ra là... phủ định của phủ định!”.

Một buổi tối về khách sạn còn sớm, cậu lún la ở lại. Không biết dẫn dắt từ đề tài gì, hai chị em bắt đầu bàn về Hoàng Sa, Trường Sa và sự hiếp đáp của Trung cộng.

Bỗng cậu đặt câu hỏi: “Ông Bush hứa với ông Dũng là sẽ ủng hộ sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Vậy giả sử Trung cộng tấn công Việt Nam và Mỹ đem quân qua giúp đánh lại Trung cộng, thì đối với hai quân đội ngoại nhập đó, theo chị thì phải gọi là gì? Tàu là quân xâm lăng, Mỹ là bọn xâm lược?”

Mẹ cười duyên dáng: “Gọi thế là...đúng sách vở đấy”.

Vào ngày thăm viếng Getty Center, một công trình chi phí hàng tỷ đô la, vừa đồ sộ về kiến trúc tân kỳ, vừa là viện bảo tàng nghệ thuật cổ vật hàng thế kỷ, lại vừa quy mô về tổ chức, tất cả chi phí do nhà tỷ phú Paul Getty đài thọ, cậu tôi bất ngờ hỏi mẹ:

“Nghe đâu chị đang là tỷ phú đó. Ngày xưa chị chống Mỹ cứu nước, ngày nay nhà tỷ phú Việt Nam đổi mới đã đóng góp được gì để dựng nước?”

Mẹ cười: “Chị đang cho xây Đại Nam Quốc Tự thứ nhì. Hôm nào khánh thành chị sẽ mời em về dự”.

Cậu cười ra vẻ đắc ý: “Xin hỏi lần này chị đặt ông Hồ ngồi ở đâu?”

Tôi nhớ vừa đọc tin tức gần đây nói về ngôi chùa vĩ đại mới xây xong có đặt ba bức tượng từ thấp lên cao: Hồ Chí Minh, Khổng Tử, Phật Thích Ca.

Tôi lo âu chờ câu trả lời.

Mẹ nhón nhor: “Em về thì biết”.

Đêm chót trước khi rời Quận Cam trở lại Maryland chúng tôi được cậu mời một bữa tiệc cá 7 món, đặc sản Cali. Khi chúng tôi đến nhà hàng, tôi thật sự ngạc nhiên và vui mừng khi thấy có cả vợ hiện diện. Vợ đứng lên vui vẻ chào hỏi và mời mẹ ngồi bên cạnh. Vợ vốn hoạt bát, nên mẹ lúc nào cũng cười tươi.

Tôi cảm thấy vô cùng hạnh phúc. Lúc chờ tính tiền cậu hỏi mẹ bao giờ về Việt Nam. Mẹ bảo còn lâu, khoảng sáu tháng nữa. Và năm tới có thể là qua ở luôn. Cậu gật gù nhìn mẹ rồi nhìn tôi.

Tôi tưởng cậu tán thành quyết định của mẹ nhưng cậu chậm rãi nói:

“ Phải nói là rất ngạc nhiên khi nghe chị tính qua Mỹ ở luôn. Chị biết không ông Hồ Chí Minh có làm một câu thơ rất nổi tiếng: đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào! Ba mươi ba năm qua, Ngụy đã nhào Mỹ đã cút. Thế mà giờ đây có người đánh đuổi Mỹ lại muốn... cút theo Mỹ!”

Tôi bật cười nhưng kịp hãm khi thấy mặt mẹ sa sầm...
Về Maryland, theo dự trù chúng tôi nghỉ ngơi ba ngày trước khi bay xuống Georgia và Texas. Nhưng chỉ mới qua đêm, buổi sáng mẹ buồn rầu đổi ý.

Mẹ muốn về ngay Việt Nam. Tôi ngỡ ngàng. Nhưng tôi chợt hiểu ra. Câu trêu chọc của cậu đã chạm tự ái mẹ.

Xa nhau quá lâu, mẹ không quen tính tình em mình. Cợt đùa, đốp chát vô tội vạ là thói quen của cậu. Hiểu cậu thì không ai giận cậu.

Không hiểu cậu, giận cậu thì ráng chịu. Cậu nói đó rồi quên đó. Tuy nhiên tôi vẫn không muốn thay cậu ngỏ lời xin lỗi mẹ. Tôi cũng không có ý định van xin mẹ khoan vội về Việt Nam. Tôi biết chắc nếu tôi năn nỉ, mẹ sẽ ở lại.

Gần tháng qua tôi đã cảm thấy chút gì gần gũi mẹ nhưng xem ra vẫn còn một bức vách vô hình ngăn cản sự thoải mái, tự nhiên, thân mật. Thậm chí còn có cái gì khác nữa khiến tôi có lúc bứt rứt, bực mình. Không có mẹ, tôi ngủ nghe, ăn uống thế nào lúc nào tùy thích.

Có mẹ, tôi phải hầu hạ, e dè, trông trước ngó sau. Mẹ ở lại lần này, lần tới sẽ ở lại mãi mãi. Mà xem ra thời gian để xây đắp tình mẫu tử chẳng còn bao nhiêu. Luật đời vốn trói buộc tôi vào kiếp nạn mồ côi từ đầu đời. Có gặp lại cha thì chỉ khi cha mất. Gặp lại mẹ thì mẹ lại bỏ đi.

Thôi thì hãy coi mười ngày bên mẹ đã là một hồng ân. Phải mất một tuần tôi mới đổi được vé máy bay. Trong tuần cuối đó, mẹ chỉ thích đi mua sắm.
Mỗi ngày tôi đưa mẹ vào một trung tâm thương mại khác nhau. Ăn thì mỗi bữa một nhà hàng khác xír. Mẹ đã thưởng thức các món ăn Mỹ, Nhật, Thái, Đại Hàn, Mã Lai, Nam Dương.

Đêm cuối cùng, tôi hỏi mẹ có muốn ăn phở lần chót ở Mỹ không, mẹ cười bảo muốn ăn canh chua cá kho tộ. Tôi thấy chút âm long...

Hôm đưa mẹ ra phi trường, chúng tôi im lặng suốt đoạn đường. Gửi xong hành lý, tôi kéo chiếc va ly, tay kia nắm bàn tay mẹ bước chậm chậm về trạm kiểm soát an ninh cá nhân. Khi gần đến dòng người ngoằn ngoèo chờ qua trạm, mẹ dừng lại. Tôi nhìn mẹ dò hỏi. Ánh mắt mẹ ngập tràn âu yếm mà giọng cất lên trầm buồn: “Chắc mẹ sẽ không qua đây thăm con nữa.”

Tôi nghe xao xuyến nhưng vẫn lặng thinh.
Lời mẹ êm như tiếng thờ dài: “Và khi mẹ chết, con cũng không cần phải về...”

Tôi đứng chết lặng. Tôi có cảm tưởng như tôi đã cư xử quá tệ hại với chính mẹ mình. Ý nghĩ trở thành đũa con bất hiếu khiến tôi buột miệng:
“Mẹ! Con sẽ về. Thế nào con cũng về. Cậu đã dạy con nghĩa tử là nghĩa tận.”

Bà vòng tay ôm lấy tôi thật chặt, giọng êm đềm:
“Còn đây là lời mẹ dạy, lần đầu mà cũng là lời cuối. Con hãy luôn luôn ghi nhớ:
“Chủ như cha, cậu như mẹ”. Con gắng giữ sức khỏe. Thôi mẹ đi.”

Mẹ nắm chiếc cần va ly từ tay tôi. Tôi vụng về ôm lấy mẹ. Mẹ áp má vào má tôi. Tôi nghe chừng thân mình bay bổng. Khi tôi mở vòng tay, mẹ quay mặt bước đi. Tôi thấy mình quá bất nhẫn, khẽ gọi: “Mẹ!”

Bà quay lui, chân vẫn bước, đôi mắt hiền từ. Tôi lúng túng vẫy tay, cố nở nụ cười:
“Chào mẹ!”

Không thấy tên tác giả

Khắp Việt Nam, người dân đang sống với thực phẩm bẩn và thực phẩm tẩm thuốc độc hàng ngày! (Tiền Phong)

Thạch Thảo



Từ bao nhiêu năm nay rồi, quê tôi có những chuyến xe đêm đi thành phố khởi hành lúc một giờ sáng, đến Sài Gòn lúc năm giờ. Có hai loại hành khách thường phải đi xe khuya như vậy: Một là người đi làm thuê và hai là người đi khám bệnh. Đến Sài Gòn lúc năm giờ sáng, người làm thuê kịp giờ đến xí nghiệp và người đi khám kịp vào bệnh viện “bắt số” để xếp hàng. Hành khách đi khám bệnh thường quen nhà xe và quen biết nhau vì họ đi lên đi xuống Sài Gòn tái khám từ năm này qua tháng nọ.

Trên xe, họ trò chuyện thân thiết, hiểu rõ hoàn cảnh gia đình cũng như bệnh tình của nhau, và thường nhắc đến những người bệnh vắng mặt. Cứ dăm ba chuyến xe không gặp thì hiểu là người ấy đã “về nhà” rồi, có nghĩa là về trên chuyến xe chở xác của bệnh viện. Đa số người bệnh trên những chuyến xe khuya ấy đều bệnh ung thư. Quê tôi bệnh ung thư nhiều vô số, đến nỗi có ai đó bị bệnh phải đi Sài Gòn khám là mọi người nói như mặc định “lại ung thư rồi”.



Một trong những địa chỉ quen thuộc ở Việt Nam, nơi mỗi năm có hơn 200,000 ca mắc mới; và khoảng 82,000 ca tử vong (NLD)

Ở cửa ngõ Sài Gòn hướng miền Tây có Bệnh viện Triều An, gần như đó là bệnh viện dành cho người miền Tây và dành cho bệnh nhân ung thư. Lúc ông Trầm Bé còn đương thời, ông đã dành một khoản từ thiện tài trợ cho bệnh nhân ung thư, bệnh nhân nghèo bệnh nặng được miễn giảm viện phí ở Triều An.

Con sông quê đã hết hiền hòa

Đa số bệnh nhân ung thư ở quê tôi là nông dân. Trong văn chương nghệ thuật, hình ảnh con sông quê luôn đẹp để hiền hòa. Giờ khác rồi, những con sông quê miền Tây vẫn đẹp mà không hiền chút nào. Tất cả ô nhiễm tới nỗi không ai dám tắm sông nữa. Hình ảnh trẻ con bơi đùa trên sông là xưa rồi. Chúng biết sông rất dơ, hễ xuống sông tắm là sẽ bị ngứa, ghẻ lở, nhiễm độc.

Thành phố có công ty vệ sinh đô thị thu gom rác, chứ nông thôn làm gì có, bao nhiêu rác người dân đều thải xuống sông. Cống rãnh đều dẫn ra sông mà không bao giờ và không ai nghĩ đến chuyện xử lý nước thải. Chợ nông thôn hầu hết đều ở ven sông, tan buổi chợ là tất cả rác rến lùa hết xuống sông.

Cách đây mười năm, hầu hết người dân nông thôn đều đi vệ sinh trên cầu cá, tức là đào cái ao nuôi cá tra, phía trên làm cầu tiêu để lấy phân nuôi cá. Tất nhiên là cái ao có đường cống thông ra sông rạch, có nước ra vô. Sau khi cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt ra Chỉ thị 100 cấm cầu cá thì đỡ hơn, nhưng đây đó vùng quê vẫn còn.



Sông ngòi miền Tây ô nhiễm kinh hoàng! (RFA)

Dù sao thì rác hữu cơ có dơ chút mà không độc. Những dòng sông quê nhiễm độc là bởi phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, những loại thuốc bảo vệ thực vật cực kỳ độc hại bón trên ruộng lúa, xong rồi xả hết ra sông. Miền Tây trồng lúa ba vụ một năm, đất không có thời gian hồi phục nên phải xài phân thuốc thật nhiều thì lúa mới trổ. Cứ nhìn những doanh nghiệp kinh doanh phân bón, thuốc nông nghiệp giàu lên như thế nào thì đủ biết người nông dân sản xuất lúa toàn bằng phân thuốc.

Khi được sử dụng xong, các chai thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ bỏ lăn lóc bên bờ ruộng hoặc liệng hết xuống sông, hầu như không ai xử lý đúng cách cả. Chúng ta biết là thuốc sâu độc hại ra sao, thuốc diệt cỏ còn hơn vậy. Những người tự tử bằng thuốc sâu thì còn cứu được, chứ uống thuốc cỏ là bó tay luôn. Nông dân biết hết, nhưng họ tính bơ, họ vẫn trữ thuốc độc trong nhà, trong nhà bếp, pha thuốc vào bình xịt xong vứt chai thuốc lăn lóc sau hè. Thậm chí mấy quán tạp hóa ở quê bán thuốc sâu, phân bón chung với thực phẩm luôn.

Mấy anh nông dân than với tôi là mỗi khi đi xịt thuốc về, họ “mắc bệnh” cả tuần chưa hết: Nhức đầu, mệt mỏi, nóng sốt, bại hoại chân tay... Đó chính là tình trạng nhiễm độc thuốc trừ sâu, nhưng họ “quen” rồi, nếu khuyên họ mặc đồ bảo hộ lao động, đeo khẩu trang và kính bảo vệ thì họ không bao giờ nghe, vì “vương vui khó làm việc”, họ bảo vậy. Những bệnh nhân ung thư tương lai là đây chứ đâu.

Người nông dân đã hết thật thà

Đến nhà nông dân, bạn sẽ thấy họ trồng riêng một mảnh ruộng, một mảnh vườn “đồ nhà”, tức là không bón phân xịt thuốc, để dành riêng nhà họ ăn. Họ biết rõ bón phân xài thuốc là rất độc nhưng họ vẫn làm – để lúa có năng suất cao, rau cải xanh tốt – để bán cho người khác ăn. Riêng gia đình họ khôn hơn, chỉ ăn đồ nhà. Chưa hết, nếu ngày xưa mua gạo về để lâu trong khạp, bạn thấy có mọt. Giờ kiếm không ra con mọt nào đâu, gạo đều đã được xử lý chất bảo quản, để bao lâu cũng không mọt, không mốc. Còn rau cải, người đi chợ có xu hướng tìm rau cải có sâu để bảo đảm không bị xịt phân thuốc, nhưng làm gì tìm ra được. Rau xanh mướt, nhưng đem về nhà để tới chiều là bầy nhày ra, ủng thối.

Nhà nông bây giờ khỏe re, nuôi heo không còn lo cám gạo rau muống và xắt chuối cây như ngày xưa. Tất cả heo gà vịt cá tôm đều nuôi bằng thức ăn công nghiệp có

chất tăng trọng. Đôi khi tôi nghĩ có phải vì thế mà con người cũng béo phì hơn xưa không, ăn thịt toàn chất tăng trọng cơ mà. Tôi có người bạn, con gái làm trang trại nuôi gà công nghiệp. Bạn nói, nó cho gà ăn toàn thuốc và thực phẩm công nghiệp nhập khẩu Trung Quốc, mở đèn, mở máy lạnh cho gà ăn suốt ngày đêm.

Chỉ 3 tuần lễ là con gà to 3-4 kg. Gà không thể đứng nổi, phải nằm ăn, vì xương không phát triển kịp đủ để nâng đỡ trọng lượng. “Bắt con gà lên sẽ thấy nó nặng trĩch và thịt cứng ngắt, rất sợ” – bà bạn cho biết vậy. Gà nuôi bằng thuốc rất yếu, dễ chết, chỉ cần cúp điện tắt máy lạnh chừng vài mươi phút là gà ngã ra chết hết luôn.

Họ còn nuôi thuốc cho gà đẻ trứng sai, trứng to và đẻ trứng hai tròng đỏ; nhưng con gà đẻ chỉ một, hai lứa là chết vì kiệt sức. Nếu như ở quê tôi không mấy ai ăn thịt gà công nghiệp thì cả Sài Gòn này đều ăn, nhất là các quán cơm gà bình dân bán cho công nhân và sinh viên. Gà vườn giá hai trăm ngàn trong khi gà công nghiệp chỉ khoảng bảy chục ngàn một ký, Người nghèo ăn đồ độc hại là điều đương nhiên rồi.

Người bán thực phẩm, những mụ phù thủy độc ác

Có lần tôi ra cảng cá, thấy cá từ tàu mang lên ướp nước đá nhão nhoét, tôi thắc mắc “Cá như này sao bán được?” Chủ vừa trả lời: Đây mới là cá tươi, bạn hàng mang cá về nhà sẽ “muối” hàn the và ure, hôm sau mang ra chợ thấy cứng sảng, tươi chong chó mà ăn độc lắm á em.

Hàn the là chất cấm sử dụng trong thực phẩm, là chất độc và lưu trữ vĩnh viễn trong cơ thể mà không bị đào thải qua bài tiết, nhưng người dân quê vẫn sử dụng để bảo quản thực phẩm, làm cho thức ăn tươi lâu, cứng giòn và dai. Chả lụa ướp hàn the sẽ dai ngon và để ngoài nhiệt độ thường hàng tuần lễ không bị hư. Hàn the ướp dưa chuột, dưa kiệu cho giòn, hàn the hay formol dùng trong sản xuất bún, bánh phở cho dai và để được lâu.

Người ta còn dùng Tynopal là chất tẩy trắng trong công nghiệp giấy để làm cho bún trắng sáng. Chập tối đi chợ chiều, tôi từng bắt gặp người bán rải từng vốc hàn the lên thớt thịt để giữ thịt có màu đỏ tươi; sáng mai đem ra bán lại, bán hết thịt cũ mới bán tới thịt tươi, trong khi người nội trợ cứ nghĩ đi chợ sớm sẽ mua được thịt tươi ngon, tội nghiệp biết bao!



Ngâm thịt thối để biến thành thịt tươi! (NLD)

Đi về vùng biển, tôi được bà con ngư dân chia sẻ một bí mật trong cách làm tôm khô. Tôm biển từ tàu đánh bắt xa bờ (đi ít nhất nửa tháng mới về) thì phải ướp để bảo quản. Có thể ướp nước đá, nhưng tôm tép thì không bởi tôm ướp nước đá sẽ bị đen đầu. Do đó, ngư dân phải muối tôm bằng hàn the để giữ được con tôm có màu tươi. Vậy là tôm khô biển rất độc hại, bạn chỉ nên ăn tôm biển từ những tàu đánh bắt gần bờ sáng đi chiều về mà thôi.

Cá khô cũng vậy. Bây giờ ra chợ hải sản khô người ta không thấy ruồi. Cả làng cá ven biển phơi cá lớp lớp trên giàn phơi bốc mùi tanh nồng cũng không thấy con ruồi nào đậu vào. Tại sao? Bạn bè miền biển cho tôi biết, gia đình họ tự phơi cá ăn chứ không bao giờ mua ở chợ, vì cá khô bây giờ đều được ngâm “thuốc ruồi”. Đó là một loại hóa chất diệt côn trùng mua từ bên kia biên giới Việt Nam – Campuchia, chỉ cần ngâm cá vào hóa chất, treo lên giàn một đêm là cá khô bán được, không cần phơi nắng, không bị ruồi bu sinh dòi, làm “cá một nắng” bằng cách ngâm thuốc sẽ bảo quản lâu mà không cần đông lạnh gì cả.

Người ta cũng phát hiện nhà kinh doanh hải sản nhuộm ruốc bằng phẩm màu công nghiệp, đó là chất Rhodamine B dùng nhuộm vải, có thể gây ngộ độc cấp tính và gây ung thư. Vàng Ô (Auramine O) là tên thương mại của chất diarylmethane. Đây là chất màu tổng hợp, chỉ được sử dụng trong công nghiệp để nhuộm và dùng để làm màu sơn quét tường. Thế nhưng người Việt dùng chất đó để nhuộm màu vàng cho măng và dưa cải! Và họ dùng oxyt đồng để nhuộm cho dưa chuột ngâm chua giữ được màu xanh tươi.

Ở Sài Gòn, dù thềm sầu riêng đến mấy tôi cũng không mua. Nhiều người giống như tôi vậy. Họ sợ sầu riêng ngâm thuốc. Con buôn đến từng vườn sầu riêng, bao mua hết vườn, trái non trái già gì họ cũng hái hết, rồi ngâm sầu riêng trong thùng hóa chất; vài hôm sau, sầu riêng chín đều, bán được hết. Những loại trái cây khác như táo, nhãn..., họ cũng ngâm hóa chất – gọi là thuốc phì, chỉ một đêm là táo nở to, trái trông rất ngon; long nhãn nở to đến nỗi nứt cả hạt ra.

Chợ Việt hàng Tàu

Khi tôi đi chợ mua rau củ, tôi chỉ mua hàng xấu, củ nhỏ đèo, màu ít tươi. Tôi nói KHÔNG với hàng Trung Quốc. Tất cả rau củ quả, gia vị như cà rốt, khoai tây, củ hành, tỏi, đường, bột ngọt... đều của Trung Quốc. Chợ Việt Nam toàn hàng Trung Quốc. Rau củ Trung Quốc củ to, màu tươi đẹp, bạn mua về để sáu tháng sau không hư hỏng. Và rất rẻ. Chính một chủ vừa hàng legume nói với tôi rằng, “hàng Trung Quốc vừa rẻ, vừa đẹp, để lâu không bị hư, thì chúng tôi (các nhà kinh doanh) tất nhiên là phải mua bán rồi”.



Tại chợ Kim Biên, Sài Gòn, muốn mua hóa chất “bảo quản” gì cũng có. Tất cả đều là hàng Trung Quốc (TN)

Khi đến cửa khẩu Tân Thanh, Lạng Sơn, tôi thấy bãi hoa quả Trung Quốc chuẩn bị đưa sang Việt Nam nồng nặc mùi hóa chất bảo quản. Mỗi thùng trái cây có một bịch hóa chất, bạn sẽ không bao giờ thấy nó bởi chủ vừa đã thủ tiêu mất trước khi bán cho người tiêu dùng. Vì vậy, trái cây Trung Quốc không cần bảo quản lạnh vẫn giữ tươi nguyên mấy tháng liền. Dân buôn bán vùng biên giới gọi đó là hàng nóng.

Thật bất công khi hàng Việt Nam bán sang Trung Quốc phải là hàng lạnh, trái cây phải được bảo quản bằng xe container lạnh, trong khi hóa chất bảo quản của Trung Quốc bán sang Việt Nam đầy ắp ở chợ Kim Biên, Sài Gòn.

Trong khuôn khổ một bài viết, tôi không biết nói sao cho hết những nỗi khổ của người Việt Nam khi công lưng làm lụng để rồi phải ăn toàn chất độc, sống trong môi trường nhiễm độc và chết sớm vì bệnh tật. Trung Quốc cung cấp thuốc độc và người Việt đầu độc lẫn nhau, một cuộc đầu độc vĩ đại có thể khiến đất nước và dân tộc này suy tàn, diệt vong.

Hồi Ký Những Người Tù Cuối Cùng

Kính gửi lại quý vị,

Nhân dịp hôm nay tổng số lượt xem 17 chương của Hồi Ký Audio ""Những Người Tù Cuối Cùng" đã lên 201 ngàn views, và show Sean Le đầu tiên phỏng vấn Người Tù Cuối Cùng cũng đạt con số 200 ngàn views. Mời quý vị xem, và phổ biến đến thân hữu xa gần. Chúc quý vị một tuần lễ an vui mạnh khỏe.

PGĐ

Trọn bộ 17 chương audio của "Hồi Ký Những Người Tù Cuối Cùng" (NNTCC), để quý vị có thể lưu giữ xem dần, và chuyển đến bạn bè, bà con xa gần.

Xin cảm ơn nhóm thân hữu với tác giả vừa giúp hoàn thành upload toàn bộ audio đọc truyện 17 chương cuốn hồi ký NNTCC này lên youtube vào đúng dịp sinh nhật tác giả.

Bộ audio này cũng để đáp ứng nhu cầu muốn nghe hồi ký của nhiều thính giả cao niên thị lực đã yếu, và của nhiều khán thính giả đủ lứa tuổi thích nghe đọc truyện vì

thuận tiện hơn. Sau gần một năm thực hiện âm, hai năm trở ngại vì Virus Vũ Hán, hôm nay tác giả và nhóm thân hữu rất hân hạnh ra mắt trọn bộ hồi ký NNTCC audio này đến quý khán thính giả gần xa như một món quà đầu năm.

Quý vị sẽ nghe hồi ký audio này qua ba giọng đọc: cô Ngọc Đỗ (tiếng Bắc), cô Bích Ngọc Nguyễn (giọng Nam) và tác giả (giọng Bắc). Xin chân thành cảm ơn Ngọc Đỗ, Bích Ngọc Nguyễn, và nhất là one-man band Anh Tuấn Trần. Xin đón nhận mọi ý kiến và xin đa tạ.

Chương 1: Sài Gòn Ngày Tháng Cuối: <https://youtu.be/UwGowiBGxaE>

Chương 2: Cánh Cửa Địa Ngục: <https://youtu.be/n5lJviLAmfA>

Chương 3: Ba Người Tù Tổ Điện <https://youtu.be/G-8eJSXxoNo>

Chương 4: Những Người Tù Áo Hoa

<https://www.youtube.com/watch?v=AxG65FL1yyI&t=1s>

Chương 5: Người Tù Bất Khuất

<https://www.youtube.com/watch?v=TYJX181u9ug>

Chương 6: Anh Hùng Sư Đoàn 5 https://www.youtube.com/watch?v=_JXSxZDK_N8

Chương 7: Huyền Thoại về Một Vị

Sư <https://www.youtube.com/watch?v=VqLo1Wp9bBM>

Chương 8: Tấm Lòng Người Vợ <https://www.youtube.com/watch?v=ZD1TtTyk-14>

Chương 9: Sức Người Trong Vòng Xoay Định

Mệnh <https://www.youtube.com/watch?v=jd3Rb8akgvs>

Chương 10: Những Giác Chiêm

Bao https://www.youtube.com/watch?v=gCLwMyFS_wg

Chương 11: Thân Mẫu Tại Đường - Như Lai Tại Thế <https://youtu.be/bEyjf7Gpooo>

Chương 12: Chuyển Tàu Xuôi Phương

Nam <https://www.youtube.com/watch?v=IoFhXGYccL4>

Chương 13: Thăm Nuôi Trong Trại Giam <https://www.youtube.com/watch?v=nH-03Q7VXOc>

Chương 14: Một Thoáng Yêu

Người <https://www.youtube.com/watch?v=prYFqCR6IS8>

Chương 15: Ngày Trở Về <https://youtu.be/KlAbMkvD3TA>

Chương 16: Thành Phố Kỷ Niệm <https://youtu.be/9VS-afz5R2k>

Chương 17: bến Bờ Tự Do <https://youtu.be/CnafBmdqwcMChúc> Mừng Năm Mới Quý Mão!

* SEAN LE SHOWS

Show 1 Sean Le: Những người tù cuối cùng sau cuộc chiến

VN <https://www.youtube.com/watch?v=TJxvdmRmtWA>

* Show 2: Những câu chuyện ly kỳ chưa từng kể sau cuộc

chiến <https://www.youtube.com/watch?v=Rrudw93wF8w&t=179s>

* Show 3: Câu chuyện cảm động của một Trung tá VNCH: 'Quyết không nhận ân huệ của cán bộ cs'. <https://www.youtube.com/watch?v=82eCanHTz2E>

Đọc Cho Tinh Ngộ



1. Lòng tin là thứ mà một khi ta đã mất thì khó có thể trở lại như ban đầu. Vì vậy, hãy sống đúng ngay từ đầu bởi trường học có bút xóa nhưng trường đời thì không.
2. Đừng nghĩ mãi về quá khứ nếu nó chỉ mang tới những giọt nước mắt. Đừng nghĩ nhiều về tương lai, nó chỉ mang lại sự lo sợ. Sống ở hiện tại với nụ cười trên môi như trẻ thơ. Nó sẽ mang lại niềm vui cho bạn.
3. Cuộc đời vốn chẳng có thứ gì hoàn hảo nhưng mỗi người đều có nét đẹp riêng, thiên tài ở chỗ là mỗi người tìm ra được nét đẹp của chính mình và hoàn thiện nó.
4. Cuộc sống có 3 cái đừng:
 - Đừng hiền quá để người ta bắt nạt
 - Đừng ngốc quá để người ta đùa giỡn
 - Đừng tin tưởng quá để người ta lừa dối.
5. Cuộc đời ngắn lắm nên đừng lãng phí thời gian của mình với những người không có thời gian dành cho bạn.
6. Con người tạo ra để được yêu thương. Vật chất tạo ra là để sử dụng. Nhưng vì một lí do nào đó, vật chất lại được yêu thương. Còn con người thì lại bị lợi dụng.
7. Đá còn có thể mòn hướng chỉ là lòng người. Thay đổi trước sau âu cũng là chuyện thường tình. Duyên là do người giữ. Hết thương rồi có cố mãi cũng bằng không.
8. Đồng xu tuy có 2 mặt nhưng chỉ có 1 mệnh giá. Con người chỉ có 1 mặt có sao lại sống 2 lòng.
9. Làm người nhất định phải có lương tâm! Nhất định không được quên người đã từng giúp đỡ bạn, nếu không bạn sẽ ngày càng ít bạn bè, đường đi sẽ ngày càng hẹp.
10. Ngay cả ngõ cụt cũng là điểm xuất phát, nếu bạn biết quay lưng.
11. Có những người họ quên những lần ta giúp đỡ họ, nhưng sẽ nhớ mãi một lần ta từ chối họ.

12. Quan tâm nhiều quá đồng nghĩa với làm phiền. Yêu thương nhiều quá, người ta lại không biết trân trọng!

13. Dựa núi, núi hóa thành vôi,
Dựa nước, nước chảy ra ngoài biển Đông.
Dựa người, người đổi thay lòng,
Chỗ dựa chắc chắn chỉ trong chính mình.

14. Có hai sai lầm lớn trong cuộc sống. Một là sống cho người khác coi. Hai là coi người khác mà sống. Thật ra chỉ cần bản thân cảm thấy hạnh phúc là được. Đừng mãi nhìn vào người khác mà đi sai con đường dưới chân mình.

15. Bạn có tốt bao nhiêu thì vẫn có người ghét bạn. Đó là điều không thể tránh khỏi.

16. Có lẽ cần phải trải qua tuổi thanh xuân mới có thể hiểu được tuổi xuân là khoảng thời gian ta sống ích kỷ biết chừng nào. Có lúc nghĩ, sở dĩ tình yêu cần phải đi một vòng tròn lớn như vậy, phải trả một cái giá quá đắt như thế, là bởi vì nó đến không đúng thời điểm. Khi có được tình yêu, chúng ta thiếu đi trí tuệ. Đợi đến khi có đủ trí tuệ, chúng ta đã không còn sức lực để yêu một tình yêu thuần khiết nữa.

17. Bất kỳ một sự đả kích nào cũng không nên trở thành cái cớ cho bạn sa ngã. Bạn không thể thay đổi thế giới nhưng bạn có thể thay đổi bản thân mình. Việc cần làm là chọn lựa một con đường đúng đắn và kiên trì bước tiếp.

18. Ai không giả dối, ai không dễ thay đổi, không ai là ai của ai hết. Hà tất phải coi một số người, một số chuyện quan trọng đến thế.

19. Tình yêu, tình bạn, không phải là cả đời không cãi nhau, mà là cãi nhau rồi vẫn có thể bên nhau cả đời.

20. Người quan tâm đến tôi, tôi sẽ quan tâm lại gấp bội!
Người không quan tâm đến tôi, bạn dựa vào cái gì mà bảo tôi phải tiếp tục?

Lấy từ Bản Tin Đặc Biệt (Nam Nguyễn) ngày 11/Mar/2023.

THƯ GỬI CÔ GIÁO

Kính thưa Cô,
Đến tận bây giờ, gõ những dòng E-mail tràn tình này gửi đến Cô, em vẫn còn trách ông trời, phải chi cuối tiết “Lịch Sử” hôm ấy trời đừng mưa to thì giảng đường Đại Học không ai còn ngồi lại và Cô cũng đâu có thời gian trò chuyện khuyến khích sinh viên mình... Và, hôm nay, em cũng không phải gõ email này gửi Cô mà em biết khi đọc Cô sẽ không vui...

Em còn nhớ hôm ấy lời Cô nói: “Lịch sử là những gì diễn ra trong quá khứ, được tái hiện lại, trong hôm nay và ngày mai, phải trung thực, chân thật nhằm cho người sau biết và lấy đó làm kinh nghiệm, xấu xa sai trái thì tránh nếu tốt đẹp có ích thì tự hào

để nhân bản thêm lên, vì vậy đề tài bài tham luận: '37 mùa xuân Đại Thắng' nói về 'chiến công thần thánh' của quân dân ta chống 'đế quốc Mỹ xâm lược, cứu nước' của mỗi bạn, cần phải gọt giũa đánh giá cho xứng tầm vĩ đại của dân tộc, trong khi chờ mưa tạnh, chúng ta cùng nói chuyện bên lề ngoài tiết học, các bạn còn điều gì lẩn cẩn chưa rõ ở chiều sâu và rộng của bài tham luận mà mỗi bạn sẽ phải hoàn thành, thì cứ hỏi Cô, xem như bạn bè thoải mái bày tỏ quan điểm khách quan và thắc mắc của mình để chúng ta rộng đường suy luận mà viết bài cho sắc sảo có tính thuyết phục cao, ở đây có nhiều bạn theo khoa 'báo chí' mà! Nào mời các Phóng Viên tương lai nói chuyện chuyên đề, chờ mưa tạnh...".

Và Cô cười, nụ cười giao lưu rất thoải mái.

Em cũng nhớ, mình là người thứ tư, sau các bạn, vô tư ngáp ngừng cười, nói với Cô: "Chiến tranh với Mỹ là có thật, nhưng nếu nói đó là chống xâm lược để cứu nước – thì không phải – thưa Cô! Em nghĩ như vậy..."

Sau lời nói, thoáng nhiên giảng đường im phăng phắc làm em chợt dạ bối rối thấy mình tự nhiên như đông cứng lại tại chỗ ngồi... Em nhớ, nghe xong lời em Cô quay nhanh bước ra gần cửa sổ ngắm màn mưa ngoài trời một thoáng rồi trở lại. Cô nhìn em trong ánh mắt tuông như rất giống ánh mắt mẹ em khi đi chợ nhìn người bán hàng trước khi trả giá mua. Cô nói với riêng em một câu ngắn gọn nhỏ thôi đủ cho em nghe: "Hình như bạn đùa không phải lúc..." rồi bình thản cô quay lên bục giảng lấy áo mưa, chần chừ chờ giảng đường thưa người, Cô ra về sau cùng. Không mang theo áo mưa nên em ngồi nán lại. Đi ngang qua, Cô dừng chân, như thầy giáo nhắc bài học trò, cô nói với em: "Bạn cần phải lên thư viện nhiều hơn, tìm trong sách, ở đó có nhiều câu trả lời cho vấn đề của bạn vừa nêu ra, tôi nghĩ, không khéo danh hiệu Đoàn viên Thanh niên CS/HCM ứu tú, xuất sắc, đối tượng của đảng nơi bạn sẽ lung lay..."

Thưa Cô,

Email này của em chắc chắn không phải là chất liệu để em trông đợi giữ cho chặt lại cái danh hiệu "ứu tú-xuất sắc" ấy, mà đơn giản em muốn chứng minh thông điệp – lời cô nói – lịch sử rất cần sự "trung thực, chân thật".

Thưa Cô! Không phải vui đùa đâu ạ, mà em nói thật lòng: "Chiến tranh với Mỹ là có thật, nhưng nếu nói đó là chống xâm lược để cứu nước – thì... không phải vậy..." Xin phép cô, cho em giữ nguyên nhận định này của mình dù em biết có những di lục nhất định không mong đợi... Bởi vì có rất nhiều dẫn chứng để "ai đó có thể lừa dối một số người trong một lúc, và lừa dối hết mọi người trong vài lúc, nhưng không thể mãi mãi lừa dối được tất cả mọi người." (Abraham Lincoln).

Nói lên điều này em biết Cô sẽ phiền lòng. Nhưng... Thưa Cô! Em tìm thấy trong tác phẩm dịch từ nguyên tác Nhật Bản "12 người làm nên nước Nhật" của Giáo sư Tiến sĩ Đặng Lương Mô (có thể Cô cũng biết!) Viện sĩ Hàn Lâm Viện Khoa học New York, năm 1992. Ủy Ban Nhân Dân TP. HCM khen thưởng kiêu bào có công với đất nước, năm 2003.

Trong danh sách "12 nhân vật mà người dân Nhật Bản tôn vinh" – 12 người đã lập nên một nước Nhật hùng mạnh ngày nay, chúng ta lưu ý đến người mang số 10 không phải là người Nhật:

(1) Thái tử: Shotoku,

- (2) Chính khách: Hikaru Genji,
- (3) Lý Thuyết Gia: Minamoto Yoritomo,
- (4) Anh Hùng: Oda Nobunaga,
- (5) Kỹ sư: Ishida Mitsunari,
- (6) Nhà cải cách: Tokugawa Yeyasu,
- (7) Triết Gia: Ishida Baigan,
- (8) Chính Khách: Okubo Toshimichi,
- (9) Nhà tư bản học: Shibusawa Ei-ichi,
- (10) Thống Tướng Hoa kỳ: Douglas MacArthur,
- (11) Giáo Sư lý thuyết gia: Ikeda Hayato,
- (12) Doanh Nhân: Matsushita Konosuke.

Ông ta, chính xác là Thống Tướng quân đội Mỹ. Thật không hề dễ dàng chút nào cho gần hai trăm triệu con cháu “Thái Dương thân nữ” phải nhìn nhận một Tướng Lãnh khét tiếng của Mỹ, kẻ thù không đội chung trời của họ trong Đệ II Thế chiến trên Thái Bình Dương và khắp các mặt trận Châu Á, là Tư lệnh quân đội Mỹ chuẩn thuận văn bản đầu hàng của chính phủ Nhật Bản sau đó đại diện cho LHQ và chính phủ Mỹ chiếm đóng Nhật Bản... trở thành một Anh Hùng, ân nhân của Nhật Bản sau 2 quả bom nguyên tử của Mỹ cũng rơi trên lãnh thổ nước này gây nên nhiều tang thương.

Phải là người có nhiều công trạng thực tiễn mang lại một thành quả lớn lao mà giá trị của nó bao hàm đặc tính rõ rệt của chân, thiện, mỹ trong một nhân cách mà người Nhật ví như Anh Hùng (Anh hùng là bậc Chính Nhân Quân Tử) để nhân dân Nhật công nhận, tri ân sánh ngang hàng với Thái Tử và 11 người con cháu ưu tú của “Thần Nữ Thái Dương”.

“Nhân vô thập toàn” Thừa Cô! Tướng Mỹ Douglas MacArthur và quân đội của họ không phải là không có nhược điểm, nhưng bù lại họ tạo ra rất nhiều ưu điểm đôi khi vượt lên trên tập quán thông thường mà nhân danh những người chiến thắng đã xử sự với kẻ chiến bại, khiến những nhược hay điểm yếu không còn là đáng kể.

Cuối Đệ II Thế chiến, ở Đông Nam Châu Á, đạo quân Mỹ hùng mạnh do Tướng MacArthur chỉ huy đã đánh bại và quét sạch quân phiệt Nhật khỏi Indonesia, giải phóng Philippines, hỗ trợ bảo vệ cho Trung Hoa Dân Quốc tại đảo Đài Loan, rồi thay mặt LHQ giải giới vũ khí chiếm đóng Nhật Bản, Sau đó từ Nhật lại tiến qua giải phóng Cao Ly cứu Nam Hàn sắp bị Cộng Sản Bắc Hàn nuốt chửng.

Nhưng thừa Cô! Quân Mỹ đổ máu xương giải phóng (đúng nghĩa giải phóng) các quốc gia này nhưng hoàn toàn không có tham vọng 1cm² đất đai nào từ các lãnh thổ ấy.

Vì sao vậy? Còn bên kia bán cầu, cũng đạo quân Mỹ (xâm lược?) phối hợp với 2 (cựu đế quốc thực dân) Pháp và Anh chiếm đóng, giải giới, quân phát xít Đức, toàn quyền định đoạt số phận một nửa quốc gia Đức, nhưng sao họ không cùng nhau chia phần xâu xé Tây Đức, mà ngược lại, bảo trợ toàn diện (kẻ thù của họ ở đầu hôm) phát triển vững mạnh trên cái nền tự do dân chủ đến nỗi cảm hoá được phần phía Đông, giả từ CNXH thống nhất quốc gia trong yên bình êm ái?

Tại Nhật Bản, Tướng MacArthur và quân đội Mỹ đã áp dụng một chính sách chưa có tiền lệ trong lịch sử thế giới với Nhật Bản “quốc gia tù binh” của họ. Ông tôn trọng

Thiên Hoàng Nhật Bản, không ép buộc thoái vị (dù LHQ và chính phủ Hoa Kỳ không cảm ông truất phế).

Chưa được Quốc Hội Mỹ chính thức phê chuẩn, nhưng trên cái nền Kế hoạch Marshall (Marshall Plan tên của Ngoại trưởng Mỹ George Marshall người đã khởi xướng) nhằm viện trợ tái thiết một nền móng kinh tế chính trị vững chắc hơn cho các quốc gia Tây Âu nâng cao mức sống và kiến thức của người dân để đẩy lui chủ nghĩa cộng sản sau Thế chiến II. Trong vòng 2 thập kỷ, nhiều quốc gia ở Tây Âu đạt được mức tăng trưởng và phồn vinh chưa từng có nhờ kế hoạch Marshall này.

Chính phủ Mỹ thông qua tướng MacArthur cũng có chủ trương tương tự với Nhật Bản, bên cạnh còn cải tổ hệ thống chính quyền, lãnh đạo, từ chính trị, kinh tế, tới sửa đổi hiến pháp, nghi lễ của hoàng gia, nhất thiết mỗi việc đều do một tay MacArthur quyết đoán, ông chỉ ra những khiếm khuyết trong thời chiến tranh mà giới lãnh đạo Nhật Bản đã có những sai lầm, ông đoán chắc cùng nhân dân Nhật khi Nhật Bản trở thành một nước dân chủ, quản lý một nền công nghiệp chiến tranh chuyển đổi qua thời bình một cách khoa học thì sẽ sớm giàu mạnh, không thua gì nước Mỹ, ông không ngần ngại nói với người dân Nhật rằng, Nhật Bản đã thua Mỹ vì kém về mặt vật chất kinh tế tài chính chứ không phải là tinh thần vì họ đã chiến đấu rất dũng cảm mà vẫn thua, nên đa số dân Nhật thuyết phục bởi sự cải tổ ấy.

Ông chủ trương phá bỏ chủ nghĩa quốc gia dân tộc và chế độ phụ thuộc quá nhiều vào ảnh hưởng của Hoàng Gia, để Nhật Hoàng chỉ còn là biểu tượng. Nhật Bản cũng có một nền văn hoá tự do coi trọng sự lựa chọn của cá nhân như nước Mỹ, Thủ tướng và nghị viện do người dân trực tiếp chọn lựa qua lá phiếu của mình. Một vài chính khách Nhật còn hoài cổ nặng chủ nghĩa cực đoan dân tộc cho rằng Tướng MacArthur là một chính trị gia độc tài áp đặt, nhưng đại đa số người Nhật cho là sự độc tài ấy để cho một nước Nhật hùng mạnh chứ không là nước Mỹ. Rất ngẫu nhiên cái cách mà người Mỹ, tướng MacArthur đã thể hiện trong cuộc chấn hưng nước Nhật sau chiến tranh nó rất gần với tính cách tinh thần võ sĩ đạo của người Nhật (nhân ái, bao dung thay thù hận) nên mang lại ảnh hưởng mãnh liệt trong xã hội Nhật Bản ngày nay.

Ở Châu Âu người ta ví von nước Mỹ có công khi biến Nhật Bản thành một Thụy Sĩ Viễn Đông! Vì vậy, Douglas MacArthur đã được mọi thành phần, khuynh hướng, chính đảng, từ Hoàng Gia đến thứ dân đều chọn làm người thứ mười trong “12 người lập ra nước Nhật” hùng mạnh từ trong điều tàn đổ nát chiến tranh. Đây là người ngoại quốc duy nhất được chọn trong lịch sử nước Nhật.

Thưa cô!

Lại càng không thể nào đó là bản chất của đế quốc xâm lược thực dân (dù kiểu cũ hay mới) chỉ 6 năm (2/9/1945 – 28/4/1952) sau khi chiếm đóng, nước Mỹ đã trả lại sự độc lập hoàn toàn cho Nhật Bản sớm hơn thời gian trừ bị, ngoài sự kỳ vọng của toàn dân Nhật và không hợp logic chút nào khi hiện nay, 2012, chính phủ và người dân Nhật vẫn còn đài thọ mọi chi phí cho gần 40.000 binh sĩ Mỹ hiện diện trên đất nước mình vì sự an toàn cho nền an ninh quốc gia, không ai vui vẻ trả tiền cho một đạo quân có bản chất “xâm lược” ăn ngủ hơn 2/3 thế kỷ trên đất nước mình! Và đạo quân “xâm lược” này chỉ đặt chân lên miền Nam VN, sau 20 năm có mặt tại Hàn và Nhật Bản, hai quốc gia nhờ họ mà “màu mỡ” về kinh tế hơn hẳn VN nhiều lần.

Nhưng điều đáng để người VN suy ngẫm là quân Mỹ có mặt nơi đó mà không màng đến “xâm lược” thì họ xâm lăng một VN nghèo khó sau Pháp thuộc để làm gì, ngoài ý định cũng thông qua kế hoạch Marshall giúp VN, cụ thể là miền Nam VN phát triển giàu mạnh ổn định như Hàn Quốc, Nhật Bản hay Đài Loan?

Thưa Cô!

Làm sao biện minh? 45.000 quân “xâm lược” Mỹ vẫn hiện diện trên đất Hàn Quốc, một quốc gia khủng hoảng lương thực trầm trọng không đủ cơm gạo cho dân sau chiến tranh Nam Bắc nhưng hôm nay thì: Nhiều báo chí ở Việt Nam nói về đất nước này hay thường gọi là Kỳ tích sông Hàn hay Huyền thoại sông Hàn.

Hàn Quốc từ đống tro tàn của cuộc nội chiến Bắc Nam đã vươn lên thành một quốc gia phát triển hùng mạnh thịnh vượng hơn hẳn nửa kia ở phía Bắc nghèo nàn lạc hậu. GDP cán mốc 1.000 tỷ USD/năm cũng như nhiều tập đoàn lớn nổi tiếng như Samsung, LG, Hyundai, Kia, Daewoo... Nhưng, thành tựu đó họ có được là do đâu?

Ngoài sự lãnh đạo sáng suốt của các nguyên thủ Hàn Quốc, thì sự hỗ trợ nhiệt tình như là một đồng minh của Mỹ trên tinh thần kế hoạch Marshall là yếu tố quyết định. Kinh tế Hàn Quốc là nền kinh tế phát triển, đứng thứ ba ở châu Á và đứng thứ 10 trên thế giới theo GDP năm 2006. Kinh tế Hàn Quốc đã phát triển nhanh chóng, từ một trong những nước nghèo nhất thế giới (hạ tầng cơ sở, thiên nhiên, thổ nhưỡng kém xa Việt Nam) trở thành một trong những nước giàu nhất.

Cuối thế kỷ 20, Hàn Quốc là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất trong lịch sử thế giới hiện đại. GDP (PPP) bình quân đầu người của đất nước đã nhảy vọt từ 100 USD vào năm 1963 lên mức kỷ lục 10.000 USD vào năm 1995 và 25.000 USD vào năm 2007. Bất chấp các ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á 1997, nước này đã khôi phục kinh tế rất nhanh chóng và vững chắc. Người ta thường nhắc đến sự phát triển thần kỳ về kinh tế của Hàn Quốc như là “Huyền thoại sông Hàn” đến nay huyền thoại này vẫn tiếp tục.

Với Đài Loan và Phillipine: năm 1950, Không Đoàn 13 của Không quân Mỹ đã từng đóng tại Đài Loan. Tháng 12-1954, Mỹ và Đài Loan ký “Hiệp ước phòng thủ chung”, đặt Đài Loan vào sự bảo hộ của Mỹ. Cũng nằm trong quỹ đạo của kế hoạch Marshall, Đài Loan được hưởng nhiều quy chế ưu đãi thương mại từ nước Mỹ trong một thời gian dài, đưa nền kinh tế nhanh chóng phát triển ngoạn mục thành một con “Rồng” Châu Á mà ngay chính Trung Quốc cũng phải kiêng dè.

Tại Phillipines, quân đội Mỹ cũng từng hiện diện trong một thời gian dài. Hạm Đội 7 Thái Bình Dương chọn vịnh Subic là nơi đóng quân, và trước đó, năm 1935, Douglas MacArthur, được Tổng thống Phillipines Manuel L. Quezon yêu cầu giám sát việc thành lập quân đội Phillipines. Ông được phong hàm Thống tướng trong Quân đội Phillipines (Field Marshal of the Philippine Army). Ông là sĩ quan cao cấp có tên trên danh sách của Quân đội Phillipines ngày nay. Ông cũng là sĩ quan quân sự Mỹ duy nhất giữ cấp bậc thống tướng trong quân đội Phillipines.

Sau đó, tôn trọng quyết định của nhân dân Phillipines vì sự độc lập toàn vẹn lãnh thổ, quân đội Mỹ đã rút khỏi vịnh SuBic. Nhưng ngày nay (2012), vì an ninh lãnh thổ đe dọa, Phillipines yêu cầu, quân đội Mỹ vẫn quay lại thể hiện sự trách nhiệm trong hiệp ước hỗ trợ...

Thưa Cô!

Với những gì thuộc thế giới quan mà kiến thức em tích lũy được, thì dù rất muốn hãnh diện về “chiến công thần thánh” của quân dân ta chống “đế quốc Mỹ xâm lược cứu nước” nhưng: Lịch sử rất cần sự “trung thực” đến “chân thật” (lời Cô nói). Nên: Em cũng muốn tin – nhưng không thể, thưa Cô!

*Em cảm ơn Cô đọc email trần tình này và mong có lời chỉ giáo thêm của Cô.
Em kính chào Cô.*

Lê Vũ Cát Đăng

GẦN CUỐI THÁNG 4 MỜI BẠN ĐỌC MỘT TÙY BÚT CỦA VŨ THÊ THÀNH

TRĂM NGÀN NHÁNH KHÔ
Vũ Thê Thành

Sau năm 1975, tôi học được một điều, mà đến nay vẫn thấy chí lý. Đó là, người chiến thắng tuyệt đối đúng. Lịch sử thuộc về người chiến thắng. Chân lý cũng thuộc về người chiến thắng luôn.

Đánh thắng cả 3 tên đế quốc đầu sỏ, sao lại không đúng? Cái gì không có nội dung, mới cần tới hình thức là thế. Người chiến thắng tự hào là đúng rồi, nhưng tự hào cả những cái sai.

Sai mà cứ tưởng mình đúng. Chuyện “tử lạnh chạy đây đường” chỉ là chuyện khôi hài, chuyện nhỏ. Cái “sai mà tưởng đúng” mới làm đất nước ra nông nổi thế này, di lục chẳng biết bao giờ mới hết.

Các quán nhậu vỉa hè dọc kênh Nhiêu Lộc dạo này nhiều người hát rong, cũng ampli, loa, micro không dây, nhạc đệm, ... Họ chỉ hát toàn nhạc xưa, nhạc sến, với điệu rumba, bolero nghe tưởng như đồng hồ đếm ngược.

Lần trước về Sài Gòn, tôi đã ngồi quán vỉa hè, nghe những bài ca vỉa hè như thế... Lặng cả người, “...Buồn vào hồn không tên, thức giấc nửa đêm nhớ chuyện xưa vào đời. Đường phố vắng đêm nao quen một người, mà yêu thương trót trao nhau trọn lời...”.

Tôi chợt nhớ những ngày sau tháng tư 1975, đám bạn bỗng nhiên làm đám cưới chớp nhoáng, lấy vợ lấy chồng để “đối phó” với thời cuộc, rồi vội vã tìm đường vượt biên. Có đứa vượt qua biên giới, nhưng cũng có đứa về bên kia thế giới. Những người ở lại tưởng họ đã đến bến bờ thiên đường.

Bước lên tàu là ngàn khơi sóng vỗ, không phải là chuyến xe Sài Gòn – Đà Lạt. Có khi Hà bá mời xuống chơi, có khi tui nhục trên đường vượt biển, phân còn lại là may mắn. Mà có may mắn lọt vào xứ người cũng chưa hết.

Cô bạn tôi cao chưa quá thước rưỡi, với tay đưa khay bánh vào ngăn, trượt chân, u đầu sứt trán. Quên cả đầu, vội vội vàng vàng lượm bánh xếp lại vào khay. Bà xếp Tây mắng, “Xứ này không ăn dơ như thế”.

Cũng có người đi làm nail, tiền tươi thóc thật, dồn hết cho con ăn học. Hy sinh đời bố, cũng cố đời con, hiểu sát nghĩa đen là đây, là mồ hôi trộn nước mắt. Tiền gửi về nhà, người thân trong nước tưởng đâu bên đó kiếm tiền dễ như ăn cơm sườn, xin thêm thứ này thứ nọ. Có biết đâu đó là tiền chất chiu, có khi là tiền thí mạng, không mua bảo hiểm y tế.

Nhưng cũng có người kiên nhẫn vừa làm vừa học, thành danh nơi xứ người. Nhưng cho dù thế nào nơi xứ người, vẫn còn ít nhiều cơ hội, có chịu nắm hay không mà thôi. Trong nước thì coi như bé tắc.

Hồi đó, tôi dạy kèm thêm luyện thi đại học, dạy nhóm 5- 7 học sinh. Có em học xuất sắc, bài thi làm không chê vào đâu được. Vậy mà rớt. Em là con “nguy”, thứ “nguy” còn trong trại cải tạo, làm sao vào đại học nổi, em rớt ngay từ... bãi gửi xe.

Em đến báo tin, thầy trò ngồi uống cà phê vỉa hè, buồn ứa nước mắt. Đất nước này không dung những tiềm năng như em...

Số phận đời người chứ đâu phải trò chơi chính trị. Sao lại có thể xây dựng đất nước bởi những con người bằng thiết học giả? Những năm sau 1975, đói khổ và ê chề thấy rõ. Giáo sư, bác sĩ, ông này bà nọ xuống đường ra chợ trời hết, người đập xích lô, người bơm mực bút bi, bán bún riêu, buôn hàng lạc xon, ... Lành hơn thì buôn hột xoàn đổi đồ la, ...

Năm 1978, tôi gặp một phụ nữ ăn mặc lam lũ, nhưng đẹp, quý phái, không quá 30, trên chuyến tàu chợ. Chị kéo lê 2 bao than ra gần cửa tàu, ngược mắt nhìn tôi, nói như năn nỉ: “Lát nữa gần đến ga Bình Triệu, anh làm ơn đập dùm tôi 2 bao than này xuống”. Chị buôn lậu than, đến ga sẽ bị tịch thu.

Đôi mắt chị buồn và nhẫn nhục quá, làm tôi nhớ đến đôi mắt của bà mẹ trong một tác phẩm của C. V. Gheorghiu. Cảnh sát bắt bà mẹ vào bót để tra hỏi nơi ẩn nấp của con bà. Gheorghiu đã mô tả đôi mắt của bà cũng buồn và nhẫn nhục như thế.

Có lần đi chơi khuya, tôi gặp Bùi Giáng ở ngã ba Trần Quang Diệu – Trương Minh Giảng, ăn mặc chắp vá màu mè như phường tuồng, cầm cây chổi cùn múa may, chặn đầu xe tôi lại, “Cho trăm điều thuốc”. Hoàng thượng đã chiếu cố xin thuốc dân đen, dân nào dám cãi. Tôi rút điều thuốc và cung kính châm lửa cho hoàng thượng. Ngài rít một hơi rồi phẩy tay, “Cho lui...”. Lui rồi, ngoái cổ lại, thấy hoàng thượng tiếp tục múa chổi đi quyền.

Bùi Giáng đã có mầm móng bất thường từ trước rồi, sau 1975 nặng hơn, lang thang khắp chốn. Cái điên của Bùi Giáng thật hay giả, cũng khó biết. Mất trí như ông vậy mà hay, ý thức buồn vui làm chi cho khổ? Mà Sài Gòn lúc đó sao lắm người điên thế! Cũng không phải điên, họ có phá phách gì ai đâu. Tôi thường gặp vài ông ăn mặc lịch sự lắm, áo sơ mi trong quần, có ông còn đeo cà vạt, đi đi lại lại ở khu Lê Công Kiều, nơi bán sách cũ. Vừa đi vừa khua tay, lảm nhảm rồi lại gật gù, nào là Marx, Hegel, Mounier, Sartre, ...

Người bạn tôi qua được tới bến bờ, vừa làm vừa học, gửi về cho tôi thùng quà chừng 1,5 kg kèm bức thư ngắn: “Gửi mấy mấy hộp thuốc tây, bán đi mà lai rai. Còn lọ nhỏ

để uống, đừng bán. Thuốc an thần đó”. Tâm thần phải chăng là lối thoát của con người với thực tại quá phũ phàng?

Ngẫm lại, một nhà chính trị tài giỏi là người có thể đưa đất nước tới mục tiêu mà ít đổ máu nhất, chứ đâu cần phải đốt cả dãy Trường Sơn, đánh tới người cuối cùng. Mạng người quá bèo. Bèo thì cũng đành, nhưng hệ lụy cho người còn sống, cha mẹ vợ con họ mới là nỗi đau gặm nhấm cả đời.

Cả đất nước sống bằng khẩu hiệu, đất nước ta dân chủ gấp vạn lần,... Nghe riết rồi quen, nghe tai này lọt tai kia cũng quen luôn. Không quen lỗ có ngày phát điên thì sao?

Người lẽ ra phải điên mà không chịu điên, đó là mấy bà. Cầm có tí tẹo tiền, xách giỏ đi chợ, loanh quanh đầu chợ cuối chợ cả tiếng đồng hồ, có khi chẳng mua được thứ gì.

Mà có tiền đi chợ là còn may, có người chỉ khoai sắn, rau lang, bí đỏ,... quanh năm. Ăn để sống sót thì thứ gì chẳng nhét vô bụng được. Bột ngọt khi đó là thần thánh. Mấy ông “tù cải tạo” coi vậy chứ chỉ khổ cái thân, chứ cái đầu chưa đến nỗi. Có biết bên ngoài thế nào đâu mà khổ, mà lo.

Vợ một bác sĩ quân y đi thăm nuôi, dúm vào tay chồng ít tiền. Thăm nuôi lần sau, thấy tiền vẫn còn nguyên, ông chồng không dám xài. Bà than, “Tôi nghiệp cho cả gia đình tôi! Ở ngoài vợ con nhịn đói để nuôi tù, ở trong nhịn đói vì không nỡ nuốt cái đói khát của vợ con”. Nào lòng đến thế là cùng! Nước mắt nuốt ngược thế này, chỉ bị ghen mà không phát điên, bà này chắc có căn phần phúc đức.

Nghe nói mấy ông “nguy cải tạo” định lập ra ngày vinh danh mấy bà vợ. Không đủ đâu mấy ông. Mấy bà này chắc phải phong... Thánh. (quá hay)

Tháng tư năm nay, Sài Gòn nóng khủng khiếp. Sài Gòn không mưa nhưng Đà Lạt mưa. Những ngày cuối tháng tư năm nào Đà Lạt cũng mưa, mưa mù mịt che khuất cả đôi thông ở Couvent des Oiseaux đối diện nhà, nhưng mưa chỉ vào lúc trưa chiều, tối tạnh.

Đà Lạt 8 giờ tối đã như 12 giờ khuya ở Sài Gòn. Tôi vẫn thích đi bộ mỗi khi có chút hơi men thế này. Con đường dốc về nhà như kéo theo mệt mỏi của đời người. Tựa lưng vào cửa nhà, hoa lá trong vườn yên tĩnh như đêm.

Dưới ánh đèn đường rọi qua hàng rào, bóng của lá cây ngọc lan chập chờn trên mặt sân. Cuối tháng tư rồi. Người ta sẽ đốt pháo hoa ở Sài Gòn để ăn mừng. Ai vui xin cứ vui. Nhưng còn chút tâm tình này của kẻ buồn, không nói cho thế hệ sau biết những buồn bã sau 1975 là như thế đó, lòng dạ nào yên?

Năm 1975 là ngã rẽ của đời người. Bận bè, người thành danh, đưa bầm dập, và cho dù có ở phương trời nào, tây hay ta, nỗi khổ vẫn theo số mệnh mà đến. Giờ đây, đưa nào cũng chạm tay vào buổi hoàng hôn cuộc đời rồi?

Tháng tư, tôi thấp ngọn nến trong lòng. Thoảng trong mùi hương ngọc lan, tôi hát theo, hát thầm bài hát nghe được ở quán rượu “...Cuộc đời là hư vô, bốn ba chi xú người, khi mình còn đôi tay...” (*)

Vũ Thế Thành

Vietnam Stories of Survivors

<https://www.youtube.com/watch?v=-z6NoS8D86w>

My thoughts on April 30? - Linh's Story

<https://www.youtube.com/watch?v=ytL8rqeICTw>

My experience as a student studying abroad in New Zealand and United States had changed my perspective on April 30, 1975.

Vietnam an Aerial Concert - Thang Soi (Vietnam From Above II)

Vietnam From Above Lê Thế Thắng

<https://www.youtube-nocookie.com/embed/IXDKdDLYC4c?rel=0>

In this town, all 6,000 residents live on the same street – and it looks as strange as you think

Michael Panter - Newsner

There's a quaint, charming element to life when you reside in a village or small town. I mean the sort of place where almost everyone knows almost everyone else. First-name greetings are considered the norm, there's a local watering hole for people to gather, and probably a handful of other buildings including a post office, a funeral directors, and some sort of store.

My point is, sometimes it's nice to share the sense of a tight-knit community with others. It's not for everyone, mind, but as humans there appear to be quite a lot of us who enjoy living as part of a flock as opposed to being out in the sticks on our own. That said, I wonder how many people can honestly say they'd like to live in a town where all of the residents live on the same street!

Well, that's the case for the residents of a village in Europe that achieved viral status on Twitter earlier this month after an aerial photo was uploaded to social media. Incredibly, all of the 6,000 residents of the village of Sułoszowa, located in southern Poland, live along a single nine kilometer stretch of street. The village has reportedly been dubbed "Little Tuscany" due to its layout, and as of 2017 had a population of 5,819, according to CSO Poland.



Credit / Shutterstock – Olivier Uchmanski© Provided by Newsner

It's said that each house on the street has a long strip of land that comes with it, which inhabitants use for a range of different things including farming and the housing of animals.

After people took notice of the strange, yet definitely beautiful aerial shots, residents of Sułoszowa responded by explaining what it was like to live there.

"I wouldn't trade this place for anything else. It has its own charm and atmosphere. As the saying goes, there's something about it," one said.

"The whole place looks the same: there is a house and then a strip of field, hence the beauty of the photos. One has grain, the other has rapeseed, and the third has something else. The colors look beautiful from above."



Credit / Shutterstock – Olivier Uchmanski© Provided by Newsner

A second image was reportedly posted on Reddit, accompanied by a question regarding whether the strips of land that fan out from the village are the property of each house on the street.

*Someone responded: “I just showed this to my Polish friend and he said yes!”
They continued: “Each house has that strip of land to do whatever on, hence different colours and they are using the land for different purposes. Some grow crops on it, others have animals, some just leave it.
“I said I didn’t believe him but he says it’s true.”*

What an incredibly peculiar arrangement. I don’t think I’ve ever seen a village like this before.

CÓ BIẾT TÔI LÀ AI KHÔNG ?

ST và chuyển ngữ: LÊ MINH KHÔI (Darichvanesa Levan posts)

Đài Phát Thanh America FM đang truyền thanh một phần của chương trình “Có Ai Đang Nghe Không?” sáng nay.

Câu hỏi đầu tiên là: Hôm nay quý vị có truyện nào đáng kể trong tiết mục “Có biết tôi là ai không?” thường lệ không?

Một phụ nữ gọi vào nói rằng cách đây vài năm khi đến thăm người cậu tại trại chăn nuôi ở Billing, tiểu bang Montana, bà có dịp đi ăn tối tại một nhà hàng mà không giữ chỗ trước. Thực khách phải đợi chừng 45 phút, và trước đó đã có nhiều chủ nông trại và các bà vợ xếp hàng đứng chờ.

Ted Turner và người vợ đã ly dị là Jane Fonda vào nhà hàng và muốn có một bàn. Người nữ tiếp viên cho biết là phải đợi 45 phút. Jane Fonda liền hỏi người tiếp viên, “Cô có biết tôi là ai không?”

Người nữ tiếp viên trả lời: “Biết chứ, nhưng mà Bà vẫn phải đợi 45 phút”

Jane Fonda lại hỏi: Quản Lý hiện có ở đây không?

Khi người quản lý bước ra, ông ta hỏi khách: Thưa tôi có thể làm gì được không ạ?
Ted Turner và Jane Fonda hỏi: Ông biết chúng tôi là ai chứ?

Viên quản lý nhà hàng trả lời: “Biết chứ, nhưng mà những người đến trước cũng đang chờ, tôi không thể sắp chỗ cho hai người trước họ được”

Ted liền ngó ý muốn nói chuyện với chủ tiệm. Khi chủ tiệm bước ra, Jane Fonda lại hỏi: “Ông biết tôi là ai không”

Chủ tiệm trả lời “Có, biết chứ, vì tôi không quên được kẻ đã đâm sau lưng tôi. Mà Bà có biết tôi là ai không? Tôi là chủ nhà hàng này và tôi là cựu chiến binh chiến trường Việt Nam. Ông bà không những không được sắp chỗ ngồi trước những bạn bè và láng giềng của tôi đang đứng đợi ở đây, mà còn không có chỗ tối nay và các tối khác!
Chào ông bà!”

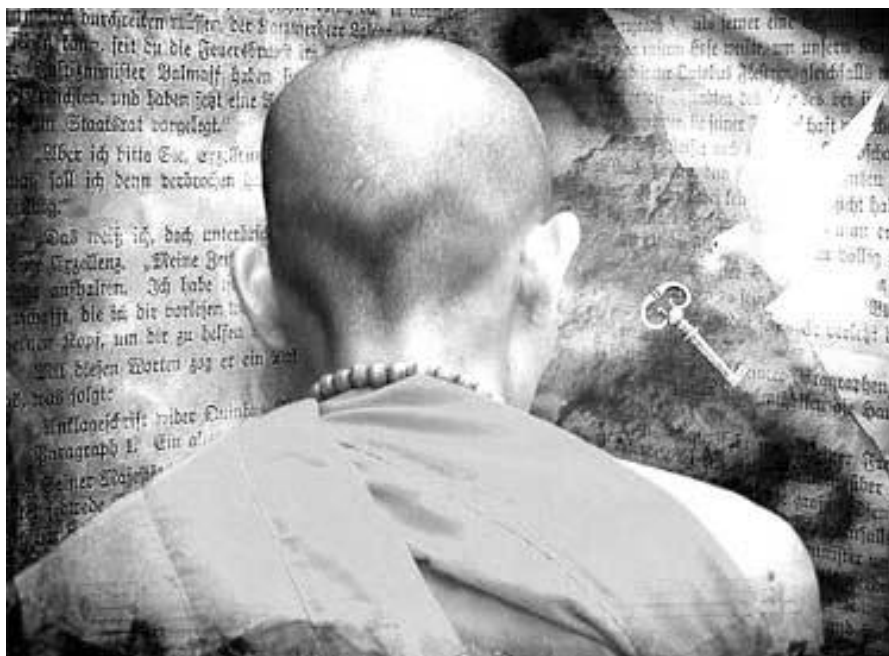
Chuyện chỉ xảy ra ở Hoa Kỳ. Một quốc gia thật tuyệt vời phải không?

Với quý vị đọc được chuyện này, đây là chuyện có thật và tên của nhà hàng là:
Sir Scott’ Oasis Steakhouse, 204 W. Main, Manhattan, MT. 59741.
Nếu Quý Vị đến nhà hàng này, xin ngả mũ chào, và thưởng thức một đĩa steak, thưởng cô tiếp viên.

Hãy chuyển cho nhau tin này! Chúng ta không bao giờ quên những kẻ phản bội đất nước chúng ta.



MỘT ĐOÁ SEN
THƯỢNG TỌA THÍCH THANH LONG
(Quyền Giám Đốc Nha Tuyên Úy Phật Giáo của QLVNCH)
Phạm Gia Đại



Mùa hè năm ấy có lẽ là một mùa hè nóng bức oi ả nhất của thập niên tám mươi tại miền Bắc. Trại giam Ba Sao, Nam Hà thuộc tỉnh Hà Nam Ninh như nằm yên dưới sức nóng như thiêu đốt, ngay cả về đêm cái nóng như vẫn còn âm ỉ, mọi thứ như tỏa ra hơi nóng – những bức tường, những sàn lót gạch hung hung đỏ, cái sân trắng xi măng trước mặt, ngay cả cái ván lót trên sàn nằm cũng toát ra hơi nóng.

Những người tù nhân chính trị chế độ cũ như trong một lò ngục tối trên trần gian, ban ngày thì lao động khổ sai đồ mồ hôi không phải đổi lấy bát cơm mà đổi lấy ít thức ăn độn như khoai hay sắn hay bo bo mà vẫn không đủ no, ban đêm thì cố dỗ giấc ngủ trong cái nóng như nung như đốt ấy trong cái cảnh nằm xếp hai tầng như cá đóng hộp trong buồng giam. Mồ hôi lại đổ ra cho đến khi mệt lả người đi thì giấc ngủ chập chờn mới đến.

Cái nóng kinh người đã kéo dài cả tháng nay và đồng ruộng đã nứt nẻ, các em bé chần trâu mà Trung và các bạn gặp trên đường đi lao động cũng môi khô và chui vào các bụi cây trú nắng. Các giếng nước cũng từ từ khô cạn đưa đến nạn thiếu nước trầm trọng cho cả dân chúng những làng bên ngoài lẫn những người tù khốn khổ trong trại.

Buổi trưa hôm đó cũng như mọi ngày sau khi lao động về, ăn xong phần ăn trưa ít ỏi, các người tù cố nằm giở giấc ngủ ngắn để lấy sức lao động buổi chiều thì thấy một vị sư già đang ngồi ngoài sân nắng trong thế kiết già cả nửa tiếng đồng hồ và mặt ngược nhìn thẳng lên trời. Những khi hạn hán thì thầy vẫn cầu nguyện như thế và sau đó chiều tối hay trước nửa đêm thế nào mưa giông cũng kéo đến.

Đêm nay cũng thế, Trung cố giỗ giấc ngủ để mai còn sức trả cái nợ lao động nhưng không làm sao nhắm mắt được, mồ hôi trên người cứ nhỏ từng giọt như làm cho sức khỏe của anh cạn dần đi theo đêm. Anh nhớ tới thằng bạn thân nằm bên cạnh nói với anh hồi chiều rằng chỉ ước ao ông Trời cho một trận mưa chứ đã tù cả chục năm rồi cũng chẳng mơ ước xa xôi gì ngày trở về nữa.

Thế rồi, như một phép lạ những làn gió mát từ đâu từ từ thổi đến, len lỏi vào những khung cửa sổ, luôn dưới những cánh cửa buồng giam và từ xa xa vài lần chớp nhoáng lên bên trời. Chẳng bao lâu sau thì những giọt mưa, ôi những giọt mưa cam lồ của Trời ban xuống như thêm sức mạnh cho những người tù biệt xứ lưu đày. Các buồng giam không ai bảo ai đều thức dậy và tung mừng ra để được hít thở những giây phút mát rượi của làn gió lùa vào trại giam.

Vô tình Trung nhìn xuống nơi vị sư già giam cùng buồng với anh, thầy vẫn như còn đang ngồi thiền trong mùng, mặt quay vào tường trong thế kiết già. Trung chợt hiểu và các bạn anh cũng hiểu rằng chính nhờ thầy cầu nguyện mà đã có trận mưa đêm nay. Vị sư già đó chính là Trung Tá Quyền Giám Đốc Nha Tuyên Úy Phật Giáo của QLVNCH – Thượng Tọa Thích Thanh Long, một người tù xuất chúng đã làm cho kẻ thù phải cúi đầu kính nể. Giang sơn của thầy cũng là một tám chiếu, hai bộ quần áo tù, và một cái chăn đỏ Trung Quốc như mọi người và nằm một dãy với các Đại Đức Tuyên Úy khác.

Anh nhớ đến thầy Khuê, một vị Tuyên Úy Phật Giáo và Tam Đẳng Huyền Đại Nhu Đạo võ đường Quang Trung, một vị Đại Đức mà anh rất mến thương và kính trọng, đã từng nói với anh rằng nếu nói về đạo Phật, về sự tu hành thì hãy lấy thầy Long mà làm gương; đừng vì một vài vị Tuyên Úy đã không nghiêm giữ được giới răn mà hiểu lầm về đạo Phật mà mất đi niềm tin.

Anh nhớ lại câu chuyện lúc mới bước chân vào trại giam Long Thành sau khi Sài Gòn sụp đổ và hầu như mọi người đều không biết bầu vùi vào đâu, niềm tin vào các tôn giáo cũng bị lung lay thì một sự việc đã xảy ra làm mọi người đều kính trọng thầy, nhất là khi biết hai tòa đại sứ bạn đã đến đón thầy đi di tản trước đó nhưng thầy đã khăng khái chối từ và thanh thân bước chân vào trại giam.

Trong thời gian mới bị giam giữ, một hôm thầy được gọi ra làm việc để gặp hai vị sư quốc doanh là Thượng Tọa Thích Minh Nguyệt và Thích Thiện Siêu. Hai vị này ra sức thuyết phục và chiêu dụ thầy để thầy ủng hộ phong trào “Phật giáo yêu nước”, và nói sẽ bảo lãnh cho thầy ra khỏi tù ngay để nhờ thầy góp công góp sức xây dựng phong trào Phật Giáo Yêu Nước này. Hai vị sư này chính là người mà Cảnh Sát Đặc Biệt thuộc lực lượng Cảnh Sát Quốc Gia đã bắt giam trước năm 1975 vì hoạt động cho Cộng Sản.

Thích Minh Nguyệt đã bị đày ra Côn Đảo, còn Thích Thiện Siêu thì thường được gọi là ông Từ Đàm vì tu ở chùa này ngoài Huế. Sau đó chính Thượng Tọa Thích Thanh Long là người đã đứng ra bảo lãnh cho họ ra khỏi tù để ăn năn hối cải mà trở về lại con đường tu hành vì họ đã bị lộ hình tích. Không ngờ ông trời trở trêu để có ngày họ lại đến trại Long Thành và đối đầu với thầy trong hoàn cảnh đặc biệt này của đất nước.

Thầy nhìn hai vị sư quốc doanh kia và từ tốn chậm rãi nhưng thật cương quyết thầy nói:

“Các ông đã dựng nên cái phong trào “Phật Giáo yêu nước” ấy thì các ông cứ tiếp tục công việc mà các ông đã làm, còn tôi là một Tuyên Ủy trong quân đội và tôi sẽ theo chân các Phật tử trong các trại giam, họ đi đến đâu thì tôi cũng sẽ đi đến đấy với họ cho tới cùng. Thôi các ông về đi”.

Và sau đó thầy chấp nhận việc chuyển trại ra Bắc mở đầu cho một quãng đời biệt xứ lưu đầy.

Những ai có may mắn gặp thầy trong trại giam thầy đều kính trọng vị sư già này, người mà lúc nào cũng như mỉm cười, hòa nhã, giản dị, khiêm tốn và giúp đỡ tất cả mọi tù nhân mỗi khi thầy có phương tiện.

Năm 1976, thầy cùng một số Tuyên Ủy chuyển trại từ Nam ra Bắc và bị giam giữ tại trại 1 Sơn La hay còn gọi là trại Mường Thái là nơi mà trước kia Pháp đã từng giam giữ những tù nhân bị án lưu đầy. Năm sau thì thầy có tên trong số những tù nhân di chuyển về trại Yên Hạ, trại giam này nằm dưới thung lũng và bao vây chung quanh bởi những dãy núi đá vôi, thuộc huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Trại Yên Hạ là nơi chuyên giam giữ những tử tội hình sự cướp của giết người mà đã được nhà nước “khoan hồng” tha cho tội chết.

Chỉ hơn một năm sau thì các tù nhân này dần dần kiệt sức vì lao động khổ sai, thiếu dinh dưỡng, thiếu ăn nhất là thiếu chất mỡ và đường, và vì khí độc từ dãy núi đá vôi phả vào từ chung quanh. Bởi thế chỉ sau một thời gian ngắn chuyển trại từ trong Nam ra ngoài Bắc, ai nấy đều gầy như bộ xương còn biết đi. Khi đi lao động hay đi trở về trại, người ta chỉ thấy những bộ quần áo tù phấp phới bay mà chẳng thấy da thịt đâu. Thế rồi sau bốn năm trời giam cầm và lưu đầy, một số những người tù lần đầu tiên được nhận một gói nhỏ tiếp tế cực kỳ quý giá từ gia đình trong Nam gửi ra, một số khác thì vẫn chưa nói lại được sợi dây với gia đình trong Nam.

Trong gói nhỏ mà các Phật tử gửi cho thầy Long có 15 cục đường móng trâu, lúc đó ai mà có được 5 cục đường như thế thì đã là thần tiên rồi, nhưng thầy từ từ đem ra phân phát hết 15 cục đường quý giá đó cho những người cùng buồng. Ưu tiên những tù nhân nào mà đã kiệt lực thì được một cục, những người đau ốm khác thì mỗi người được nửa cục mà thôi, còn riêng thầy thì không có một miếng đường nào hết. Những người tù này khi nhận được cục đường từ tay thầy phân phát đã không cầm được nước mắt trước tấm lòng vị tha, quảng đại vô biên của một vị sư mà tâm đã định và huệ đã ngời sáng.

Thầy cũng không thoát được những vụ hỏi cung, một hình thức tra tấn tinh thần những người tù khốn khổ này trong trại giam. Một tên cán bộ từ Hà Nội vào với mái tóc hoa râm có vẻ là một viên chức cao cấp thuộc Bộ Nội Vụ đã hỏi cung thầy trong ba ngày liên tiếp. Hắn vớt cho thầy tờ giấy để tối về khai báo những tội lỗi đã chống đảng, nhà nước và nhân dân trước kia khi hoạt động ở Sài Gòn cho Nha Tuyên Ủy Phật Giáo của chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Sáng hôm sau, khi kêu ra làm việc tiếp tục, thầy đã nộp bản khai báo cho hắn, vừa xem xong thì hắn dùng ngón tay ném tờ khai xuống bàn và quát tháo:

“Anh khai báo thế này hả? Tại sao anh lại chép Chú Đại Bi vào đây? anh muốn tù rục xương ra không?”.

Vẫn thái độ bình tĩnh và từ tốn của một vị cao tăng thầy chậm rãi trả lời:
“Thì đây chính là những gì mà tôi đã làm và đã tụng niệm khi xưa, có thể thôi!”.
Hắn với vẻ mặt hầm hầm liêng cho thầy một tờ giấy khác để khai báo lại một cách thành khẩn để được sớm khoan hồng. Sáng ngày hôm sau, thầy nộp cho hắn một tờ thứ hai và trên tờ đó thầy chép lại thật nắn nót bài Kinh Bát Nhã. Đến đây thì hắn nổi điên lên và mạt sát thầy thậm tệ và đe dọa rằng thầy sẽ tù một gông và đừng mong sẽ được hưởng lượng khoan hồng. Thầy ung dung trả lời rằng:
“Các ông cứ việc giam giữ tôi bao lâu cũng được, tôi chỉ xin các ông hãy thả hết những người tù chính trị chế độ cũ mà các ông đang giam giữ mà thôi”.

Từ đó đến sau, chúng ít khi kêu thầy ra hỏi cung nữa cho đến mãi năm 87, trước khi có một đợt thả lớn tại trại Ba Sao Nam Hà thì trong các vị Tuyên Úy bị hỏi cung có tên thầy. Nhưng đặc biệt lần này chúng gọi thầy bằng thầy chứ không gọi là anh như trước nữa, tuy nhiên chúng vẫn dụ dỗ thầy nhận tội để được khoan hồng.

Thầy trả lời rằng các ông cứ thả hết các ông đại đức tuyên úy ra đi vì họ chẳng có tội lỗi gì hết tất cả đều do tôi và họ đều làm theo chỉ thị của tôi hết, muốn gì thì cứ giữ tôi ở lại đến bao lâu cũng được. Chúng đành chào thua và chỉ vài tháng sau thì thầy có tên trong danh sách được thả ra khỏi trại cùng với tất cả các đại đức và những vị mục sư linh mục khác trong các Nha Tuyên Úy quân đội.

Thầy ở tù mười hai năm, một năm trong Nam và mười một năm lưu đày trong những trại giam được dựng lên nơi rừng thiêng núi độc miền Bắc.

Về miền Nam, thầy trở lại chùa Giác Ngạn trên đường Trương Minh Ký cũ ở Sài Gòn để lại lo Phật sự, cũng kiến giúp đỡ các gia đình Phật tử. Khi đi đâu tụng kinh thầy vẫn đơn sơ trong chiếc áo nâu sòng và phe phẩy chiếc quạt đã sờn rách và môi luôn nở nụ cười hiền hậu giống như một ông già nhà quê chất phát hiền lành.

Chùa Vĩnh Nghiêm có mời thầy ra nhưng thầy vẫn ở lại Giác Ngạn – ngôi chùa mà thầy góp công xây dựng lên và trụ trì cho tới khi mất nước – cho tới khi thầy viên tịch vài năm sau đó.

Phạm Gia Đại

Nơi duy nhất người Việt Nam không bị khinh? & Người Việt khinh người Việt **Khánh Hưng**

Năm 2006, một công ty của người gốc Việt ở Mỹ thuê tôi về Việt Nam làm một nghiên cứu cho một dự án đầu tư kinh tế. Vài người quen đưa tôi đi làm việc với chính quyền một vài tỉnh để tìm hiểu các kế hoạch kinh tế của địa phương. Đi đến đâu, tôi cũng nhận được một lời khuyên tương tự là, tôi nên đưa theo một người Mỹ trắng, dù người đó là một nhân viên bảo vệ hay là một lao công cho công ty tôi ở Mỹ, miễn sao người đó nói "xì bô xì ba" gì đó, rồi tôi dịch ra tiếng Việt, thì tôi mới được tiếp đón nồng hậu và nhiệt tình!

Trở lại thành phố Sài Gòn, gặp một cậu "Việt kiều" 26 tuổi, sinh ở Mỹ, tốt nghiệp Cao học Anh ngữ tại Đại học Los Angeles (UCLA). Với nguyện vọng tha thiết được làm

việc tại Việt Nam, cậu xin vào dạy tại một trung tâm Anh ngữ trực thuộc một trường Đại học lớn của Việt Nam. Ở đây, người ta trả lương theo giờ cho cậu ít hơn ba lần so với mấy người Tây ba lô. Họ nói, cho dù anh có trình độ và khả năng hơn hẳn mấy người Tây đó, nhưng vì anh là người "gốc Việt" nên không có... giá cao!

Bản thân tôi, trong một lần trú tại một khách sạn của công ty Du lịch thành phố Sài Gòn, có hôm tôi gọi tiếp tân yêu cầu cử người giúp sửa đường dây internet, gọi đến lần thứ ba vẫn chỉ hứa hẹn. Sau đó, khi tôi gọi và nói chuyện bằng tiếng Anh, thì cô tiếp tân ríu rít "Yes, sir" và vài phút sau, một nhân viên xuất hiện! Tương tự, vài lần đi máy bay Vietnam Airlines từ Đài Loan về Việt Nam, tôi đã rút được kinh nghiệm là phải sử dụng tiếng Anh nếu muốn được phục vụ tốt và lịch sự!

Hết biết! Người Việt tự kỳ thị nhau và bị kỳ thị ngay chính ở Việt Nam!

Thế còn người nước ngoài, họ nghĩ gì về Việt Nam?

Một người tôi quen, là cán bộ lãnh đạo của một cơ quan văn hóa thành phố Sài Gòn. Trong một bữa "nhậu," ông ấy vừa nhai ngồm ngoàm cái đùi ếch, vừa thuyết trình với anh bạn người Mỹ bên cạnh tôi (tất nhiên tôi là thông dịch viên bắt buộc), rằng Việt Nam tuy còn nghèo nhưng nhờ có độc lập nên giữ được phẩm giá. Ông lấy ví dụ, vừa rồi, trong một chuyến du lịch ở Mỹ, trong lúc ông bị lạc khi tham quan Hollywood, ông đã được hai viên cảnh sát Mỹ "hết sức lễ phép, trân trọng, và nhiệt tình" giúp ông tìm đường. Họ luôn gọi ông bằng "sir," tức là "ngài." Ông kết luận, vì họ biết ông là cán bộ của Việt Nam, nên họ đã đối xử với ông một cách trọng thị như vậy!

Anh chàng Mỹ ngồi bên cạnh tôi tròn mắt và... không nói gì cả!

Nghe ông cán bộ này nói, tôi nhớ lại ba câu chuyện:

Năm 2005, tôi đưa cậu con trai 4 tuổi, trên đường về thăm Việt Nam, ghé lại tham quan và nghỉ ngơi ở Nhật ba ngày. Chúng tôi trú tại một khách sạn ở Tokyo. Thấy hai cha con chúng tôi trao đổi qua lại bằng tiếng Anh, hầu như tất cả nhân viên làm việc ở đây đều cư xử với chúng tôi một cách hết sức thân tình và trân trọng. Họ nghĩ chúng tôi là người Mỹ gốc Nhật. Thế nhưng, khi nghe tôi cải chính lại là người Việt Nam, thì thái độ họ thay đổi hẳn!

Một anh bạn tôi là một nhà giáo và một nhà báo nghiệp dư ở vùng Vịnh San Francisco kể rằng: Trong chuyến đi du lịch vùng Đông Âu như Ba Lan, Tiệp Khắc, Nga... anh luôn gặp rắc rối vì cái hộ chiếu Việt Nam của vợ anh. Lúc nào vào ra cửa khẩu của các nước này, thì cả đoàn du lịch 20 người có passport Mỹ đều cho qua một cách thoải mái, chỉ duy nhất vợ anh với hộ chiếu Việt Nam là bị tách ra vào phòng riêng xét hỏi. Lần nào anh cũng phải viết giấy bảo lãnh! Mà mấy nước này vốn là "anh em xã hội chủ nghĩa" của Việt Nam mấy năm trước đây!

Chuyện thứ ba, trong một lần du lịch tại Jakarta, Indonesia, tôi đi với một người bạn địa phương vào một câu lạc bộ khiêu vũ (dancing). Mấy cô vũ nữ nghe tôi nói chuyện bằng tiếng Anh thì vô vập và tỏ ra rất tình cảm. Thế nhưng, khi nghe tôi nói là "người Việt Nam", thì mấy cô dần dần lảng ra! Trời, ngay cả mấy cô... bán hoa mà cũng... đối với người Việt Nam như vậy!

Tôi định kể cho ông bạn cán bộ nghe ba câu chuyện này, nhưng lại thôi vì e là ông cũng không hiểu, và nếu hiểu ra thì không khéo ông lại quy cho tôi tội "theo đuôi đế quốc, xúc phạm dân tộc" thì mệt lắm!

Còn người Việt Nam xem người ngoại quốc thế nào?

Vợ chồng người bạn khác của tôi tại Hà Nội đều là "trí thức", thuộc gia đình quyền thế và khá giả tham vấn tôi về kế hoạch mở một trường Mẫu giáo cao cấp, trong đó có quy định là chỉ nhận con em của người nước ngoài da trắng. Tôi hỏi lại vài lần chữ "da trắng" và xin được giải thích thêm.

Họ nói rằng, ở Việt Nam đã có hai trường như vậy và đã tồn tại nhiều năm (?!), nói rõ là chỉ nhận học sinh người "da trắng." Người ngoại quốc mà da màu cũng không được, thậm chí ngay cả con cái cán bộ Việt Nam cao cấp hoặc đại gia cũng không được nhận. Vợ chồng anh bạn này khẳng định, tiền bạc chỉ là một vấn đề nhỏ, điều anh chị muốn là thể hiện "đẳng cấp" của anh chị, và của cơ sở do anh chị thành lập!

Tôi sống ở Mỹ, một đất nước do người da trắng thành lập và xây dựng nên, thế nhưng trên cả nước Mỹ, không nơi nào có một trường học với quy định như vậy cả! Nếu ai đó ở Mỹ mà có cái ý tưởng như vậy, thì có lẽ trước khi bị lôi ra tòa án cho phá sản, chắc chắn là sẽ bị dư luận ném xuống loại "đẳng cấp" man rợ! Tôi không biết thật sự ở Việt Nam đang có kiểu trường "quốc tế" như vậy không, nhưng chỉ riêng thái độ tận tụy phục vụ người "da trắng" của hai vị trí thức trẻ và quyền lực Hà Nội cũng đủ để nhận ra một thế hệ "quí tộc" Việt vô cùng... quái đản!

Kể lại những câu chuyện này, một người bạn của tôi nói rằng, trên thế giới hiện nay chỉ có duy nhất một nơi mà người Việt Nam không bị khinh rẻ, đó là nước Mỹ!

Thật mỉa mai, nhưng đó là sự thật! Tôi sống ở Việt Nam 30 năm, 15 năm ở Mỹ, và đi đây đó khoảng chục nước, tôi công nhận điều anh bạn này nói. Ít ra, đây cũng là điều an ủi cho những kẻ "tha hương" người Việt ở Mỹ như chúng tôi. Và đó cũng là lý do, mà tôi đã bỏ ý định trở lại quê hương Việt Nam sau khi học hành xong ở Mỹ, như kế hoạch của tôi ngày ra đi!

Khánh Hưng



About The Book

From the author of Steve Jobs and other bestselling biographies, this is the astonishingly intimate story of the most fascinating and controversial innovator of our era—a rule-breaking visionary who helped to lead the world into the era of electric vehicles, private space exploration, and artificial intelligence. Oh, and took over Twitter.

When Elon Musk was a kid in South Africa, he was regularly beaten by bullies. One day a group pushed him down some concrete steps and kicked him until his face was a swollen ball of flesh. He was in the hospital for a week. But the physical scars were minor compared to the emotional ones inflicted by his father, an engineer, rogue, and charismatic fantasist.

His father's impact on his psyche would linger. He developed into a tough yet vulnerable man-child, prone to abrupt Jekyll-and-Hyde mood swings, with an exceedingly high tolerance for risk, a craving for drama, an epic sense of mission, and a maniacal intensity that was callous and at times destructive.

At the beginning of 2022—after a year marked by SpaceX launching thirty-one rockets into orbit, Tesla selling a million cars, and him becoming the richest man on earth—Musk spoke ruefully about his compulsion to stir up dramas. “I need to shift my mindset away from being in crisis mode, which it has been for about fourteen years now, or arguably most of my life,” he said.

It was a wistful comment, not a New Year's resolution. Even as he said it, he was secretly buying up shares of Twitter, the world's ultimate playground. Over the years,

whenever he was in a dark place, his mind went back to being bullied on the playground. Now he had the chance to own the playground.

For two years, Isaacson shadowed Musk, attended his meetings, walked his factories with him, and spent hours interviewing him, his family, friends, coworkers, and adversaries. The result is the revealing inside story, filled with amazing tales of triumphs and turmoil, that addresses the question: are the demons that drive Musk also what it takes to drive innovation and progress?

<https://www.simonandschuster.com/books/Elon-Musk/Walter-Isaacson/9781982181284>

Disney Pulls Plug on \$1 Billion Development in Florida

A new office complex, and relocation of a division from California, would have created more than 2,000 jobs but was scuttled as the company and Gov. Ron DeSantis continue to feud.



In March, Disney called Gov. Ron DeSantis of Florida “[anti-business](#)” for his scorched-earth attempt to tighten oversight of the company’s theme park resort near Orlando. Last month, when [Disney sued the governor](#) and his allies for what it called “a targeted campaign of government retaliation,” the company made clear that \$17 billion in planned investment in Walt Disney World was on the line.

“Does the state want us to invest more, employ more people, and pay more taxes, or not?” Robert A. Iger, Disney’s chief executive, said on an earnings-related conference call with analysts last week.

On Thursday, Mr. Iger and Josh D’Amaro, Disney’s theme park and consumer products chairman, showed that they were not bluffing, pulling the plug on an office complex that was scheduled for construction in Orlando at a cost of roughly \$1

billion. It would have brought more than 2,000 Disney jobs to the region, with \$120,000 as the average salary, according to an estimate from the Florida Department of Economic Opportunity.

The project, known as Lake Nona Town Center, was supposed to cost \$864 million, but recent price estimates have been closer to \$1.3 billion. Disney had planned to relocate as many as 2,000 employees from Southern California, including most of a department known as Imagineering, which works with Disney's movie studios to develop theme park attractions.



Most of the affected employees complained bitterly about having to move — [some quit](#) — but Disney held firm, partly because of a Florida tax credit that would have allowed the company to recoup as much as \$570 million over 20 years for building and occupying the complex.

DeSantis-Disney Rift: As Gov. Ron DeSantis of Florida [tussles with the company](#), he is learning that taking on big corporations [can be a tricky business](#).

Internal Antagonist Ousted: Ike Perlmutter, the chairman of Marvel Entertainment who's had a [volatile tenure at Disney](#), was among the [latest round of job cuts at the company](#).

A Century in Business: As part of its 100th anniversary marketing campaign, Disney [is opening two exhibitions that will tour the globe until at least 2028](#). It comes at a moment when the company's formidable stature has shown a few cracks. When he announced the project in 2021, Mr. D'Amaro cited "Florida's business-friendly climate" as justification.

Mr. D'Amaro's tone in an email to employees on Thursday was notably chillier. He cited "changing business conditions" as a reason for canceling the Lake Nona project.

"I remain optimistic about the direction of our Walt Disney World business," Mr. D'Amaro said in the memo. He noted that \$17 billion was still earmarked for construction at Disney World over the next decade — growth that would create an estimated 13,000 jobs. "I hope we're able to," he said.

The memo, which was viewed by The New York Times, did not mention Mr. DeSantis. But the company's battle with the governor and his allies in the Florida Legislature figured prominently into Disney's decision to cancel the Lake Nona project, according to two people briefed on the matter, who spoke on the condition of anonymity to discuss private deliberations. A spokeswoman for Mr. Iger said he was not available for an interview.

Most of the affected employees complained bitterly about having to move — [some quit](#) — but Disney held firm, partly because of a Florida tax credit that would have allowed the company to recoup as much as \$570 million over 20 years for building and occupying the complex.

Cảm Tạ Miền Nam

[@cuulonggiang1665 posts on YouTube 2022](#)

Phan Huy, một thi nhân nổi tiếng ở miền Bắc - đã viết một bài thơ có tựa đề là “Cảm Tạ Miền Nam” rất cảm động.

Ngay trong phần mở đầu ông viết:

*“Đã từ lâu, tôi có điều muốn nói
Với Miền Nam, miền đất mới thân quen
Một lời cảm ơn tha thiết chân tình
Của Miền Bắc, xứ ngàn năm văn vật.”*

Sau cái gọi giải phóng và thống nhất, ông Huy đã có dịp vào miền Nam và ông đã nhận ra miền Nam không tồi tệ như bác và đảng đã tuyên truyền và nhồi nhét vào đầu ông. Và khi đã nhận ra một sự thật phũ phàng, ông Huy đã bật khóc:

*“Tôi đã vào một xứ sở thần tiên
Nếp sống văn minh, dân khí dịu hiền
Cơm áo no lành, con người hạnh phúc.
Tôi đã ngạc nhiên với lòng thán phục
Mở mắt to nhìn nửa nước anh em
Mà đảng bảo là bị lũ nguy quyền
Áp bức, đoạ đày, đói ăn, khát uống.
Trước mắt tôi, một Miền Nam sinh động
Đất nước con người dân chủ tự do
Tôi đã khóc ròng đứng giữa thủ đô
Giận đảng giận đoàn bao năm phỉnh gạt.”*

Phan Huy cũng không quên mô tả cuộc sống ở miền Bắc cộng sản, nơi ông đã sinh ra và lớn lên, vô cùng tồi tệ. Đời sống của nhân dân miền Bắc nghèo khó đến nỗi phải kéo cây thay trâu và nhân phẩm của nhân dân miền Bắc bị xô đẩy xuống tới mức ngang hàng với bèo dâu:

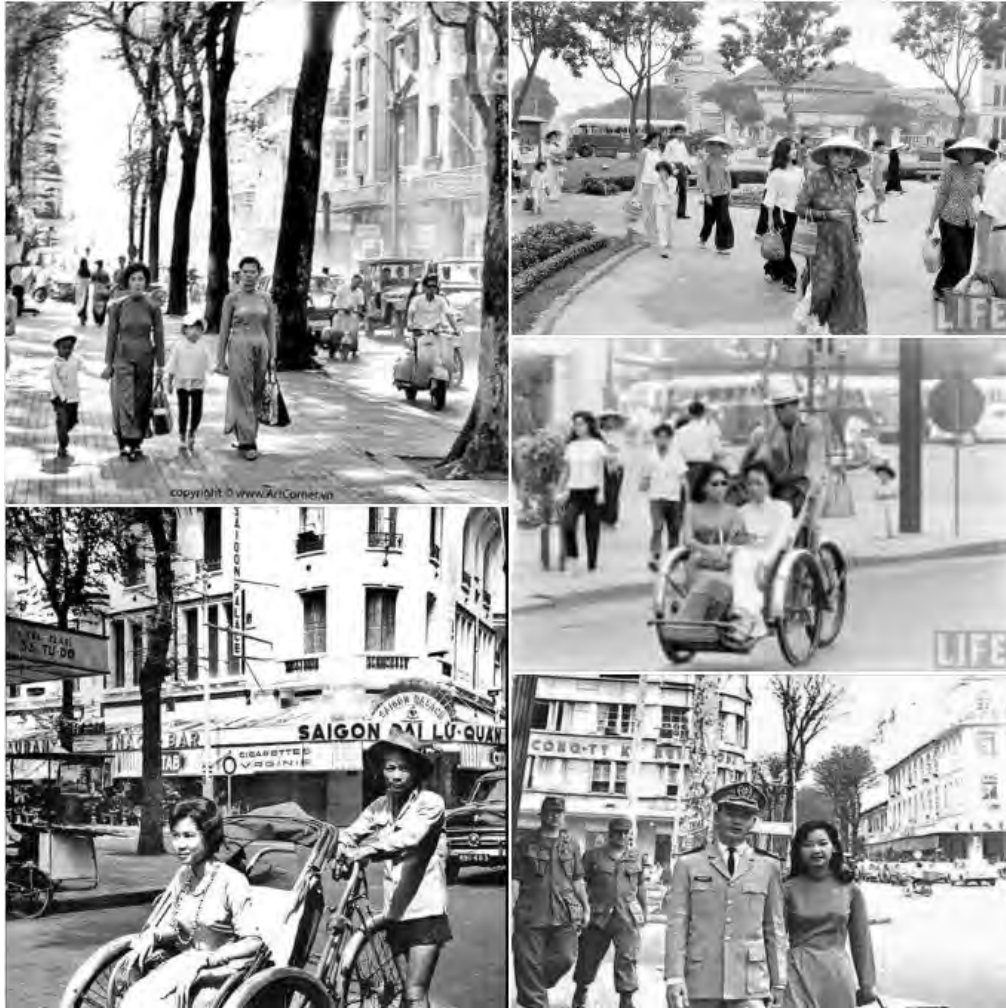
*“Sinh ra lớn lên sau bức màn sắt
Tôi chẳng biết gì ngoài bác, đảng "kính yêu"
Xã hội sơ khai, tầy nã, một chiều.
Con người nói năng như là chim vẹt.
Mở miệng ra là: "Nhờ ơn bác đảng
Chế độ ta ưu việt nhất hành tinh*

*Đuốc soi đường chủ nghĩa Mac Lenin
Tiến nhanh tiến mạnh lên thiên đường vô sản.
Hai mươi một năm trên đường cách mạng
Xã hội thụt lùi người kéo thay trâu
Cuộc sống xuống thang tính bằng tem phiếu
Nhân phẩm con người chẳng khác bèo dâu.”*

Trong phần cuối bài thơ, ông Huy kết luận rằng, ngày 30-04-1975 thật sự không phải là ngày cộng sản miền Bắc “giải phóng” miền Nam thoát khỏi sự kìm kẹp của Mỹ Ngụy, mà ngược lại là ngày miền Nam đã phá màn u tối, đã khai đường chỉ lối, đã khai sáng cho nhân dân miền Bắc thấy được bộ mặt gian trá và độc ác của bè lũ cộng sản, thật sự chúng chỉ là một bầy ác quỷ, và ông đã không tiếc lời cảm tạ nhân dân miền Nam:

*“Cảm tạ Miền Nam phá màn u tối
Để tôi được nhìn ánh sáng văn minh
Biết được nhân quyền, tự do dân chủ
Mà đảng từ lâu bưng bít dân mình.
Cảm tạ Miền Nam khai đường chỉ lối
Đưa tôi trở về tổ quốc thiêng liêng
Của Hùng Vương, quốc tổ giống Rồng Tiên
Chớ không là Cac Mac và Le nin ngoại tộc.
Cảm tạ Miền nam mở lòng khai sáng
Đưa tôi hội nhập cùng thế giới năm châu
Mà trước đây tôi có biết gì đâu
Ngoài Trung quốc và Liên xô đại vĩ
Cảm tạ Miền Nam đã một thời làm chiến sĩ
Chống lại Cộng nô cuồng vọng xâm lăng
Hầu giúp cả nước thoát bầy ác quỷ
Dù không thành công cũng đã thành danh.”*

TÔI VÀ SÀI GÒN
Đỗ Duy Ngọc



Tôi vốn không phải là dân Sài Gòn. Tôi là thằng con trai miền Trung vô Sài Gòn kiếm cái chữ từ những năm cuối của thập niên sáu mươi, đầu bảy mươi của thế kỷ trước. Là thằng sinh viên nghèo tự lập chẳng ai nuôi nên tôi chỉ quanh quẩn ở những xóm lao động của Sài Gòn hoa lệ thời ấy. Để tiện việc học hành, và vì lúc đấy cũng chẳng có phương tiện di chuyển, tôi bám trụ khu Trương Minh Giảng suốt quãng đời đi học.

Cho đến khi đi làm mua nhà, tôi vẫn quanh quẩn khu vực ấy. Thế nên Sài Gòn trong tôi là những xóm nghèo, Sài Gòn với tôi là những người lao động nghèo, những căn nhà nhỏ, lụp xụp bên bờ kinh Nhiêu Lộc mà bây giờ không còn nữa. Ngay đồng rác ngay chân cầu Trương Minh Giảng thuở xưa cũng là nơi ghi dấu nhiều kỷ ức của tôi một thời đã đi qua không trở lại.

Lúc mới vào Sài Gòn, tôi mê những hàng cây. Những cây me đường Nguyễn Du với những quán cà phê ven vỉa hè. Tôi và bè bạn rong chơi ở đấy suốt đời sinh viên để ngắm những hàng me, để đón những lá me nhỏ xiu rớt trên vai mình, để nhìn những hạt mưa bay bay trên những vòm lá xanh biếc màu ngọc bích và để yêu một thành phố. Tôi cũng mê những buổi chiều đi lang thang sau giờ học ở Đại học Văn khoa, đến cuối đường Gia Long, ở gần nhà thương Grall để ngắm hai hàng cây giao nhau và cuối con đường là chuông viện Công giáo với tường màu gạch đỏ.

Cảnh đó giống như một tác phẩm nghệ thuật và lúc đó tôi nghĩ đây là con đường đẹp nhất Sài Gòn. Đi thêm một đoạn nữa, ta ngỡ ngàng với hàng cây cổ thụ vươn cao từ khu Ba Sơn chạy ra Cường Để, những hàng cây thẳng tắp luôn khiến con đường nhiều bóng mát điểm những bóng nắng loang lổ như một bức ảnh đẹp được chụp bởi một tay máy nghệ sĩ.

Tôi cũng thích bách bộ lang thang đến đường Đoàn Thị Điểm (bây giờ là Trương Định) để ngắm những ngôi nhà sang trọng nhưng rất thanh lịch thấp thoáng sau hàng rào đầy hoa và con đường nhiều bóng râm.

Nhiều lần đi kiếm cơm ăn ké bạn bè ở Đại học xá Minh Mạng, tôi cũng ngắm nhìn những hàng cây cao vút cạnh ngôi nhà thờ màu đỏ như gợi nhớ một bức tranh nào đó đầy màu sắc của họa sĩ Đinh Cường.

Có nhiều đêm, đi qua ngôi nhà lớn ở đầu đường Trương Minh Giảng tôi nghe tiếng đé gáy ở bụi cỏ và hương ngọc lan thơm ngát từ những cây ngọc lan cổ thụ trong sân toà nhà dưới ánh đèn đường mờ đục.

Tiếng đé và hương thơm ngọc lan vẫn nằm trong ký ức của tôi đến tận bây giờ bởi con đường đó gắn với tôi biết bao kỷ niệm không thể quên.

Kể nhiều vòm cây khóm lá để thấy ấn tượng đầu tiên của một chàng học trò tỉnh lẻ đến Sài Gòn chính là những con đường với những hàng cây rợp bóng.

Đến bây giờ, tôi đã ở Sài Gòn được gần nửa thế kỷ. Chưa bao giờ có ai hỏi tôi là người gốc Sài Gòn hay là dân Sài Gòn xịn, dù đã ở lâu xứ này, tôi vẫn nói giọng Quảng dù đã nhẹ hơn người chánh gốc Quảng. Ở đất này, ai đã đến và sinh sống ở đây đều là người Sài Gòn. Sài Gòn có nhiều người Bắc di cư năm 1954.

Sài Gòn cũng có nhiều người miền Trung từ Quảng Nam, Ngãi, Quy Nhơn, Bình Định. Sài Gòn còn có rất nhiều người miền Tây lên, từ miền Đông Nam bộ đến. Nhưng dù họ đến từ đâu, họ ở đây đã là dân Sài Gòn, chẳng có ai phân biệt, chẳng có ai thắc mắc. Và đó cũng là đặc điểm đặc biệt của người Sài Gòn khác với Hà Nội.

Đêm đầu tiên khi đặt chân đến Sài Gòn, tôi ngủ trên ghế đá chỗ vườn hoa Tao Đàn. Nửa đêm tôi bị đánh thức bởi hai người cảnh sát. Bởi thời đó thiết quân luật từ nửa đêm, không ai được ra đường. Sau khi đưa giấy tờ và kể lể hoàn cảnh vừa mới từ miền Trung vào đi học, chưa kiếm được người quen.

Một anh cảnh sát bảo: Miền Trung à? Ái chà chà, mấy ông sinh viên quê ngoài ấy khoái theo Việt cộng lắm. Tui chẳng biết nói sao đành chịu bị giải về cái bót cảnh sát ở ngay góc chợ Bến Thành. Tui nằm ở đó một đêm, sáng ra có một ông sĩ quan cảnh sát đến, bảo tôi đi học thì gắng mà học hành, đừng nghe lời mấy tay Việt Cộng mà tiêu đời. Ông ta móc bóp, cho tôi tiền ăn sáng và uống cà phê. Đó là cái tình của người Sài Gòn đầu tiên trong đời tôi và gây cho tôi ấn tượng về con người ở xứ này.

Trong những ngày đói rách, khó khăn của cuộc đời, những người Sài Gòn, những người nghèo Sài Gòn đã bảo bọc, giúp đỡ tôi qua cơn khốn khó. Tôi không quên được cô gái bán cơm ở chợ Trương Minh Giảng. Thuở đó, tôi thất nghiệp, chẳng kiếm ra tiền, chắt bóp, vợ vét túi chỉ đủ gọi đĩa cơm trắng rồi xin miếng xì dầu ăn qua bữa.

Ăn được ba hôm như thế thì cô bán cơm hỏi sao không thấy anh ăn thức ăn, đành nói dối tôi ăn chay. Cô ấy chỉ cười, không nói. Nhưng mấy hôm sau, đĩa cơm xì dầu của tôi luôn có dưới lớp cơm trắng khi thì miếng đậu hủ, lúc thì miếng thịt hoặc cái hột vịt kho. Được mấy hôm, tôi mắc cỡ, không dám ra ăn nữa. Sau đó lại kiếm được việc bán báo ở tận đường Phạm Ngũ Lão, tôi không ăn cơm ở đó. Thời gian sau tìm lại thì quán đã đổi chủ rồi, tôi chẳng tìm được lại cô gái bán cơm có nụ cười rất tươi và tấm lòng nhân hậu.

Ăn uống thiếu thốn lại tạng người không khoẻ, tôi hay bệnh vặt. Chính những người hàng xóm rất nghèo của tôi đã giúp tôi qua được những cơn bệnh, giúp tôi có chén cháo, viên thuốc. Cái tình đó tôi làm sao quên. Sau này ở lâu, tôi mới hiểu ra đó là bản chất của người

Sài Gòn. Là cái tính ưa giúp người hoạn nạn, giúp kẻ sa cơ, tính ưa làm việc thiện của người Sài Gòn.

Mỗi lần đi xa rời Sài Gòn lâu, nhớ về Sài Gòn tôi chỉ nhớ những hàng cây và những người Sài Gòn tôi đã gặp, đã sống chung với họ một quãng đời.

Người ta hay khen Sài Gòn với những cao ốc, những dinh thự, những khu ăn chơi bốc trời, những hàng quán xa hoa, những chiếc xe đắt tiền, những thú vui hoan lạc. Riêng tôi, trong tôi, Sài Gòn là vòm cây xanh lá, là những ngôi nhà bên dòng nước đen và ở đó tôi tìm thấy tình người.

Bây giờ, Sài Gòn đã đổi tên. Thế nhưng tôi vẫn gọi là Sài Gòn như một thói quen, cái tên của ký ức không thể nhạt phai. Người ta đang tìm đủ cách để thành phố này không còn ký ức của Sài Gòn. Nhưng với người Sài Gòn, Sài Gòn mãi mãi là Sài Gòn mà không có một cái tên nào khác có thể thay thế được./.

@Đỗ Duy Ngọc